

Nikon

MÁY ẢNH SỐ

1 J2

Tài liệu tham khảo



1

Vi

Cảm ơn bạn đã mua máy ảnh số Nikon. Để tận dụng máy ảnh hiệu quả nhất, hãy đọc kỹ đầy đủ các hướng dẫn và để ở nơi tất cả những ai sử dụng máy sẽ đọc.

Cài Đặt Máy Ảnh

Các giải thích trong tài liệu hướng dẫn này giả định các cài đặt mặc định được sử dụng.

Biểu Tượng và Quy Ước

Để tìm thông tin bạn cần dễ dàng hơn, những biểu tượng và các quy ước sau đây được sử dụng:



Biểu tượng này thể hiện cảnh báo; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng để tránh làm hỏng máy ảnh.



Biểu tượng này thể hiện các ghi chú; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng máy ảnh.



Biểu tượng này thể hiện tham chiếu tới các trang trong tài liệu hướng dẫn này.

Vì Sự An Toàn Của Bạn

Trước khi sử dụng máy ảnh lần đầu tiên, đọc các hướng dẫn an toàn trong “Vì Sự An Toàn Của Bạn” (📖 x–xii).

Tận Dụng Máy Ảnh Hiệu Quả Nhất	 ii
Mục lục	 iv
 Giới thiệu	 1
 Chế Độ Chụp Ảnh Tự Động	 21
 Chế Độ Sáng Tạo	 27
 Chế Độ Chọn Ảnh Thông Minh	 35
 Chế Độ Phim	 41
 Chế độ Chụp nhanh Chuyển Động	 49
 Thiết Lập Có Sẵn	 53
 Thông Tin Thêm về Nhiếp Ảnh	 57
 Thông Tin Thêm về Phát Lại	 67
 Kết nối	 79
 Menu Phát Lại	 97
 Menu Chụp	 107
 Menu Cài Đặt	 155
 Chú Ý Kỹ Thuật	 165

Tận Dụng Máy Ảnh Hiệu Quả Nhất

Chụp ảnh hoặc quay phim trong năm chế độ bất kỳ.

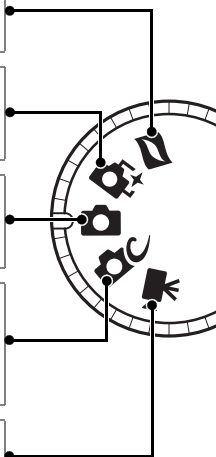
Chọn ❶  **Chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động** (📖 49) để ghi lại cả bức ảnh và hoạt tiết phim ngắn gọn,

❷  **Chế độ chọn ảnh thông minh** (📖 35) để ghi lại những thay đổi nhanh của tư thế và các ảnh khó chụp khác,

❸  **chế độ chụp ảnh tự động** (📖 21) để đơn giản hóa nhiếp ảnh bằng cách để máy ảnh tự thiết lập,

❹  **chế độ sáng tạo** (📖 27) sử dụng các hiệu ứng đặc biệt, phù hợp các thiết lập với cảnh, hoặc chụp trong các chế độ phơi sáng **P, S, A**, hoặc **M**, hoặc

❺  **chế độ phim** (📖 41) để quay phim độ nét cao hoặc phim chuyển động chậm.



Kết hợp ảnh, phim và nhạc.

❶ **Cài đặt** phần mềm đi kèm (📖 79), ❷ **sao chép** ảnh và phim vào máy tính của bạn (📖 83), và ❸ sử dụng Short Movie Creator để **tạo** các phim ngắn (📖 86).



Xem các phim ngắn ở độ phân giải cao.

① **Chuyển** phim ngắn sang máy ảnh (📖 87) và sử dụng cáp HDMI để ② **kết nối máy ảnh với HDTV** (📖 88).



Phụ kiện

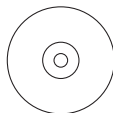
Mở rộng chân trời nhiếp ảnh của bạn với một loạt các thấu kính có thể hoán đổi cho nhau và các phụ kiện khác (📖 165).



☐ Thấu kính



☐ Điều khiển từ xa



☐ Phần mềm
cho máy ảnh
số Nikon (có
sẵn trên đĩa
CD)



☐ Bộ nối móc
gắn

Mục lục

Tận Dụng Máy Ảnh Hiệu Quả Nhất	ii
Phụ kiện	iii
Vì Sự An Toàn Của Bạn.....	x
Chú ý	xiii

Giới thiệu 1

Nội Dung Gói	1
Các Bộ Phận Của Máy Ảnh	2
Thân Máy Ảnh.....	2
Màn hình	4
Nút DISP (hiển thị)	5
Đĩa Lệnh Chế Độ.....	6
Đa Bộ Chọn.....	7
Nút MENU.....	8
Nút  (đặc điểm).....	10
Các Bước Đầu Tiên.....	11

Chế Độ Chụp Ảnh Tự Động 21

Chụp Ảnh Trong Chế Độ Chụp Ảnh Tự Động.....	21
Xem Ảnh	25
Xóa Ảnh	26

Chế Độ Sáng Tạo 27

Chọn Chế Độ Sáng Tạo	27
Chọn Cảnh	28
P, S, A, M.....	28
Night landscape (Phong cảnh ban đêm) ()	28
Night portrait (Chân dung ban đêm) ()	28
Backlighting (Ngược sáng) ()	28
Easy panorama (Toàn cảnh dễ dàng) ()	28
Soft (Mềm) ()	29
Miniature effect (Hiệu ứng cỡ tí hon) ()	29
Selective color (Màu chọn lọc) ()	29

P, S, A, M	30
Backlighting (Ngược sáng)	31
Toàn Cảnh Dễ Dàng	32
Chế Độ Chọn Ảnh Thông Minh	35
Chụp Ảnh trong Chế Độ Chọn Ảnh Thông Minh	35
Xem Ảnh	38
Lựa Chọn Ảnh Tốt Nhất	38
Xóa Ảnh	39
Chế Độ Phim	41
Phim HD	41
Chuyển Động Chậm	45
Xem Phim	47
Xóa Phim	48
Chế độ Chụp nhanh Chuyển Động	49
Chụp ở chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động	49
Xem Chụp Nhanh Chuyển Động	52
Xóa Chụp Nhanh Chuyển Động	52
Thiết Lập Có Sẵn	53
Thông Tin Thêm về Nhiếp Ảnh	57
Chế Độ Tự Hẹn Giờ và Chế Độ Điều Khiển Từ Xa	57
Bù Phơi Sáng	60
Đèn Nháy Gắn Sẵn	62
Chọn Chế Độ Đèn Nháy	63
Thông Tin Thêm về Phát Lại	67
Thông Tin Ảnh	67
Phát Lại Hình Thu Nhỏ	70
Phát Lại Theo Lịch	71
Thu Phóng Phát Lại	72

Xóa Ảnh	73
Đang Xóa Ảnh Hiện Tại	73
Menu Phát Lại	73
Đánh Giá Ảnh	74
Trình Chiếu Slide.....	75
Kết nối	79
Cài Đặt Phần Mềm Kèm Theo Máy	79
Yêu Cầu Hệ Thống	81
Xem và Chỉnh Sửa Ảnh trên Máy Tính	83
Đang Chuyển Hình Ảnh	83
Xem Ảnh	84
Tạo Phim Ngắn.....	86
Xem Ảnh trên TV	88
Thiết Bị Độ Nét Cao.....	88
In ảnh	90
Kết Nối tới Máy In	90
In một ảnh một	91
In Đa Ảnh.....	92
Tạo Thứ Tự In DPOF: Cài Đặt In.....	96
Menu Phát Lại	97
Chọn Nhiều Ảnh	99
Rotate Tall (Xoay Dọc)	100
Protect (Bảo Vệ)	100
Rating (Đánh Giá)	100
D-Lighting	101
Resize (Thay Đổi Kích Cỡ)	102
Crop (Xén)	103
Edit Movie (Chỉnh Sửa Phim)	104

Menu Chụp	107
Reset Shooting Options (Đặt Lại Tùy Chọn Chụp)	109
Exposure Mode (Chế Độ Phơi Sáng)	110
P Tự động được lập trình	112
S Tự động ưu tiên cửa trập	113
A Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính.....	114
M Bằng tay	115
Image Quality (Chất Lượng Hình Ảnh)	118
Image Size (Cỡ Hình Ảnh)	119
Continuous (Liên tục)	121
Frame Rate (Tốc Độ Khung Hình).....	123
Movie Settings (Cài Đặt Phim)	123
Metering (Đo Sáng).....	124
Khóa Tự Động Phơi Sáng	125
White Balance (Cân Bằng Trắng).....	126
Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng	127
Cài Đặt Trước Bằng Tay.....	128
ISO Sensitivity (Độ Nhạy ISO).....	131
Picture Control.....	132
Sửa Đổi Picture Control	132
Custom Picture Control (Picture Control Tùy Chọn)	136
Edit/Save (Chỉnh sửa/Lưu)	136
Load from/Save to Card (Tải từ/Lưu vào Thẻ)	137
Color Space (Không Gian Màu).....	138
Active D-Lighting (D-Lighting Hoạt Động)	139
Long Exposure NR (Phơi Sáng Lâu NR)	140
High ISO Noise Reduction (Giảm Nhiễu ISO Cao)	140
Fade in/Fade out (Đưa Cảnh Vào Dần/Làm Mờ Dần)	140
Movie Sound Options (Tùy Chọn Âm Thanh Phim)	141
Interval Timer Shooting	
(Chụp Hẹn Giờ Quảng Thời Gian)	142

Vibration Reduction (Chống Rung).....	143
Focus Mode (Chế Độ Lấy Nét)	144
Lấy Nét Bằng Tay	147
AF-Area Mode (Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động)	149
Khóa Lấy Nét	150
Face-Priority AF (Lấy Nét Tự Động Ưu Tiên Khuôn Mặt)... ..	152
Built-in AF Assist (Hỗ trợ lấy nét tự động tích hợp).....	152
Flash Compensation (Bù Đèn Nháy)	153
Menu Cài Đặt	155
Reset Setup Options (Đặt Lại Tùy Chọn Cài Đặt)	157
Format Memory Card (Định Dạng Thẻ Nhớ)	157
Slot Empty Release Lock (Khóa Nhả Khe Trống)	157
Welcome Screen (Màn Hình Chào Mừng)	158
Monitor Brightness (Độ Sáng Màn Hình)	158
Grid Display (Hiển Thị Lưới).....	158
Sound Settings (Thiết Lập Âm Thanh).....	159
Auto Power Off (Tự Động Tắt Nguồn)	159
Remote on Duration (Chụp Từ Xa Theo Thời Lượng)	160
Assign AE/AF-L Button (Gán Nút AE/AF-L).....	160
Shutter Button AE Lock (Khóa AE Nút Cửa Trập).....	160
Flicker Reduction (Giảm Nhấp Nháy).....	161
Reset File Numbering (Cài Đặt Lại Số Tập Tin).....	161
Time Zone and Date (Múi Giờ và Ngày)	162
Language (Ngôn ngữ).....	162
Auto Image Rotation (Tự Động Xoay Hình Ảnh)	163
Pixel Mapping (Bản Đồ Điểm Ảnh).....	164
Firmware Version (Phiên Bản Vi Chương Trình)	164

Chú Ý Kỹ Thuật.....	165
Phụ Kiện Tùy Chọn.....	165
Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt.....	168
Thẻ Eye-Fi Đã Được Phê Duyệt	169
Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC	170
Bảo Quản và Vệ Sinh.....	172
Bảo quản.....	172
Lau chùi	172
Chăm Sóc Máy Ảnh và Pin: Cảnh báo	173
Mặc Định	177
Dung Lượng Thẻ Nhớ	178
Khắc Phục Sự Cố	181
Hiển thị	181
Chụp (Tất Cả Chế Độ Chụp và Chế Độ Phơi Sáng)	182
Chụp (P, S, A, và chế độ M)	183
Phim.....	184
Phát lại	184
Khác	185
Thông Báo Lỗi	186
Thông số kỹ thuật	189
Máy ảnh số Nikon 1 J2	189
Tuổi Thọ Pin	204
Danh mục.....	205

Vì Sự An Toàn Của Bạn

Để tránh làm hỏng sản phẩm Nikon hoặc gây thương tích cho chính mình hay cho người khác, hãy đọc đầy đủ các biện pháp phòng ngừa an toàn trước khi sử dụng thiết bị này. Hãy giữ những hướng dẫn an toàn này ở nơi tất cả những ai sử dụng sản phẩm sẽ đọc chúng.

Hậu quả có thể xảy ra do việc không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa được liệt kê trong phần này được chỉ báo bằng biểu tượng sau đây:



Biểu tượng này đánh dấu cảnh báo. Để tránh chấn thương có thể xảy ra, hãy đọc tất cả các cảnh báo trước khi sử dụng sản phẩm Nikon này.

■ CẢNH BÁO

Để khuôn hình tránh ánh nắng mặt trời.

Để khuôn hình tránh xa khỏi ánh nắng mặt trời khi chụp các đối tượng bị ngược sáng. Ánh sáng mặt trời tập trung vào máy ảnh khi mặt trời ở trong hoặc gần khuôn hình có thể gây cháy hình.

Tắt ngay lập tức trong trường hợp sự cố.

Nếu bạn nhận thấy có khói hay mùi bất thường trong thiết bị hoặc bộ đổi điện AC (có riêng), rút phích cắm bộ đổi điện AC và tháo pin ngay lập tức, cẩn thận để không bị bỏng. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây thương tích. Sau khi tháo pin, mang máy đến Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.

Không sử dụng ở nơi có khí dễ cháy.

Không sử dụng thiết bị điện tử ở nơi có khí dễ cháy, vì điều này có thể gây nổ hoặc cháy.

 **Để xa tầm tay của trẻ nhỏ.** Việc không tuân thủ biện pháp để phòng này có thể gây thương tích. Ngoài ra, hãy lưu ý rằng các bộ phận nhỏ gây nguy cơ chẹn họng. Nếu một đứa trẻ nuốt phải bất kỳ bộ phận nào của thiết bị này, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ ngay lập tức.

 **Không tháo rời.** Việc chạm vào các bộ phận bên trong của máy có thể gây thương tích. Trong trường hợp sự cố, việc sửa chữa phải do kỹ thuật viên có trình độ thực hiện. Trong trường hợp máy bị vỡ do bị rơi hoặc sự cố khác, tháo pin và bộ đổi điện AC sau đó mang máy tới Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.

 **Không đặt dây đeo quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em.** Việc đặt dây máy ảnh quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em có thể dẫn đến nghẹt thở.

⚠ Không duy trì tiếp xúc với máy ảnh, pin hoặc bộ sạc trong thời gian dài trong khi các thiết bị này đang được bật lên hoặc đang được sử dụng. Các bộ phận của thiết bị nóng lên. Việc tiếp xúc da trực tiếp với thiết bị trong thời gian dài có thể gây bỏng ở nhiệt độ thấp.

⚠ Không chiếu đèn nháy vào người lái xe. Việc không tuân thủ biện pháp đề phòng này có thể gây tai nạn.

⚠ Quan sát thận trọng khi sử dụng đèn nháy.

- Sử dụng máy ảnh với đèn nháy để gần da hoặc các đối tượng khác có thể gây ra bỏng.
- Việc sử dụng đèn nháy để gần mắt của đối tượng có thể gây suy giảm thị lực tạm thời. Cần đặc biệt cẩn thận khi chụp ảnh trẻ sơ sinh, không được để đèn nháy gần hơn một mét với đối tượng này.

⚠ Tránh tiếp xúc với tinh thể lỏng. Nếu bị vỡ màn hình, cần cẩn thận để tránh chấn thương do kính vỡ và không để các tinh thể lỏng màn hình chạm vào da, vào mắt hoặc miệng.

⚠ Cần có các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý pin. Pin có thể rò rỉ hoặc phát nổ nếu được xử lý không phù hợp. Cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau khi xử lý pin để sử dụng trong sản phẩm này:

- Chỉ sử dụng pin được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.
- Không làm chập mạch hoặc tháo rời pin.

- Hãy chắc chắn tắt máy ảnh trước khi thay pin. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, hãy chắc chắn phải rút bỏ.
- Không cố lắp lộn ngược pin hoặc ngược ra sau.
- Không để pin tiếp xúc trực tiếp với lửa hay với nhiệt quá nóng.
- Không nhúng hoặc để tiếp xúc với nước.
- Thay nắp phủ đầu cuối khi vận chuyển pin. Không mang hoặc lưu trữ pin cùng với các vật kim loại như vòng cổ hoặc kẹp tóc.
- Pin dễ bị rò rỉ khi xả hết điện. Để tránh làm hỏng máy, hãy chắc chắn tháo pin khi không còn điện.
- Khi không sử dụng pin, lắp nắp phủ đầu cuối và cất giữ ở nơi khô, mát.
- Pin có thể nóng ngay sau khi sử dụng hoặc khi máy dùng nguồn pin trong một thời gian dài. Trước khi tháo pin hãy tắt máy ảnh và để cho pin nguội.
- Ngừng sử dụng ngay lập tức khi bạn thấy bất kỳ thay đổi nào ở pin, chẳng hạn như đổi màu hoặc biến dạng.

⚠️ *Cẩn tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý sạc:*

- Để khô ráo. Việc không tuân thủ để phòng này có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật.
- Không làm chập các đầu cuối sạc. Không tuân thủ để phòng này có thể dẫn đến quá nóng và làm hỏng sạc.
- Cần loại bỏ bụi trên hoặc gần các bộ phận kim loại của phích cắm bằng miếng vải khô. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây cháy.
- Không tới gần sạc trong cơn bão. Việc không tuân thủ để phòng này có thể bị điện giật.
- Không sử dụng phích cắm hoặc sạc với tay ướt. Việc không tuân thủ để phòng này có thể bị điện giật.
- Không sử dụng bộ chuyển đổi du lịch hoặc bộ điều hợp được thiết kế để chuyển đổi từ một điện áp này sang điện áp khác hoặc với biến tần DC-sang-AC. Việc không tuân thủ để phòng này có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra quá nhiệt hoặc cháy.

⚠️ *Sử dụng cáp phù hợp.* Khi kết nối cáp với giắc cắm đầu vào và đầu ra, chỉ sử dụng các loại cáp của Nikon cung cấp hoặc được bán với mục đích duy trì tuân thủ các quy định của sản phẩm.

⚠️ *CD-ROM:* Không nên mở CD-ROM chứa phần mềm hoặc tài liệu hướng dẫn trên thiết bị CD âm thanh. Việc phát đĩa CD-ROM trên máy nghe nhạc CD âm thanh có thể gây mất thính lực hoặc hư hỏng thiết bị.

Chú ý

- Không phần nào của tài liệu hướng dẫn này được phép tái tạo, truyền, sao chép, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc được dịch sang các ngôn ngữ dưới bất kỳ hình thức nào, bằng bất kỳ phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Nikon.
- Nikon có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong các hướng dẫn sử dụng này bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.
- Nikon sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào từ việc sử dụng sản phẩm này.
- Dù đã nỗ lực để đảm bảo rằng các thông tin trong tài liệu hướng dẫn là chính xác và đầy đủ, chúng tôi đánh giá cao việc bạn lưu ý bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào với người đại diện Nikon trong khu vực của bạn (địa chỉ cung cấp riêng).

Thông báo liên quan đến Cấm Sao Chép hoặc Tái Tạo

Lưu ý rằng việc chỉ đơn giản là sở hữu tài liệu đã được sao chép về mặt kỹ thuật số hoặc tái tạo bằng máy quét, máy ảnh kỹ thuật số, hoặc thiết bị khác là cũng có thể bị trừng phạt theo quy định của pháp luật.

• Pháp luật cấm sao chép hoặc tái tạo các đồ vật

Không sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, chứng khoán, trái phiếu chính phủ, hoặc trái phiếu chính quyền địa phương, ngay cả khi bản sao hoặc các bản tái tạo đó có đóng dấu “Mẫu.”

Việc sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, hoặc chứng khoán được lưu hành ở nước ngoài đều bị cấm.

Trừ khi có sự cho phép trước của chính phủ, việc sao chép hoặc tái tạo tem bưu chính không sử dụng hoặc bưu thiếp do chính phủ phát hành đều bị cấm.

Việc sao chép hoặc tái sản xuất tem do chính phủ phát hành và các văn bản chứng nhận theo quy định của pháp luật là bị cấm.

• Lưu ý với một số bản sao và bản tái tạo

Chính phủ đã ban hành cảnh báo về các bản sao hoặc bản tái tạo chứng khoán do công ty tư nhân phát hành (cổ phiếu, hóa đơn, séc, giấy chứng nhận quà tặng v.v...), vé tháng, hoặc phiếu giảm giá, ngoại trừ số lượng tối thiểu bản sao cần thiết cần cho công việc của công ty. Ngoài ra, không được sao chép hoặc tái tạo hộ chiếu do chính phủ ban hành, giấy phép do cơ quan công quyền và các nhóm tư nhân, thẻ chứng minh thư, và vé, chẳng hạn vé tháng và phiếu giảm giá bữa ăn.

• Tuân thủ chú ý bản quyền

Việc sao chép hoặc tái tạo bản quyền tác phẩm sáng tạo như sách, âm nhạc, tranh vẽ, tranh khắc gỗ, bản in, bản đồ, bản vẽ, phim ảnh, và bức ảnh được điều chỉnh theo luật bản quyền quốc gia và quốc tế. Không sử dụng sản phẩm này với mục đích tạo bản sao bất hợp pháp hoặc vi phạm luật bản quyền.

Xử Lý Thiết Bị Lưu Trữ Dữ Liệu

Xin lưu ý rằng việc xóa các hình ảnh hoặc định dạng thẻ nhớ hoặc các thiết bị lưu trữ dữ liệu khác không xóa hoàn toàn dữ liệu hình ảnh gốc. Đôi khi các tập tin đã xóa có thể phục hồi được từ các thiết bị lưu trữ bằng cách sử dụng phần mềm thương mại có sẵn, điều này có khả năng dẫn tới việc sử dụng nguy hại các dữ liệu hình ảnh cá nhân. Bảo đảm sự riêng tư của các dữ liệu đó là trách nhiệm của người dùng.

Trước khi loại bỏ một thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc chuyển giao quyền sở hữu cho người khác, xóa tất cả dữ liệu bằng cách sử dụng phần mềm xóa thương mại, hoặc định dạng thiết bị và sau đó nạp vào các hình ảnh không chứa thông tin cá nhân (ví dụ, hình ảnh về bầu trời không mây). Cần cẩn thận để tránh chấn thương khi hủy các thiết bị lưu trữ dữ liệu.

Giấy Phép Danh Mục Bảng Sáng Chế AVC

SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẢNG SÁNG CHẾ AVC CHO SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG ĐỂ (i) GHI MÃ VIDEO THEO CHUẨN AVC ("AVC VIDEO") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO AVC ĐƯỢC GHI MÃ BỞI KHÁCH HÀNG THAM GIA VÀO HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC LẤY TỪ NHÀ CUNG CẤP VIDEO CÓ GIẤY PHÉP CUNG CẤP VIDEO AVC. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGUY Ý CHO BẤT CỨ VIỆC SỬ DỤNG NÀO KHÁC. CÓ THỂ LẤY THÊM THÔNG TIN TỪ MPEG LA, L.L.C. XEM <http://www.mpegla.com>

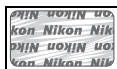
Cảnh Báo Nhiệt Độ

Máy ảnh có thể bị nóng do việc tiếp xúc trong quá trình sử dụng; điều này là bình thường và không phải là sự cố. Ở nhiệt độ môi trường xung quanh cao, sau một thời gian dài sử dụng liên tục, hoặc sau khi chụp liên tiếp một số ảnh, một cảnh báo nhiệt độ có thể được hiển thị, sau đó máy ảnh sẽ tự động tắt để giảm thiểu hư hại cho các mạch nội bộ của máy. Đợi cho máy ảnh nguội trước khi sử dụng lại.

Chỉ Sử Dụng Phụ Kiện Điện Tử Thương Hiệu Nikon

Máy ảnh Nikon được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất và có các mạch điện tử phức tạp. Chỉ các phụ kiện điện tử thương hiệu Nikon (bao gồm sạc, pin, bộ đổi điện AC, và các phụ kiện đèn nháy) có xác nhận của Nikon đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các yêu cầu hoạt động và an toàn của mạch điện tử này.

Việc sử dụng các linh kiện điện tử không phải của Nikon có thể làm hỏng máy ảnh và có thể làm mất hiệu lực bảo hành của Nikon. Việc sử dụng pin sạc Li-ion của bên thứ ba không có tem bảo đảm của Nikon ở bên phải có thể gây trở ngại cho hoạt động bình thường của máy ảnh hoặc khiến pin bị quá nóng, cháy, phồng, hoặc bị rò rỉ.



Để biết thêm thông tin về phụ kiện thương hiệu Nikon, hãy liên hệ với đại lý Nikon được ủy quyền ở địa phương.

Chỉ Sử Dụng Phụ Kiện Thương Hiệu Nikon

Chỉ các phụ kiện được Nikon chứng nhận đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các yêu cầu hoạt động và an toàn. VIỆC SỬ DỤNG CÁC LINH KIỆN ĐIỆN TỬ KHÔNG PHẢI CỦA NIKON CÓ THỂ LÀM HỒNG MÁY ẢNH VÀ CÓ THỂ LÀM MẤT HIỆU LỰC BẢO HÀNH CỦA NIKON.

Bảo Dưỡng Máy Ảnh và Phụ Kiện

Máy ảnh là thiết bị chính xác nên cần bảo dưỡng thường xuyên. Nikon khuyến cáo máy ảnh được kiểm tra bởi nhà bán lẻ ban đầu hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền từ một đến hai năm một lần, và cần được bảo dưỡng sau mỗi ba đến năm năm (lưu ý có thể phải trả phí cho các dịch vụ này). Nên thường xuyên kiểm tra vào bảo dưỡng nếu máy ảnh được sử dụng một cách chuyên nghiệp. Bất kỳ phụ kiện nào được sử dụng thường xuyên với máy ảnh, như các thấu kính, nên được đi kèm với máy ảnh trong quá trình kiểm tra hoặc bảo dưỡng.

Trước Khi Chụp Ảnh Quan Trọng

Trước khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng (như tại đám cưới hay trước khi đem máy ảnh trong một chuyến đi), hãy chụp thử để đảm bảo rằng máy ảnh đang hoạt động bình thường. Nikon không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc bị mất lợi nhuận do sự cố sản phẩm.

Học Tập Suốt Đời

Là một phần cam kết “Học Tập Suốt Đời” của Nikon với hỗ trợ và hướng dẫn liên tục, thông tin được cập nhật liên tục trên web sau đây:

- **Dành cho người dùng ở Hoa Kỳ:** <http://www.nikonusa.com/>
- **Dành cho người dùng ở châu Âu và châu Phi:**
<http://www.europe-nikon.com/support/>
- **Dành cho người dùng ở châu Á, châu Đại Dương và Trung Đông:**
<http://www.nikon-asia.com/>

Truy cập vào các trang web này để cập nhật các thông tin sản phẩm, thủ thuật, câu trả lời cho câu hỏi thường gặp (FAQs), và lời khuyên chung mới nhất về ảnh kỹ thuật số và nhiếp ảnh. Thông tin thêm có thể được cung cấp từ đại diện của Nikon trong khu vực của bạn. Để biết thông tin liên lạc, hãy truy cập vào <http://imaging.nikon.com/>

Giới thiệu

Nội Dung Gói

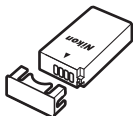
Xác nhận gói máy có chứa các mục sau đây.



☐ Máy ảnh số Nikon 1 J2



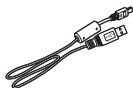
☐ Nắp thân máy BF-N1000



☐ Pin sạc Li-ion
EN-EL20 (với nắp
phủ đầu cuối)



☐ Bộ sạc pin MH-27
(Bộ đổi điện AC hoặc cáp
nguồn được cung cấp ở
những nước hoặc khu vực
yêu cầu; hình dạng phụ
thuộc vào quốc gia bán lẻ)



☐ Cáp USB UC-E15



☐ Thấu kính (được cung
cấp chỉ khi bộ thấu kính
được mua với máy ảnh; đi
kèm với nắp thấu kính
phía trước và phía sau)

☐ Dây đeo AN-N1000

☐ Bảo hành

☐ CD ViewNX 2/Short
Movie Creator

☐ Tài liệu hướng dẫn
sử dụng

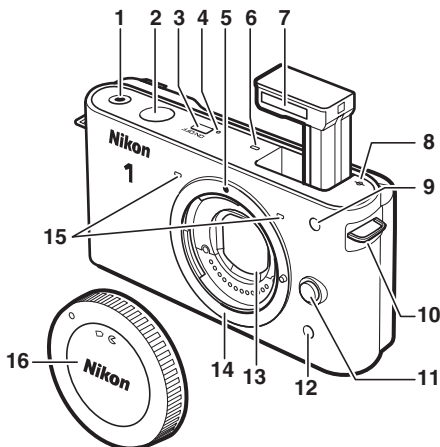
☐ CD tài liệu tham
khảo (có trong tài liệu
này)

Thẻ nhớ được bán riêng.

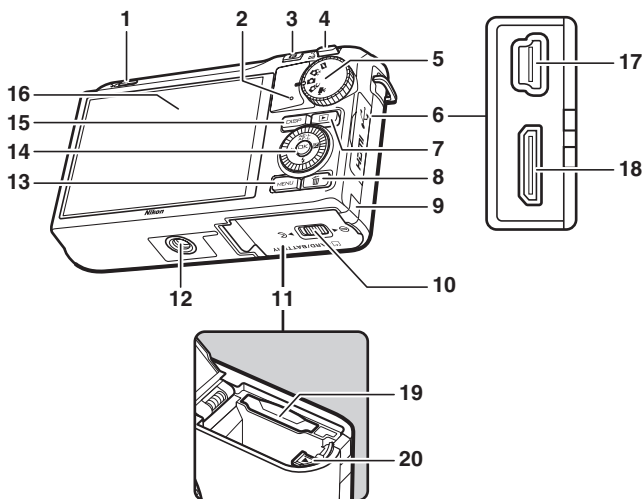
Các Bộ Phận Của Máy Ảnh

Phải mất ít phút để làm quen với các điều khiển máy ảnh và hiển thị. Bạn có thể thấy hữu ích để đánh dấu phần này và tham khảo lại khi đọc qua phần còn lại của tài liệu hướng dẫn.

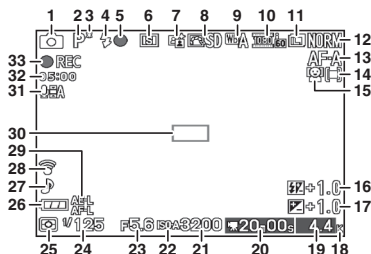
Thân Máy Ảnh



1 Nút ghi phim.....	42	10 Lỗ đeo giày máy ảnh.....	11
2 Nút nhả cửa trập	22, 36, 43	11 Nút nhả thấu kính	197
3 Công tắc điện	17	12 Bộ nhận hồng ngoại.....	58, 183
4 Đèn nguồn	17	13 Màng chắn bụi	172
5 Dấu gắn	16	14 Gắn thấu kính	16, 148
6 Loa		15 Micrô	42, 141
7 Đèn nháy gắn sẵn	62	16 Nắp thân máy	1, 167
8 Dấu mặt phẳng tiêu điểm (∅)	148		
9 Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động	145, 152		
Đèn hẹn giờ	58		
Đèn giảm mắt đỏ	62		



1 Điều khiển bung đèn nháy lên...62	12 Hốc giá ba chân
2 Đèn tiếp cận thẻ nhớ..... 15, 23	13 Nút MENU (menu)8, 97, 107, 155
3 Nút F (đặc điểm) 10	14 Đa bộ chọn7
4 điều khiển (thu phóng phát lại/ hình thu nhỏ) ... 25, 47, 70, 72, 148	Nút (OK)7
5 Đĩa lệnh chế độ..... 6	(AE-L/AF-L) 125, 151, 160
6 Nắp đầu nối	(Bù phơi sáng)..... 60
7 Nút (phát lại)25, 38, 52	(chế độ đèn nháy) 63
8 Nút (xóa)26, 73	(tự hẹn giờ) 57
9 Nắp đầu nối nguồn cho đầu nối nguồn tùy chọn..... 170	15 Nút DISP (hiển thị)5, 51, 67
10 Chốt khoang pin/nắp phủ khe thẻ nhớ..... 13, 15	16 Màn hình4, 5, 158
11 Khoang pin/nắp phủ khe thẻ nhớ 13, 15	17 Đầu nối USB..... 83, 90
	18 Đầu nối pin-mini HDMI 88
	19 Khe cắm thẻ nhớ 13
	20 Chốt pin 13, 15, 170

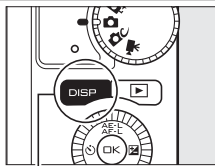


1 Chế độ chụp.....	6	19 Số phơi sáng còn lại.....	20
2 Chế độ phơi sáng.....	30, 110	Số lần chụp còn lại trước khi bộ	
Cảnh.....	22, 28	nhớ đệm đầy.....	122
3 Chỉ báo chương trình linh động	112	Chỉ báo ghi cân bằng trắng.....	129
.....		Chỉ báo cảnh báo thẻ.....	157, 186
4 Chế độ đèn nháy.....	62	20 Thời gian có.....	42, 46
5 Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng.....	62	21 Độ nhạy ISO *.....	131
6 Chế độ tự hẹn giờ/điều khiển từ xa	57	22 Chỉ báo độ nhạy ISO *.....	131
.....		Chỉ báo độ nhạy ISO tự động *.....	131
Chế độ liên tục *.....	121	23 Độ mở ống kính.....	114, 115
7 D-Lighting hoạt động *.....	139	24 Tốc độ cửa trập.....	113, 115
8 Picture Control *.....	132	25 Đo sáng *.....	124
9 Cân bằng trắng *.....	126	26 Chỉ báo pin *.....	20
10 Thiết lập phim (phim HD) *.....	123	27 Thiết lập âm thanh *.....	159
Tốc độ khuôn hình (phim chuyển		28 Chỉ báo Eye-Fi *.....	169
động chậm) *.....	123	29 Chỉ báo khóa tự động phơi sáng	
11 Cỡ hình ảnh *.....	119	(AE)/khóa lấy nét tự động (AF)	
12 Chất lượng hình ảnh *.....	118		125, 151
13 Chế độ lấy nét *.....	144	30 Vùng lấy nét.....	23, 149
14 Chế độ vùng lấy nét tự động *	149	31 Độ nhạy micrô *.....	42, 141
.....		32 Thời gian đã qua.....	42, 46
15 Lấy nét tự động ưu tiên khuôn		33 Chỉ báo quay.....	42, 46
mặt *.....	24, 152	Chỉ báo HDR.....	31
16 Bù đèn nháy.....	153		
17 Bù phơi sáng.....	60		
18 "K" (xuất hiện khi bộ nhớ vẫn còn			
hơn 1000 phơi sáng).....	20		

*Chỉ có ở hiển thị chi tiết (□ 5).

Nút DISP (hiển thị)

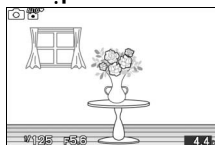
Nhấn DISP để xoay quanh chỉ báo chụp (📷 4) và phát lại (🔄 67) như bên dưới.



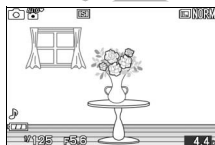
Nút DISP



■ Chụp

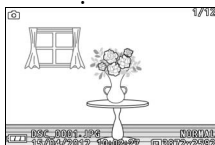


Hiển thị đơn giản

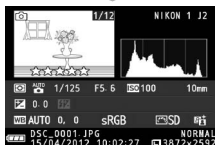


Hiển thị chi tiết

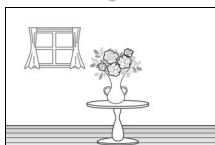
■ Phát lại



Thông tin ảnh cơ bản



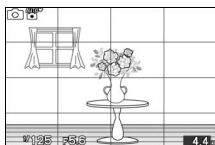
Thông tin ảnh chi tiết



Chỉ hình ảnh

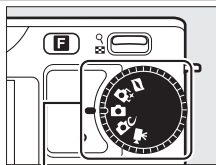
📏 Lưới khuôn hình

Có thể hiển thị lưới khuôn hình bằng cách chọn **On (Bật)** cho **Grid display (Lưới khuôn hình)** trong menu cài đặt (📖 158).



Đĩa Lệnh Chế Độ

Máy ảnh này có các lựa chọn chế độ chụp sau:



Đĩa lệnh chế độ



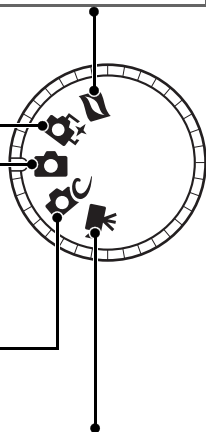
Chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động (📷 49): Mỗi lần cửa trập được nhả, máy ảnh ghi lại một hình ảnh tĩnh và khoảng một giây cảnh phim. Khi kết quả “Chụp Nhanh Chuyển Động” được xem trên máy ảnh, phim sẽ phát lại trong chuyển động chậm khoảng 2,5 giây, tiếp sau hình ảnh tĩnh.

Chế độ chọn ảnh thông minh (📷 35): Mỗi lần cửa trập được nhả, máy ảnh sẽ tự động lựa chọn một ảnh đẹp nhất và bốn ảnh dự phòng đẹp nhất dựa trên thành phần và chuyển động.

Chế độ chụp ảnh tự động (📷 21): Với ảnh. Máy ảnh tự động điều chỉnh các thiết lập cho phù hợp với đối tượng.

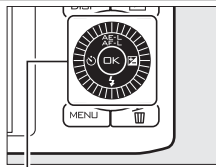
Chế độ sáng tạo (📷 27): Đối với các bức ảnh mà bạn muốn sử dụng hiệu ứng đặc biệt, hãy làm phù hợp các thiết lập với cảnh, hoặc chụp trong các chế độ phơi sáng P, S, A hoặc M.

Chế độ phim (📷 41): Quay phim HD hoặc phim chuyển động chậm.



Đa Bộ Chọn

Nút đa bộ chọn và nút  được sử dụng để điều chỉnh các thiết lập và điều hướng các menu máy ảnh.



Đa bộ chọn



Thiết lập: AE-L

Khóa phơi sáng ( 125) và hoặc lấy nét ( 150).

Điều hướng menu:

Di chuyển con trỏ lên.

Thiết lập:

Xem menu tự hẹn giờ/ điều khiển từ xa ( 57).

Điều hướng menu:

Trở lại menu trước đó.



chọn mục được làm nổi bật.

Thiết lập:

Xem menu bù phơi sáng ( 60).

Điều hướng menu:

Chọn mục được làm nổi bật hoặc hiển thị menu phụ.

Thiết lập:

Xem menu chế độ đèn nháy ( 62).

Điều hướng menu:

Di chuyển con trỏ xuống.

Chú ý: Bạn cũng có thể làm nổi bật các mục bằng cách xoay đa bộ chọn.

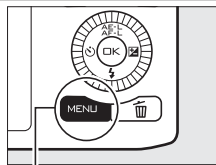
Đa Bộ Chọn

Trong tài liệu hướng dẫn này, các biểu tượng , ,  và  được dùng để thể hiện tác động lên, phải, xuống, trái trên đa bộ chọn. Có thể làm nổi bật các mục bằng cách xoay đa bộ chọn như được hiển thị ở bên phải.



Nút MENU

Hầu hết các tùy chọn chụp, phát lại, và các tùy chọn cài đặt có thể được truy cập từ các menu máy ảnh. Để xem các menu, nhấn nút MENU.



Nút MENU

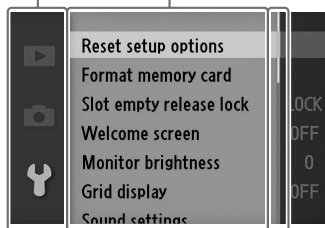
Thẻ

Chọn từ các menu sau đây:

▶ Menu phát lại (📖 97)

⚙️ Menu cài đặt (📖 155)

📷 📷 📷 📷 📷 Menu chụp (📖 107)

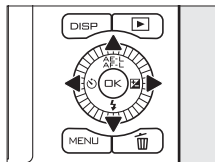


Tùy chọn Menu —
Tùy chọn trong menu hiện tại.

Thanh trượt cho thấy vị trí trong menu hiện tại.

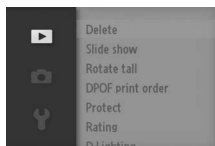
■ ■ Sử dụng Menu

Sử dụng đa bộ chọn để điều hướng các menu (📖 7).

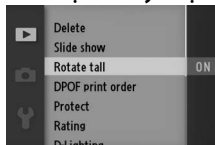


Đa bộ chọn

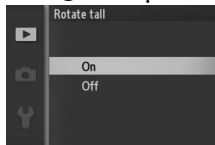
1 Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn thẻ sau đó nhấn ► để hiển thị các mục menu.



2 Làm nổi bật mục menu và nhấn ► để hiển thị các tùy chọn.



3 Làm nổi bật tùy chọn mong muốn và nhấn  để chọn.

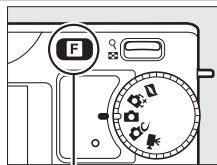


Sử dụng Menu

Các mục được liệt kê có thể thay đổi theo các thiết lập máy ảnh. Các mục menu được hiển thị màu xám là không sẵn có (📖 53). Để thoát khỏi menu và trở lại chế độ chụp, nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập (📖 22).

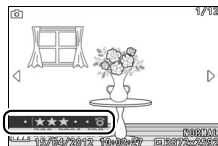
Nút **F** (đặc điểm)

Nút **F** cho phép truy cập vào các tính năng sau trong các chế độ sáng tạo, phim, Chụp Nhanh Chuyển Động, và phát lại. Nhấn **F** và sử dụng đa bộ chọn (hoặc  điều khiển) và nút **OK** để điều chỉnh các tùy chọn.



Nút **F**

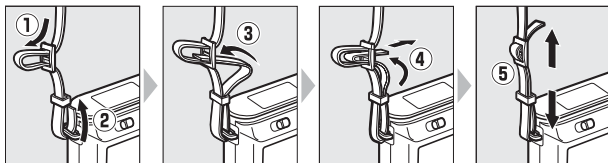
- **Scence (Cảnh) (chế độ sáng tạo):** Chọn từ **P**, **S**, **A**, **M**, **Night landscape (Phong cảnh đêm)** () , **Night portrait (Chân dung đêm)** () , **Backlighting (Ngược sáng)** () , **Easy panorama (Toàn cảnh dễ dàng)** () , **Soft (Mềm)** () , **Miniature effect (Hiệu ứng cỡ tí hơn)** () , và **Selective color (Màu lựa chọn)** () .
- **Movie mode (Chế độ phim) (quay phim;  44):** Chọn từ quay phim độ phân giải cao (**HD movie (Phim HD)**) và chuyển động chậm (**Slow motion (Chuyển động chậm)**).
- **Theme (Chủ đề) (Chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động;  51):** Chọn từ **Beauty (Nét đẹp)**, **Waves (Làn sóng)**, **Relaxation (Thư giãn)**, và **Tenderness (Sự dịu dàng)**.
- **Rating (Đánh giá) (chế độ phát lại;  74):** Đánh giá ảnh.



Các Bước Đầu Tiên

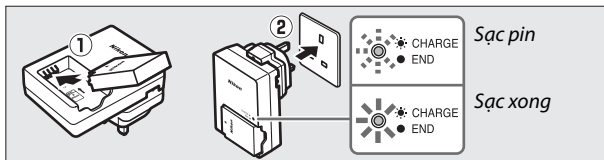
1 Gắn dây đeo máy ảnh.

Gắn dây đeo chặt vào hai lỗ của máy ảnh.



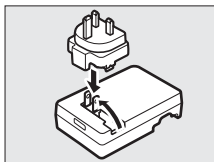
2 Sạc pin.

Lắp pin ① và cắm bộ sạc vào ②. Pin cạn kiệt hoàn toàn sẽ sạc đầy trong khoảng hai giờ. Rút phích cắm bộ sạc và tháo pin ra khi sạc xong.



Phích Bộ Nắn Dòng

Tùy thuộc vào quốc gia hay khu vực mua, phích bộ nắn dòng có thể được cung cấp kèm với bộ sạc. Hình dạng bộ sạc thay đổi khác nhau theo quốc gia hoặc khu vực mua. Nếu phích bộ nắn dòng được cung cấp, nâng ổ cắm tường lên và nối phích bộ nắn dòng như được trình bày phía bên phải, đảm bảo rằng phích được cắm vào hoàn toàn. Việc cố gắng dùng lực để tháo phích bộ nắn dòng ra có thể gây hư hại sản phẩm.



Pin và Bộ Sạc

Đọc và làm theo những cảnh báo và lưu ý trên các trang x-xii và 173–176 của tài liệu hướng dẫn này. Không sử dụng pin ở nhiệt độ môi trường xung quanh dưới 0°C hoặc cao hơn 40°C; không tuân thủ để phòng này có thể làm hỏng pin hoặc làm giảm hiệu suất pin. Dung lượng có thể bị giảm và thời gian sạc sẽ tăng ở nhiệt độ pin từ 0°C đến 10°C và từ 45°C đến 60°C. Pin sẽ không sạc được nếu nhiệt độ của nó dưới 0°C hoặc trên 60°C.

Sạc pin ở nhiệt độ môi trường xung quanh giữa 5°C và 35°C. Nếu đèn **CHARGE (SẠC)** nhấp nháy nhanh trong khi sạc, ngừng sử dụng ngay lập tức và mang pin và bộ sạc tới đại lý bán lẻ của bạn hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.

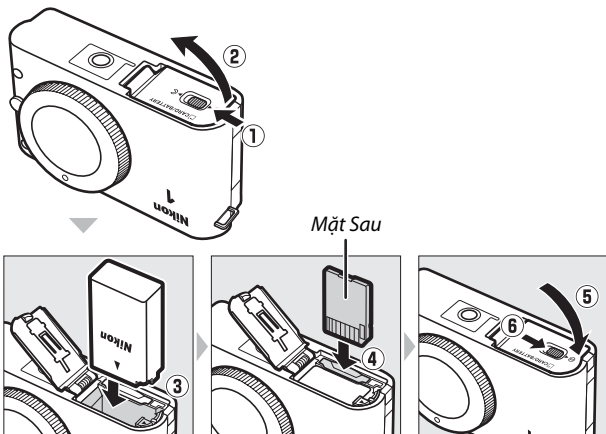
Không di chuyển bộ sạc hoặc chạm vào pin trong quá trình sạc. Việc không tuân thủ để phòng này thì trong một số trường hợp khiến bộ sạc báo là đã sạc xong nhưng pin chỉ được sạc một phần. Tháo và lắp lại pin để bắt đầu sạc lại.

Chỉ sử dụng bộ sạc với pin tương thích. Rút phích cắm khi không sử dụng.



3 Lắp pin và thẻ nhớ.

Kiểm tra để lắp pin và thẻ đúng hướng. Sử dụng pin để giữ cho chốt pin màu da cam ép sang một bên, trượt pin cho đến khi nó khớp vào chốt, và sau đó trượt thẻ nhớ cho đến khi nó khớp vào vị trí.

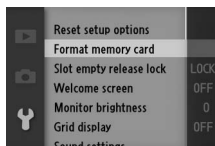


✓ Lắp và Tháo Pin và Thẻ Nhớ

Luôn tắt máy ảnh trước khi lắp hoặc tháo pin hay thẻ nhớ. Lưu ý rằng pin có thể nóng sau khi sử dụng; quan sát thận trọng khi tháo pin.

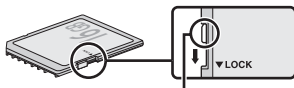
✍ Định Dạng Thẻ Nhớ

Nếu thẻ nhớ được sử dụng lần đầu trên máy ảnh hoặc nếu thẻ đã được định dạng trên một thiết bị khác, chọn **Format memory card (Định dạng thẻ nhớ)** trong menu cài đặt và thực hiện theo các chỉ dẫn định dạng thẻ trên màn hình (📖 157). *Lưu ý rằng thao tác này sẽ xóa vĩnh viễn toàn bộ dữ liệu mà thẻ nhớ lưu trữ.* Hãy chắc chắn sao chép bất kỳ bức ảnh và dữ liệu nào khác mà bạn muốn giữ lại vào máy tính trước khi tiến hành.



✍ Công Tắc Bảo Vệ Ghi

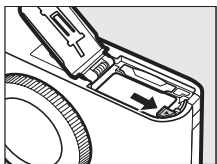
Các thẻ nhớ được trang bị công tắc bảo vệ ghi để tránh mất mát dữ liệu ngẫu nhiên. Khi công tắc này ở vị trí "lock" (khóa), không thể định dạng thẻ nhớ và không thể xóa hoặc ghi được ảnh. Để mở khóa thẻ nhớ, trượt công tắc sang vị trí "ghi".



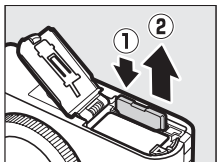
Công tắc bảo vệ ghi

Thao Pin và Thẻ Nhớ

Sau khi tắt máy ảnh, xác nhận rằng đèn tiếp cận thẻ nhớ (🔦 3) đã tắt và mở nắp khoang pin/nắp phủ khe thẻ nhớ. Để tháo pin, trước tiên nhả pin bằng cách nhấn vào chốt pin màu da cam theo hướng mũi tên và sau đó tháo pin ra bằng tay.



Để tháo thẻ nhớ, trước tiên nhấn vào thẻ để đẩy nó ra (❶); sau đó có thể lấy thẻ ra bằng tay (❷).



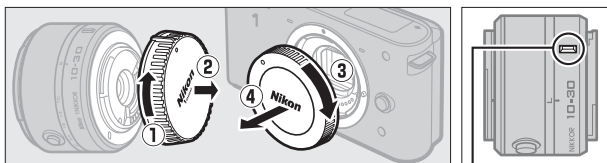
Thẻ Nhớ

- Máy ảnh lưu ảnh trên các thẻ nhớ SD, SDHC, và SDXC (bán riêng; 🔦 168).
- Thẻ nhớ có thể nóng sau khi sử dụng. Quan sát thận trọng khi tháo thẻ nhớ khỏi máy ảnh.
- Không tháo các thẻ nhớ khỏi máy ảnh, tắt máy ảnh, hoặc tháo hoặc ngắt kết nối nguồn điện trong khi định dạng hoặc trong khi ghi dữ liệu, xóa, hoặc sao chép vào máy tính. Không tuân thủ để phòng này có thể dẫn đến mất dữ liệu hoặc hư hại máy ảnh hoặc thẻ nhớ.
- Không để ngón tay hoặc các vật kim loại chạm vào các đầu cuối thẻ.
- Không bẻ cong, làm rơi hay để va đập mạnh.
- Không dùng lực ép vỏ thẻ. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hư thẻ.
- Không để tiếp xúc với nhiệt, nước, độ ẩm cao, hoặc ánh sáng mặt trời trực tiếp.
- Không định dạng thẻ nhớ trong máy tính.

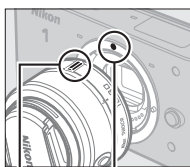


4 Lắp thấu kính.

Cần cẩn thận để tránh bụi xâm nhập vào máy ảnh khi tháo thấu kính hoặc nắp thân máy. Thấu kính thường được sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này cho mục đích minh họa là 1 NIKKOR VR 10–30mm f/3.5–5.6. Xem trang 143 để biết thông tin về chống rung (VR), trang 197 để biết thông tin về tháo thấu kính.

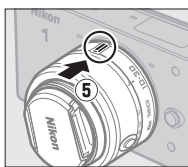


Dấu gắn (thấu kính)



Dấu gắn (máy ảnh)

Dấu gắn (thấu kính)

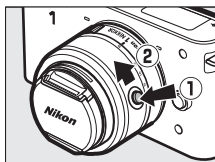


Giữ các dấu thẳng hàng, đặt thấu kính vào máy ảnh, sau đó xoay cho đến khi thấu kính khớp vào vị trí.



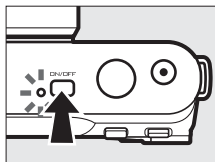
Thấu Kính với Nút Ống Thấu Kính Co Rút Được

Không thể sử dụng thấu kính với nút ống thấu kính co rút được khi đã co rút. Để mở khóa và duỗi thấu kính, giữ nhấn nút ống thấu kính co rút được (1) trong khi xoay vòng thu phóng (2). Có thể co rút được thấu kính và khóa vòng thu phóng bằng cách nhấn vào nút ống thấu kính co rút được và xoay vòng theo hướng ngược lại. Hãy cẩn thận để không nhấn và nút ống thấu kính co rút được trong khi gắn hay tháo thấu kính.



5 Bật máy ảnh.

Nhấn công tắc đèn để bật máy ảnh lên. Đèn nguồn sẽ sáng xanh trong giây lát và màn hình sẽ bật. Chắc chắn phải tháo nắp thấu kính trước khi chụp.



Tắt Máy Ảnh

Để tắt máy ảnh, nhấn lại vào công tắc điện. Màn hình sẽ tắt.

Tự Động Tắt Nguồn

Nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khoảng 30 giây, màn hình hiển thị sẽ tắt và đèn nguồn bắt đầu nhấp nháy (nếu muốn có thể thay đổi độ trễ trước khi màn hình hiển thị tắt tự động bằng cách sử dụng tùy chọn **Auto power off (Tự động tắt nguồn)** trong menu cài đặt; □ 159). Có thể kích hoạt lại máy ảnh bằng cách thao tác các nút, đĩa lệnh chế độ, hoặc các điều khiển máy ảnh khác. Nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khoảng ba phút sau khi màn hình hiển thị đã tắt thì máy ảnh sẽ tự động tắt.

Lắp Và Tháo Thấu Kính

Tắt máy ảnh trước khi lắp hoặc tháo thấu kính. Lưu ý rằng khi máy ảnh được tắt, miếng chắn bảo vệ cảm biến trong thấu kính sẽ đóng để bảo vệ bộ cảm biến hình ảnh.

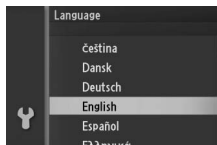
Thấu Kính Với Nút Ống Thấu Kính Co Rút Được

Nếu bạn đang sử dụng nút ống thấu kính co rút được (□ 16), máy ảnh sẽ tự động bật khi khóa miếng chắn thấu kính co rút được nhả; ngoài ra, nếu hiển thị qua thấu kính được hiển thị hay màn hình tắt, máy ảnh sẽ tắt khi miếng chắn thấu kính bị khóa (trong trường hợp các thấu kính 1 NIKKOR VR 10–30mm f/3.5–5.6 và 1 NIKKOR VR 30–110mm f/3.8–5.6 cần có phiên bản 1.10 hoặc cao hơn nếu việc khóa miếng chắn thấu kính là để tắt máy ảnh khi màn hình tắt; để biết thông tin về cập nhật phần mềm thấu kính, hãy truy cập trang web của Nikon cho khu vực của bạn).

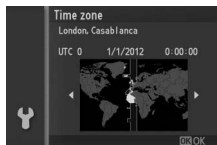


6 Chọn ngôn ngữ và thiết lập đồng hồ.

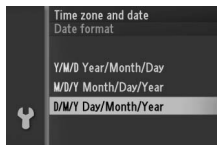
Một hộp thoại lựa chọn ngôn ngữ sẽ được hiển thị lần đầu tiên máy ảnh được bật. Sử dụng đa bộ chọn và nút  (162) để chọn ngôn ngữ và thiết lập đồng hồ máy ảnh. Không thể chụp được ảnh cho tới khi bạn đã cài đặt thời gian và ngày tháng.



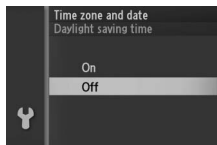
Bấm ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật ngôn ngữ và nhấn .



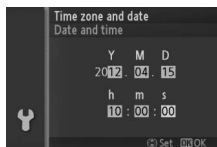
Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật múi giờ và nhấn .



Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật định dạng ngày tháng và nhấn .



Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật tùy chọn thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày và nhấn .



Nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn mục và nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nhấn  khi hoàn tất.

Chú ý: Máy ảnh sử dụng định dạng thời gian 24 giờ. Có thể thay đổi ngôn ngữ và đồng hồ bất cứ lúc nào bằng sử dụng tùy chọn **Language (Ngôn ngữ)** (162) và **Time zone and date (Múi giờ và ngày)** (162) trong menu cài đặt.

Đồng Hồ Máy Ảnh

Đồng hồ máy ảnh không chính xác bằng đa số các đồng hồ đeo tay và đồng hồ hộ gia đình. Kiểm tra đồng hồ thường xuyên để chỉnh thời gian chính xác hơn và thiết lập lại khi cần thiết.

Đồng hồ máy ảnh được cấp nguồn bởi nguồn điện có thể sạc độc lập, nó sẽ được nạp điện khi cần thiết khi pin chính được lắp hoặc khi máy ảnh được cấp nguồn nhờ đầu nối nguồn EP-5C và bộ đổi điện AC EH-5b (📖 170). Ba ngày sạc sẽ cấp đủ nguồn cho đồng hồ khoảng một tháng. Nếu thông báo cảnh báo chưa đặt đồng hồ được hiển thị khi bật máy ảnh, điều đó có nghĩa là đã hết pin đồng hồ và đồng hồ đã được đặt lại. Cài đặt thời gian và ngày chính xác cho đồng hồ.



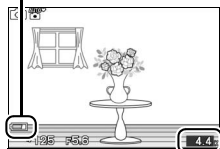
7 Kiểm tra mức pin và dung lượng thẻ nhớ.

Kiểm tra mức pin và số phơi sáng còn lại trong màn hình.

■ Mức Pin

Hiện thị	Mô tả
KHÔNG BIỂU TƯỢNG	Pin sạc đầy hoặc đã xả một phần; mức pin được thể hiện bằng biểu tượng  hoặc  trong hiển thị chi tiết (📖 5).
	Pin yếu. Chuẩn bị pin đã được sạc đầy hoặc chuẩn bị sạc pin.
Cannot take pictures. Insert fully charged battery. (Không thể chụp ảnh. Lắp pin đã sạc đầy.)	Pin cạn kiệt, nhả cửa trập bị vô hiệu. Lắp pin đã sạc.

Mức pin



Phơi sáng còn lại

■ Số Phơi Sáng Còn Lại

Màn hình hiển thị số lượng ảnh có thể được lưu trên thẻ nhớ ở thiết lập hiện tại (giá trị hơn 1000 sẽ được làm tròn xuống 100 gần nhất). Ví dụ; các giá trị trong khoảng 1200 và 1299 sẽ được hiển thị là 1,2 K). Nếu thông báo không đủ bộ nhớ để thêm ảnh được hiển thị, hãy lắp thẻ nhớ khác (📖 13) hoặc xóa một số ảnh (📖 73).

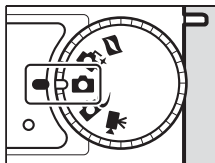
Chế Độ Chụp Ảnh Tự Động

Chế độ chụp ảnh tự động là chế độ thường được sử dụng để chụp ảnh.

Chụp Ảnh Trong Chế Độ Chụp Ảnh Tự Động

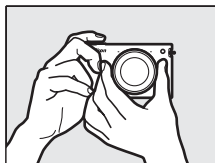
1 Chọn chế độ chụp ảnh tự động.

Xoay đĩa lệnh chế độ sang .

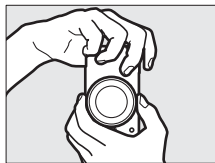


2 Chuẩn bị sẵn sàng máy ảnh.

Giữ chắc máy ảnh bằng hai tay, cẩn thận để không cản trở các thấu kính, đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động hoặc micrô. Xoay máy ảnh như thể hiện ở phía dưới bên phải khi chụp ảnh theo hướng "dọc" (chân dung).



Tốc độ cửa trập chậm khi ánh sáng yếu; nên sử dụng đèn nháy gắn sẵn (📖 62) hoặc giá ba chân.

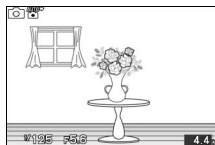


Thiết Lập Có Sẵn

Để biết thông tin về các tùy chọn có trong mỗi chế độ chụp ảnh tự động, xem trang 53.

3 Tạo khuôn hình bức ảnh.

Đặt đối tượng ở chính giữa khuôn hình.



Nút Nhả Cửa Trập

Máy có một nút nhả cửa trập hai giai đoạn. Máy ảnh sẽ lấy nét khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Để chụp ảnh, tiếp tục nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ.



Lấy nét: Nhấn nửa chừng

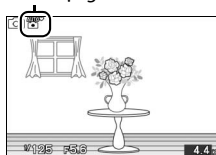


Chụp: Nhấn hết cỡ còn lại

Chọn Cảnh Tự Động

Trong chế độ chụp ảnh tự động, máy ảnh tự động phân tích đối tượng và chọn cảnh thích hợp. Cảnh được chọn được hiển thị bằng một biểu tượng trên màn hình hiển thị.

Biểu tượng cảnh



 **Chân dung:** Đối tượng chân dung người.

 **Phong cảnh:** Phong cảnh và cảnh quan thành phố.

 **Chân dung ban đêm:** Đối tượng chân dung được lấy khuôn hình trong nền tối.

 **Cận cảnh:** Đối tượng gần máy ảnh.

 **Tự động:** Đối tượng không thuộc các thể loại được liệt kê ở trên.

Quay Phim

Trong chế độ chụp ảnh tự động, không thể quay được phim và việc bấm nút ghi phim không có hiệu lực.

Xem Thêm

Xem trang 159 để biết thông tin về việc tắt tiếng bíp khi máy ảnh lấy nét hoặc cửa trập được nhả.

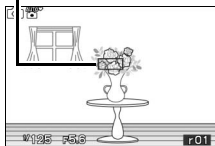
4 Lấy nét.

Nhấn nút chụp nửa chừng để lấy nét. Nếu đối tượng quá tối, đèn hỗ trợ tự động lấy nét (📖 2) có thể sáng để hỗ trợ hoạt động lấy nét.



Nếu máy ảnh có thể lấy nét, khu vực lấy nét được chọn sẽ được làm nổi bật màu xanh và sẽ phát ra một tiếng bíp (tiếng bíp có thể không phát ra nếu đối tượng đang di chuyển).

Vùng lấy nét

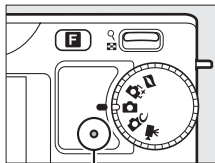


Nếu máy ảnh không thể lấy nét, khu vực lấy nét sẽ được hiển thị bằng màu đỏ. Xem trang 146.

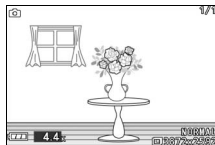
5 Chụp.

Nhấn nhẹ nút nhả cửa trập hết cỡ để nhả cửa trập và ghi ảnh. Đèn tiếp cận thẻ nhớ sẽ phát sáng và ảnh sẽ được hiển thị trên màn hình trong vài giây (ảnh sẽ tự động xóa khỏi màn hình và máy ảnh sẵn sàng chụp khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng).

Không tháo hoặc di chuyển thẻ nhớ hay ngắt nguồn cho đến khi đèn này tắt và việc ghi hoàn tất.

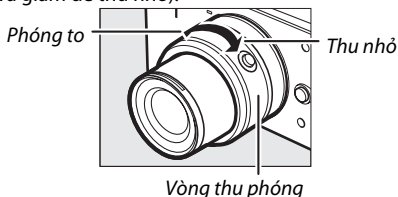


Đèn tiếp cận thẻ nhớ

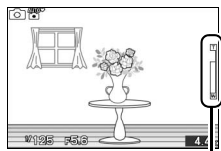


Sử Dụng Thấu Kính Thu Phóng

Sử dụng vòng thu phóng để phóng to đối tượng hiển thị lớn hơn trong vùng tạo hình, hoặc thu nhỏ để tăng vùng nhìn thấy trong ảnh cuối (chọn độ dài tiêu cự trong vùng tiêu cự của thấu kính để phóng to và giảm để thu nhỏ).



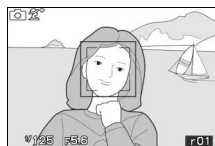
Nếu bạn đang sử dụng thấu kính quang với công tắc thu phóng dẫn động bằng điện, chọn **T** để phóng to và **W** để thu nhỏ. Tốc độ máy ảnh phóng to và thu nhỏ khác nhau theo khoảng cách bạn trượt công tắc. Vị trí thu phóng được hiển thị bởi dẫn hướng thu phóng trong màn hình hiển thị.



Dẫn hướng thu phóng

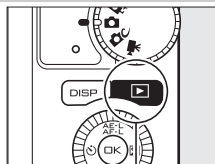
Lấy Nét Tự Động Ưu Tiên Khuôn Mặt

Máy ảnh phát hiện và lấy nét đối tượng chân dung (lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt). Một viền kép màu vàng sẽ được hiển thị nếu đối tượng chân dung được phát hiện quay mặt vào máy ảnh (nếu có nhiều khuôn mặt, tối đa là năm, được phát hiện, máy ảnh sẽ chọn đối tượng gần nhất). Bấm nút chụp nửa chừng để lấy nét đối tượng trong viền kép màu vàng. Viền sẽ bị xóa khỏi màn hình hiển thị nếu máy ảnh không còn có thể phát hiện đối tượng (ví dụ, bởi vì đối tượng đã nhìn ra phía khác).

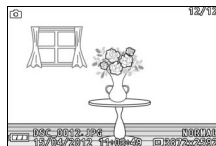


Xem Ảnh

Nhấn  để hiển thị khung ảnh đầy gần đây nhất của bạn trong màn hình (phát lại khuôn hình đầy).



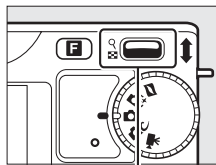
Nút 



Nhấn  hoặc  hoặc đa bộ chọn để xem thêm ảnh.



Để phóng to vào trung tâm ảnh hiện tại, bấm điều khiển  lên trên (72). Nhấn  xuống để thu nhỏ. Để xem nhiều ảnh, nhấn  xuống khi ảnh được hiển thị khuôn hình đầy (70).



 điều khiển

Để kết thúc phát lại và trở về chế độ chụp, nhấn nút nhỏ của trạng thái chụp.

Xem Thêm

Để biết thông tin về bật hoặc tắt thông tin ảnh, xem trang 67. Xem trang 75 để biết thông tin về trình chiếu slide.

Xóa Ảnh

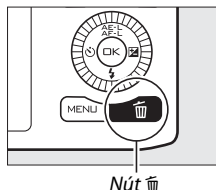
Để xóa ảnh hiện tại, nhấn . Lưu ý rằng một khi đã xóa, không thể phục hồi được ảnh.

1 Hiển thị ảnh.

Hiển thị các bức ảnh muốn xóa như mô tả ở trang trước.

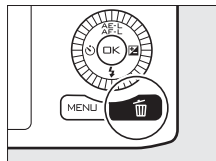
2 Nhấn .

Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị.



3 Xóa ảnh.

Nhấn một lần nữa để xóa ảnh và trở lại để phát lại, hoặc nhấn để thoát mà không xóa ảnh.



Xóa Nhiều Ảnh (📖 73)

Tùy chọn **Delete (Xóa)** trong menu phát lại có thể được sử dụng để xóa ảnh được lựa chọn, tất cả các ảnh, ảnh được chụp vào những ngày được chọn, hoặc ảnh đã chọn trước đó để xóa.



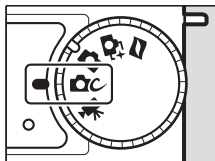
Chế Độ Sáng Tạo

Chọn chế độ sáng tạo khi chụp ảnh bằng cách sử dụng hiệu ứng đặc biệt, hãy làm phù hợp các thiết lập với cảnh, hoặc chụp trong các chế độ phơi sáng **P**, **S**, **A**, hoặc **M**.

Chọn Chế Độ Sáng Tạo

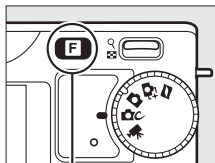
1 Chọn chế độ sáng tạo.

Xoay đĩa lệnh chế độ sang .



2 Chọn cảnh.

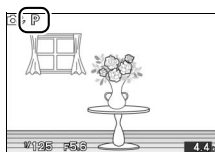
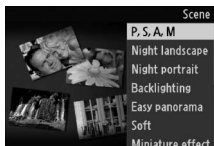
Nhấn nút **F** và làm nổi bật cảnh bằng cách sử dụng đa bộ chọn (📖 28).



Nút **F**



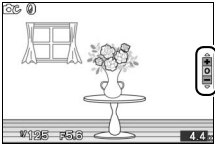
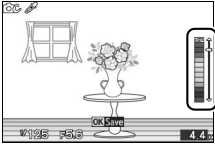
Nhấn **OK** để chọn cảnh đã được làm nổi bật. Lựa chọn của bạn được chỉ báo bằng một biểu tượng trên màn hình hiển thị.



Chọn Cảnh

Chế độ sáng tạo có các lựa chọn cảnh sau:

Tùy chọn	Mô tả
P, S, A, M	Kiểm soát đầy đủ các thiết lập máy ảnh và chọn cách máy thiết lập tốc độ màn trập và độ mở ống kính (□ 30).
 Night landscape (Phong cảnh ban đêm) (🌃)	Mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn hết cỡ, máy ảnh chụp một loạt ảnh và kết hợp chúng lại để nắm bắt ánh sáng thấp trong những cảnh đêm; trong quá trình xử lý, một thông báo được hiển thị và không thể chụp được thêm ảnh. Đèn nháy không sáng và các cạnh của ảnh bị cắt. Lưu ý rằng có thể không thu được các kết quả mong muốn nếu máy ảnh hoặc đối tượng di chuyển trong quá trình chụp; nếu máy ảnh không thể kết hợp các ảnh, một cảnh báo sẽ được hiển thị và chỉ có một ảnh sẽ được chụp.
Night portrait (Chân dung ban đêm) (👤)	Mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn hết cỡ, máy ảnh chụp một loạt các bức ảnh, một số với đèn nháy và một số không, và kết hợp chúng lại để nắm bắt ánh sáng nền trong bức chân dung chụp vào ban đêm hoặc dưới ánh sáng yếu; trong quá trình xử lý, thông báo được hiển thị và không bức ảnh nào được chụp. Nâng đèn nháy gần sẵn trước khi chụp; không bức ảnh nào được chụp nếu đèn nháy không được nâng lên. Lưu ý rằng có thể không thu được các kết quả mong muốn nếu máy ảnh hoặc đối tượng di chuyển trong quá trình chụp; nếu máy ảnh không thể kết hợp các ảnh, một cảnh báo sẽ được hiển thị và chỉ có một ảnh sẽ được chụp bằng cách sử dụng đèn nháy.
Backlighting (Ngược sáng) (☀️)	Chụp ảnh đối tượng bị ngược sáng (□ 31).
Easy panorama (Toàn cảnh dễ dàng) (📐)	Chụp ảnh toàn cảnh để xem lại sau trên máy ảnh (□ 32).

Tùy chọn	Mô tả
Soft (Mềm) (O)	Chụp ảnh với hiệu ứng bộ lọc mềm. Để chọn mức làm mềm, nhấn OK khi xem thông qua thấu kính được hiển thị, làm nổi bật một tùy chọn bằng cách sử dụng đa bộ chọn, và nhấn OK để chọn. 
Miniature effect (Hiệu ứng cỡ tí hơn) (H)	Trên và dưới của mỗi bức ảnh bị mờ đi để đối tượng trông như được chụp ảnh tầm sâu ở phạm vi gần. Chụp tốt nhất khi chụp từ một điểm cao thuận lợi.
Selective color (Màu chọn lọc) (P)	Chụp ảnh trong đó chỉ có màu sắc được lựa chọn với đa bộ chọn và nút OK xuất hiện có màu. 

Lưu ý rằng không thể quay được phim trong chế độ sáng tạo và việc nhấn nút quay phim không có tác dụng.

Thiết Lập Có Sẵn

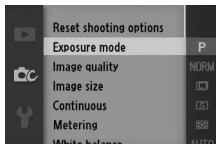
Để biết thông tin về các tùy chọn có trong chế độ sáng tạo, xem trang 53.

P, S, A, M

Chế độ **P, S, A, M** cho phép bạn chọn chế độ phơi sáng, kiểm soát cách máy ảnh thiết lập tốc độ cửa trập và độ mở ống kính.

■ Chế Độ Phơi Sáng

Để chọn chế độ phơi sáng, nhấn nút **MENU**, làm nổi bật **Exposure mode (Chế độ phơi sáng)** (📖 110) trong menu chụp (📖 107), và nhấn ► để hiển thị các tùy chọn bên dưới, sau đó làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**.



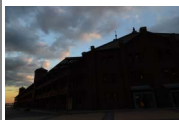
 P Programmed auto (Tự động được lập trình)	Máy ảnh đặt tốc độ cửa trập và độ mở ống kính cho phơi sáng tối ưu (📖 112). Được dùng cho những ảnh chụp nhanh hoặc trong các tình huống có rất ít thời gian để điều chỉnh cài đặt máy ảnh.
S Shutter-priority auto (Tự động ưu tiên cửa trập)	Bạn chọn tốc độ cửa trập; máy ảnh sẽ chọn độ mở ống kính để cho kết quả tốt nhất (📖 113). Sử dụng cho đóng băng hoặc chuyển động che mờ.
A Aperture-priority auto (Tự động ưu tiên độ mở ống kính)	Bạn chọn độ mở ống kính; máy ảnh sẽ chọn độ tốc độ cửa trập để cho kết quả tốt nhất (📖 114). Sử dụng che mờ nền hoặc lấy nét cả nền trước và nền sau.
M Manual (Bằng tay)	Bạn kiểm soát cả tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (📖 115).

Backlighting (Ngược sáng)

Phương pháp được sử dụng để chụp được các chi tiết trong khu vực mờ của các đối tượng bị ngược sáng phụ thuộc vào tùy chọn được chọn cho **HDR** trong menu chụp (📖 107).

On
(Bật)

Chi tiết trong các điểm nhấn và bóng được giữ lại bằng cách sử dụng HDR (phạm vi động cao); **HDR** xuất hiện trong hiển thị. Mỗi lần nút nhà của trập được bấm hết cỡ, máy ảnh chụp hai ảnh liên tiếp và kết hợp chúng lại để giữ lại các chi tiết trong các điểm nhấn và bóng trong các cảnh có độ tương phản cao; đèn nháy gần sẵn không sáng. Trong khi các ảnh được kết hợp, một thông báo sẽ được hiển thị và việc nhả cửa trập sẽ bị vô hiệu. Bức ảnh cuối cùng sẽ được hiển thị khi xử lý hoàn tất.



Phơi sáng lần đầu
(tối hơn)



Phơi sáng lần hai
(sáng hơn)



Ảnh HDR kết hợp

Off
(Tắt)

Đèn nháy sáng để “làm đầy” (chiếu sáng) bóng trong các đối tượng ngược sáng. Chỉ một ảnh được chụp khi nút nhà của trập được nhấn hết cỡ và đèn nháy sẽ sáng với mỗi lần chụp. Không có ảnh nào được chụp nếu đèn nháy gần sẵn không được nâng cao; nâng đèn nháy trước khi chụp.

☑ Tạo Khuôn Ảnh HDR

Các mép của ảnh sẽ được cắt bỏ. Có thể không đạt được kết quả mong muốn nếu di chuyển máy ảnh hoặc đối tượng trong quá trình chụp. Tùy thuộc vào cảnh, bóng có thể không đồng đều và bóng có thể xuất hiện xung quanh các đối tượng sáng hoặc quầng quanh các đối tượng tối. Nếu máy ảnh không thể kết hợp thành công hai ảnh, một ảnh duy nhất sẽ được ghi lại ở phơi sáng bình thường và D-Lighting hoạt động (📖 139) sẽ được áp dụng.

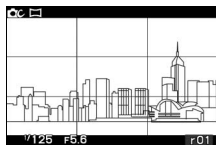


Toàn Cảnh Dễ Dàng

Thực hiện theo các bước dưới đây để chụp ảnh toàn cảnh. Trong quá trình chụp, máy ảnh lấy nét bằng cách sử dụng lấy nét tự động vùng tự động (📖 149); không có lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt (📖 24). Bù phơi sáng (📖 60) có thể được sử dụng, nhưng đèn nháy gắn sẵn sẽ không sáng.

1 Thiết lập lấy nét và phơi sáng.

Tạo khuôn hình lúc bắt đầu ảnh toàn cảnh và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Hướng dẫn sẽ xuất hiện trong màn hình hiển thị.



2 Bắt đầu chụp.

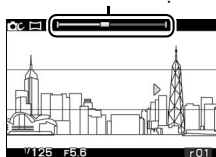
Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ còn lại để chụp ảnh và sau đó bạn nhắc ngón tay khỏi nút. Biểu tượng $\triangle$, ∇ , $\triangleleft$, và $\triangleright$ sẽ xuất hiện trong màn hình hiển thị để báo hướng xoay có thể.



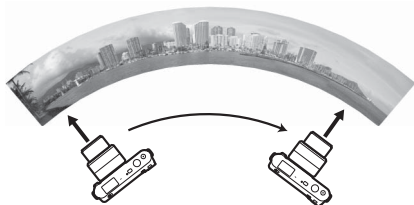
3 Xoay máy ảnh.

Từ từ xoay máy ảnh lên, xuống, trái, hoặc bên phải như hình dưới đây. Việc chụp sẽ bắt đầu khi máy ảnh phát hiện hướng xoay và chỉ báo tiến độ sẽ xuất hiện trong màn hình hiển thị. Việc chụp sẽ tự động kết thúc khi đạt đến điểm cuối của ảnh toàn cảnh.

Chỉ báo tiến độ



Ví dụ về cách xoay máy ảnh được hiển thị dưới đây. Không cần thay đổi vị trí của bạn, xoay máy ảnh theo đường cong ổn định nằm ngang hoặc nằm dọc. Thời gian xoay theo tùy chọn cho **Image size (Cỡ ảnh)** trong menu chụp: khoảng 15 giây để hoàn tất xoay khi **STD Normal panorama (Toàn cảnh bình thường)** được chọn, khoảng 30 giây khi **WIDE Wide panorama (Toàn cảnh rộng)** được chọn.



Ảnh toàn cảnh

Thấu kính góc rộng với độ biến dạng cao có thể không mang lại được kết quả mong muốn. Một thông báo lỗi sẽ được hiển thị nếu máy ảnh được xoay quá nhanh hoặc không vững.

Ảnh toàn cảnh đầy đủ sẽ hơi nhỏ hơn so với các vùng hiển thị trong màn hình hiển thị trong quá trình chụp. Ảnh toàn cảnh sẽ không được ghi lại nếu việc chụp kết thúc trước điểm giữa; nếu việc chụp kết thúc sau điểm giữa nhưng trước khi ảnh toàn cảnh được hoàn tất, phần chưa ghi được sẽ hiển thị màu xám.



■ Xem Ảnh Toàn Cảnh

Có thể xem ảnh toàn cảnh bằng cách nhấn  khi ảnh toàn cảnh được hiển thị khuôn hình đầy (📖 25). Phần bắt đầu của ảnh toàn cảnh sẽ được hiển thị với kích thước nhỏ nhất lấp đầy màn hình hiển thị và sau đó máy ảnh sẽ cuộn qua ảnh theo hướng xoay ban đầu.



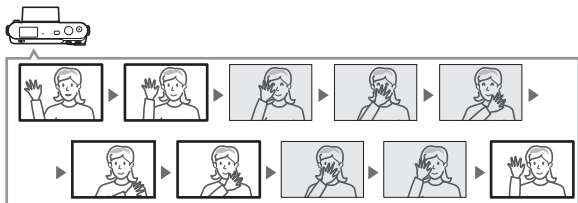
Cửa sổ Chỉ dẫn định hướng

Các thao tác sau đây có thể được thực hiện:

Để	Sử dụng	Mô tả
Tạm dừng		Tạm dừng phát lại.
Phát		Tiếp tục phát lại khi ảnh toàn cảnh được tạm dừng hoặc trong quá trình tua đi/tua lại.
Tua đi/ tua lại	 / 	Nhấn ◀ để tua lại, ▶ để tua đi. Nếu việc phát lại bị tạm dừng, tua lại hoặc tua đi ảnh toàn cảnh từng phần một; giữ nhấn để tua đi hoặc tua lại liên tục. Bạn cũng có thể xoay đa bộ chọn để tua lại hoặc tua đi.
Quay trở lại phát lại khuôn hình đầy	 / 	Nhấn ▲ hoặc ► để thoát khỏi phát lại khuôn hình đầy.

Chế Độ Chọn Ảnh Thông Minh

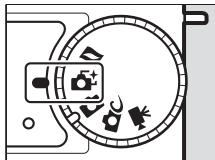
Chọn chế độ Chọn Ảnh Thông Minh cho ảnh chụp giữ lại nét biểu lộ thoáng qua trên khuôn mặt của đối tượng chân dung hoặc ảnh khó lấy thời gian chụp khác như ảnh nhóm trong những cảnh tiệc tùng. Mỗi lần cửa trập được nhả, máy ảnh sẽ tự động lựa chọn một ảnh đẹp nhất và bốn ảnh dự phòng đẹp nhất dựa trên thành phần và chuyển động.



Chụp Ảnh trong Chế Độ Chọn Ảnh Thông Minh

1 Chọn chế độ Chọn Ảnh Thông Minh.

Xoay đĩa lệnh chế độ sang .



Thiết Lập Có Sẵn

Để biết thông tin về các tùy chọn có sẵn trong chế độ Chọn Ảnh Thông Minh, xem trang 53.

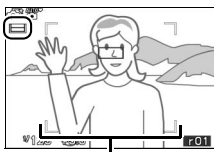
2 Tạo khuôn hình bức ảnh.

Soạn ảnh với đối tượng ở chính giữa khuôn hình.



3 Bắt đệm hình ảnh.

Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét (📖 23). Một biểu tượng sẽ được hiển thị khi máy ảnh bắt đầu ghi ảnh vào bộ nhớ đệm. Máy ảnh liên tục điều chỉnh lấy nét để thích ứng với các thay đổi trong khoảng cách đến đối tượng trong khung vùng lấy nét tự động trong khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.



Khung vùng lấy nét tự động

4 Chụp.

Nhấn nhẹ nút nhả cửa trập hết cỡ. Máy ảnh sẽ so sánh các ảnh được ghi vào bộ đệm cả trước và sau khi nút nhả cửa trập đã được nhấn, và chọn năm ảnh để sao chép vào thẻ nhớ. Lưu ý rằng có thể mất một chút thời gian. Ảnh tốt nhất được hiển thị trong màn hình trong một vài giây khi việc ghi hình hoàn tất.



Đệm hình

Đệm hình bắt đầu khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng và kết thúc sau khoảng 90 giây hoặc khi nút nhả cửa trập được nhấn hết cỡ.

*Nút nhả cửa trập
được nhấn nửa
chừng để lấy nét*

*Nút nhả cửa trập được
nhấn hết cỡ*

Kết thúc chụp



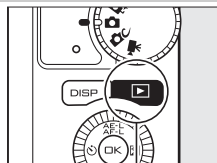
Chế Độ Chọn Ảnh Thông Minh

Máy ảnh tự động chọn chế độ cảnh phù hợp với đối tượng. Không thể quay được phim và việc nhấn nút quay phim không có tác dụng. Đèn nháy không thể được sử dụng.



Xem Ảnh

Nhấn  và sử dụng bộ đa chọn để hiển thị các ảnh chụp với các Chế Độ Chọn Ảnh Thông Minh (📖 25; ảnh được chụp với Chế Độ Chọn Ảnh Thông Minh được chỉ định bởi biểu tượng ). Trong số năm ảnh được chụp lại bằng Chế Độ Chọn Ảnh Thông Minh, chỉ ảnh tốt nhất mới được hiển thị (khi bạn nhấn phải đa bộ chọn để xem ảnh tiếp theo, máy ảnh sẽ bỏ qua các ảnh tốt nhất, với kết quả là hình ảnh tiếp theo được hiển thị sẽ không có số tập tin ngay tiếp sau số của ảnh hiện tại). Để kết thúc phát lại và trở về chế độ chụp, nhấn nút nhỏ cửa trập nửa chừng.



Nút 



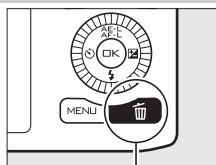
Lựa Chọn Ảnh Tốt Nhất

Khi một ảnh được chụp bằng Chế Độ Chọn Ảnh Thông Minh được hiển thị, bạn có thể lựa chọn ảnh tốt nhất bằng cách nhấn . Nhấn  hoặc  để xem các ảnh khác theo trình tự và nhấn  để chọn ảnh hiện tại làm ảnh tốt nhất. Để trở lại phát lại bình thường, nhấn .

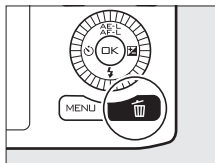


Xóa Ảnh

Nhấn  khi một ảnh được chụp bằng Chế độ Chọn Ảnh Thông Minh được chọn sẽ hiển thị hộp thoại xác nhận; nhấn  lần nữa để xóa ảnh tốt nhất và bốn đối tượng ảnh tốt nhất, hoặc nhấn  để thoát ra mà không xóa ảnh. *Lưu ý rằng một khi đã xóa, không thể phục hồi được ảnh.*



Nút 



Xóa Từng Ảnh

Nhấn nút  trong hộp thoại lựa chọn ảnh tốt nhất sẽ hiển thị các tùy chọn sau đây; làm nổi bật một tùy chọn bằng cách sử dụng bộ đa chọn và nhấn  để chọn.

- **This image (Ảnh này):** Xóa ảnh hiện tại (lưu ý rằng không thể xóa được ảnh hiện được chọn làm ảnh tốt nhất).
- **All except best shot (Tất cả ngoại trừ ảnh tốt nhất):** Xóa tất cả các ảnh theo thứ tự ngoại trừ ảnh hiện được chọn làm ảnh tốt nhất.

Một hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị; để xóa một ảnh được chọn hoặc các ảnh, làm nổi bật **Yes (Có)** và nhấn .





Chế Độ Phim

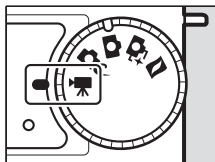
Lựa chọn chế độ phim để quay phim độ nét cao (HD) hoặc phim chuyển động chậm (45) bằng cách sử dụng nút ghi phim.

Phim HD

Ghi phim với âm thanh ở tỉ lệ 16 : 9.

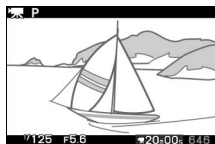
1 Chọn chế độ phim.

Xoay đĩa lệnh chế độ sang . Xén phim HD với tỉ lệ 16 : 9 sẽ xuất hiện trong hiển thị.



2 Tạo khuôn hình ảnh đang mở.

Tạo khuôn hình ảnh mở đầu với đối tượng ở chính giữa khuôn hình.



Xem Thêm

Xem trang 140 để biết thông tin về việc bổ hiệu ứng đưa cảnh vào dần/làm mờ dần. Tùy chọn cỡ khuôn hình và tốc độ khuôn hình được mô tả trên trang 123.

Biểu tượng

Biểu tượng  cho biết phim không thể được ghi.

Thiết Lập Có Sẵn

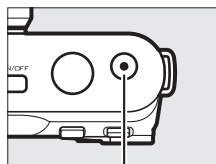
Để biết thông tin về các tùy chọn có trong chế độ phim, xem trang 53.

3 Bắt đầu ghi.

Nhấn nút ghi phim để bắt đầu ghi. Một chỉ báo ghi, thời gian trôi qua, và thời gian còn lại được hiển thị trong tiến trình ghi.

Ghi Âm Thanh

Hãy cẩn thận không che micrô và lưu ý rằng micrô gắn sẵn có thể ghi lại âm thanh của máy ảnh hoặc thấu kính. Theo mặc định, máy ảnh lấy nét liên tục; để tránh ghi tiếng ồn lấy nét, chọn chế độ lấy nét **AF-S** (□ 144). Mục **Movie sound options** (Tùy chọn âm thanh phim) trong menu chụp cung cấp các tùy chọn về độ nhạy và tiếng ồn gió cho micrô gắn sẵn (□ 141).



Nút ghi phim

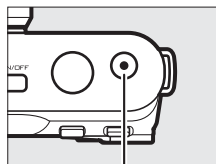
Chỉ báo ghi/
Thời gian trôi qua



Thời gian còn lại

4 Kết thúc ghi.

Nhấn nút ghi phim lần nữa để kết thúc việc ghi. Việc ghi sẽ tự động kết thúc khi đạt tới độ dài tối đa (□ 123), thẻ nhớ đầy, chế độ khác được chọn, thấu kính được tháo ra, hoặc máy ảnh bị nóng (□ xvi).



Nút ghi phim

Độ Dài Tối Đa

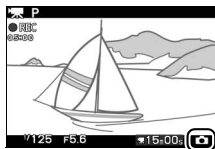
Phim HD có thể đạt đến 4 GB dung lượng và dài 20 phút (để biết thêm thông tin, xem trang 123); lưu ý rằng tùy thuộc vào tốc độ ghi thẻ nhớ, việc ghi có thể kết thúc trước khi đạt tới độ dài này (□ 168).

Khóa Phơi Sáng

Phơi sáng sẽ khóa trong khi nút  (đa bộ chọn lên) được nhấn (□ 125).

■ Chụp Ảnh Trong Quá Trình Ghi Phim HD

Nhấn nút nhả của trập hết cỡ để bắt đầu chụp ảnh mà không làm gián đoạn việc ghi phim HD. Ảnh được chụp trong thời gian ghi phim có tỉ lệ 16 : 9.



■ Chụp Ảnh Trong Quá Trình Ghi Phim

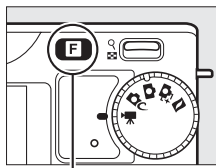
Có thể chụp đến 15 ảnh với mỗi ảnh phim. Lưu ý rằng không thể chụp được ảnh với phim chuyển động chậm.



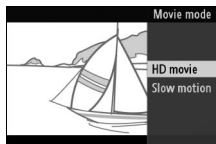
■ Chọn Loại Phim

Để chọn giữa ghi phim độ nét cao và ghi phim chuyển động chậm, nhấn **F** và sử dụng đa bộ chọn và nút **OK** để chọn từ các tùy chọn sau đây:

- **HD movie (Phim HD):** Ghi phim HD.
- **Slow motion (Chuyển động chậm):** Ghi phim chuyển động chậm (📖 45).



Nút **F**



✓ Ghi Phim

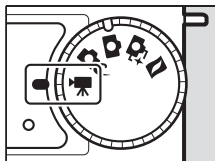
Có thể nhìn thấy nhấp nháy, dải, hoặc biến dạng trong màn hình hiển thị và trong phim cuối cùng dưới đèn huỳnh quang, đèn khí thủy ngân, hoặc đèn natri, hoặc nếu máy ảnh được xoay theo chiều ngang hoặc đối tượng di chuyển ở tốc độ cao qua khuôn hình (có thể giảm nhấp nháy và dải bằng cách chọn tùy chọn **Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)** cho phù hợp với tần số của nguồn điện AC địa phương, nhưng lưu ý rằng tốc độ cửa trập chậm nhất có sẵn là $\frac{1}{100}$ ở **50 Hz**, $\frac{1}{60}$ ở **60 Hz**; 📖 161). Các nguồn sáng chói có thể để lại hình ảnh sau trong màn hình khi máy ảnh được lia. Cảnh lờm chờm, viền màu, nhòe, và điểm sáng chói cũng có thể xuất hiện. Khi ghi phim, tránh hướng máy ảnh vào mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh khác. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh.

Chuyển Động Chậm

Ghi phim im lặng với tỉ lệ 8 : 3. Phim được ghi ở 400 khuôn hình trên một giây và phát lại ở tốc độ 30 khuôn hình trên một giây.

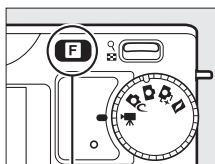
1 Chọn chế độ phim.

Xoay đĩa lệnh chế độ sang .



2 Chọn chế độ chuyển động chậm.

Nhấn nút **F** và sử dụng đa bộ chọn và nút  để chọn **Slow motion (Chuyển động chậm)**. Xén phim chuyển động chậm với tỉ lệ 8 : 3 sẽ xuất hiện trong hiển thị.

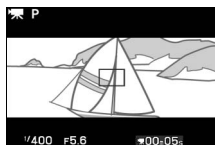


Nút **F**



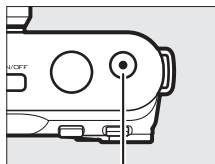
3 Tạo khuôn hình ảnh đang mở.

Tạo khuôn hình ảnh mở đầu với đối tượng ở chính giữa khuôn hình.



4 Bắt đầu ghi.

Nhấn nút ghi phim để bắt đầu ghi. Một chỉ báo ghi, thời gian trôi qua, và thời gian còn lại được hiển thị trong tiến trình ghi. Máy ảnh lấy nét đối tượng tại trung tâm của màn hình hiển thị; nhận diện khuôn mặt (📖 24) không có sẵn.



Nút ghi phim

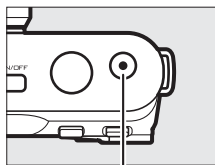
Chỉ báo ghi/
Thời gian trôi qua



Thời gian còn lại

5 Kết thúc ghi.

Nhấn nút ghi phim lần nữa để kết thúc việc ghi. Việc ghi sẽ tự động kết thúc khi đạt tới độ dài tối đa, thẻ nhớ đầy, chế độ khác được chọn, thấu kính được tháo ra, hoặc máy ảnh bị nóng (📖 xvi).



Nút ghi phim

📌 Độ Dài Tối Đa

Có thể ghi đến 5 giây hoặc 4 GB cảnh; lưu ý rằng tùy thuộc vào tốc độ ghi trên thẻ nhớ, việc ghi có thể kết thúc trước khi đạt được chiều dài này (📖 168).

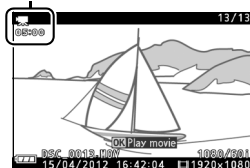
📌 Xem Thêm

Tùy chọn tốc độ khuôn hình được mô tả trên trang 123.

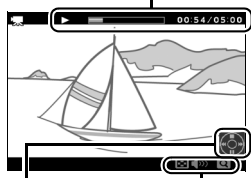
Xem Phim

Phim được chỉ định bởi một biểu tượng  trong phát lại khuôn hình đầy (📖 25). Bấm  để bắt đầu phát lại.

 biểu tượng/Độ dài



Chỉ báo phát lại phim/
Vị trí hiện tại/tổng độ dài



Chỉ dẫn

Âm lượng

Các thao tác sau đây có thể được thực hiện:

Để	Sử dụng	Mô tả
Tạm dừng		Tạm dừng phát lại.
Phát		Tiếp tục phát lại khi phim được tạm dừng hoặc trong quá trình tua đi/tua lại.
Tua đi/ tua lại	 / 	Nhấn ◀ để tua lại, ▶ tua đi. Tốc độ gia tăng mỗi với lần nhấn, từ 2× đến 5× đến 10× đến 15×. Nếu việc phát lại bị tạm dừng, tua lại hoặc tua đi phim một khuôn hình một; giữ nhấn để tua đi hoặc tua lại liên tục. Bạn cũng có thể xoay đa bộ chọn để tua lại hoặc tua đi khi phát lại tạm dừng.
Chỉnh âm lượng		Nhấn lên để tăng âm lượng, xuống để giảm âm lượng.
Quay trở lại phát lại khuôn hình đầy		Nhấn ▲ hoặc ► để thoát khỏi phát lại khuôn hình đầy.

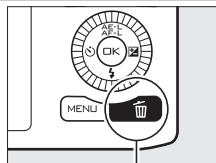


Xóa Phim

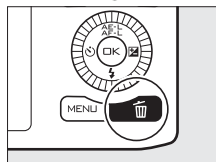
Để xóa phim hiện tại, nhấn . Một hộp thoại xác nhận sẽ hiển thị; nhấn một lần nữa để xóa phim và trở lại phát lại, hoặc nhấn để thoát mà không xóa phim. *Lưu ý rằng một khi đã xóa, không thể phục hồi được phim.*

Xem Thêm

Xem trang 104 thông tin về việc cắt cảnh không mong muốn từ phim.

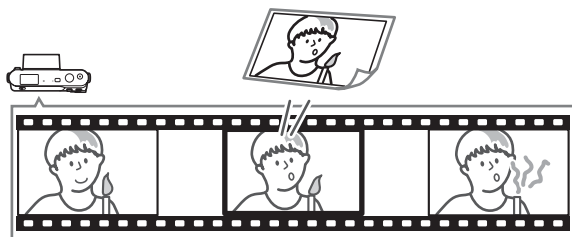


Nút



Chế độ Chụp nhanh Chuyển Động

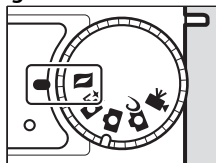
Chọn chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động để ghi lại các họa tiết phim ngắn với bức ảnh của bạn. Mỗi lần cửa trập được nhả, máy ảnh ghi lại một hình ảnh tĩnh và khoảng một giây cảnh phim. Khi kết quả “Chụp Nhanh Chuyển Động” được xem trên máy ảnh, phim sẽ phát lại trong chuyển động chậm khoảng 2,5 giây, tiếp sau hình ảnh tĩnh; việc phát lại được đi kèm với nhạc nền trong khoảng 10 giây.



Chụp ở chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động

1 Chọn chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động.

Xoay đĩa lệnh chế độ sang



Thiết Lập Có Sẵn

Để biết thông tin về các tùy chọn có trong chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động, xem trang 53.

2 Tạo khuôn hình bức ảnh.

Soạn ảnh với đối tượng ở chính giữa khuôn hình.



3 Bắt đầu đệm ảnh.

Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét (📖 23). Một biểu tượng sẽ được hiển thị như máy ảnh bắt đầu ghi cảnh vào bộ nhớ đệm.



4 Chụp.

Nhấn nhẹ nút nhả cửa trập hết cỡ. Máy ảnh sẽ ghi lại bức ảnh, cùng với khoảng một giây của cảnh phim bắt đầu trước và kết thúc sau thời gian nhấn nút nhả cửa trập. Lưu ý rằng có thể mất một chút thời gian. Khi quá trình ghi hoàn tất, bức ảnh sẽ được hiển thị trong một vài giây.



Đệm hình

Đệm hình bắt đầu khi nút nhà cửa trập được nhấn nửa chừng và kết thúc sau khoảng 90 giây hoặc khi nút nhà cửa trập được nhấn hết cỡ.

*Nút nhà cửa trập
được nhấn nửa
chừng để lấy nét*

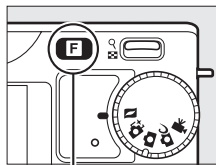
*Nút nhà cửa trập được
nhấn hết cỡ*

Kết thúc chụp

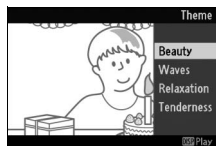


Chọn một Chủ đề

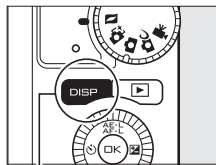
Để chọn nhạc nền cho phim, nhấn **F** và sử dụng đa bộ chọn và nút **OK** để lựa chọn **Beauty (Nét đẹp)**, **Waves (Làn sóng)**, **Relaxation (Thư giãn)**, và **Tenderness (Sự dịu dàng)**.



Nút **F**



Để phát nhạc nền cho chủ đề được làm nổi bật, nhấn nút **DISP** và sử dụng  điều khiển để điều chỉnh âm lượng.



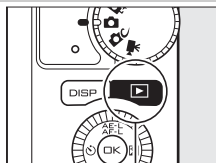
Nút **DISP**

Chế Độ Chụp Nhanh Chuyển Động

Âm thanh trực tiếp không được ghi. Không thể ghi phim bằng cách sử dụng nút ghi phim và không thể sử dụng đèn nháy.

Xem Chụp Nhanh Chuyển Động

Nhấn  và sử dụng đa bộ chọn để hiển thị Chụp Nhanh Chuyển Động (📖 25; Chụp Nhanh Chuyển Động được chỉ báo bởi biểu tượng ). Nhấn  khi Chụp Nhanh Chuyển Động được hiển thị phát lại phần phim chuyển động chậm trong khoảng thời gian khoảng 2,5 giây, tiếp theo là ảnh; bài hát nền phát trong khoảng 10 giây. Để kết thúc phát lại và trở về chế độ chụp, bấm nút nhà cửa trập nửa chừng.

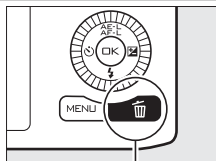


Nút 

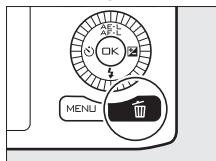
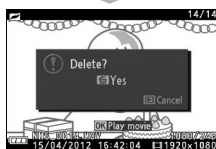


Xóa Chụp Nhanh Chuyển Động

Để xóa Chụp Nhanh Chuyển Động, nhấn . Một hộp thoại xác nhận sẽ hiển thị; nhấn  một lần nữa để xóa ảnh và phim và trở lại phát lại, hoặc nhấn  để thoát mà không xóa phim. *Lưu ý rằng một khi đã xóa, không thể phục hồi được ảnh Chụp Nhanh Chuyển Động.*



Nút 





Thiết Lập Có Sẵn

Bảng sau là danh sách các thiết lập có thể được điều chỉnh trong mỗi chế độ.

■ **Chụp ảnh Tự động**, **📷** **Chế độ chọn ảnh thông minh**, **🎬** **Phim**, và **📺** **Chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động**

											
		P	S	A	M		P	S	A	M	
Menu chụp	Exposure mode (Chế độ phơi sáng) ¹	—	—	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Image quality (Chất lượng hình ảnh)	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—
	Image size (Cỡ ảnh) ²	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—
	Continuous (Liên tục)	✓ ³	—	—	—	—	—	—	—	—	—
	Frame rate (Tốc độ khuôn hình)	—	—	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	—	—	—	—
	Movie settings (Cài đặt phim)	—	—	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	—	—	—
	Metering (Đo sáng)	—	—	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	✓	✓	✓
	White balance (Cân bằng trắng)	—	—	✓	✓	✓	✓	—	✓	✓	✓
	ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)	—	—	✓	✓	✓	✓	—	✓	✓	✓
	Picture Control	—	—	✓	✓	✓	✓	—	✓	✓	✓
	Custom Picture Control (Picture Control Tùy Chọn)	—	—	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Color space (Không gian màu)	—	✓	—	—	—	—	—	—	—	—
	HDR	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
	Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
	Long exposure NR (Phơi sáng lâu NR)	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
	High ISO noise reduction (Giảm nhiễu ISO cao)	—	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Fade in/fade out (Đưa cảnh vào dần/làm mờ dần)	—	—	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	—	—	—
	Movie sound options (Tùy chọn âm thanh phim)	—	—	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	—	—	—
	Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quảng thời gian)	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
	Vibration reduction (Chống rung) ⁶	—	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Focus mode (Chế độ lấy nét)	—	—	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—	
AF-area mode (Chế độ vùng lấy nét tự động)	—	—	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	✓	✓	✓	
Face-priority AF (Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt)	—	—	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	✓	✓	✓	
Built-in AF assist (Hỗ trợ lấy nét tự động tích hợp)	—	✓	—	—	—	—	✓	✓	✓	✓	
Flash compensation (Bù đèn nháy)	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	

Menu chụp



												
				P	S	A	M		P	S	A	M
Cài đặt khác	Chọn lựa vùng lấy nét	—	—	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	✓	✓	✓	✓
	Chương trình linh động	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
	Khoá tự động phơi sáng	—	—	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	✓	✓
	Khoá lấy nét	—	—	✓	✓	✓	✓	—	✓	✓	✓	✓
	Self-timer (Tự hẹn giờ)	✓	—	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—	—
	Exposure compensation (Bù phơi sáng)	—	—	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	✓	✓
	Flash mode (Chế độ đèn nháy)	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
	Movie mode (Chế độ phim)	—	—	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—	—
	Theme (Chủ đề)	—	—	—	—	—	—	✓	✓	✓	✓	✓

1 Scene auto selector (Chọn cảnh tự động) chỉ có trong chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động.

2 Ảnh RAW cố định ở 3872 × 2592.

3 Electronic (Hi) (Điện tử (Cao)) không có sẵn.

4 Slow motion (Chuyển động chậm) được lựa chọn trong chế độ phim.

5 HD movie (Phim HD) được chọn trong chế độ phim.

6 Chỉ thấu kính VR.



Chế Độ Sáng Tạo

Trong bảng dưới đây, chế độ sáng tạo được thể hiện bằng các biểu tượng sau đây:  night landscape (phong cảnh ban đêm),  night portrait (chân dung ban đêm),  backlighting (ngược sáng),  easy panorama (toàn cảnh dễ dàng),  soft (mềm),  miniature effect (hiệu ứng cỡ tí hơn), và  selective color (màu lựa chọn).

	P, S, A, M										
	P	S	A	M							
Exposure mode (Chế độ phơi sáng)	✓	✓ ¹	✓ ¹	✓ ¹	—	—	—	—	—	—	—
Image quality (Chất lượng hình ảnh)	✓	✓	✓	✓	✓ ²	✓ ²	✓ ²	✓ ²	✓ ²	✓ ²	✓ ²
Image size (Cỡ hình ảnh)	✓ ³	✓ ³	✓ ³	✓ ³	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Continuous (Liên tục)	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—
Frame rate (Tốc độ khuôn hình)	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Movie settings (Cài đặt phim)	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Metering (Đo sáng)	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	—	—	—	—	—	—	—
White balance (Cân bằng trắng)	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—
ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	—	—	—	—	—	—	—
Picture Control	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—
Custom Picture Control (Picture Control Tùy Chọn)	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—
Color space (Không gian màu)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HDR	—	—	—	—	—	—	✓	—	—	—	—
Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—
Long exposure NR (Phơi sáng lâu NR)	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	—	—	—	—	—	—	—
High ISO noise reduction (Giảm nhiễu ISO cao)	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—
Fade in/fade out (Đưa cảnh vào dần/làm mờ dần)	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Movie sound options (Tùy chọn âm thanh phim)	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quảng thời gian)	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	—	—	—	—	—	—	—
Vibration reduction (Chống rung) ⁵	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Focus mode (Chế độ lấy nét)	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	—	—	—	—	—	—	—
AF-area mode (Chế độ vùng lấy nét tự động)	✓ ⁶	✓ ⁶	✓ ⁶	✓ ⁶	—	—	—	—	—	—	—
Face-priority AF (Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt)	✓ ⁶	✓ ⁶	✓ ⁶	✓ ⁶	—	—	—	—	—	—	—
Built-in AF assist (Hỗ trợ lấy nét tự động tích hợp)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Flash compensation (Bù đèn nháy) ⁷	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	—	✓	✓ ⁸	—	✓	✓	✓

Menu chụp



	P, S, A, M										
	P	S	A	M							
Chọn lựa vùng lấy nét	✓ ⁶	✓ ⁶	✓ ⁶	✓ ⁶	—	—	—	—	—	—	—
Chương trình linh động	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Khóa tự động phơi sáng	✓	✓	✓	—	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Khoá lấy nét	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Self-timer (Tự hẹn giờ)	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓	✓	✓	—	✓	✓	✓
Exposure compensation (Bù phơi sáng)	✓	✓	✓	—	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Flash mode (Chế độ đèn nháy)	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	—	✓	✓ ⁸	—	✓	✓	✓
Movie mode (Chế độ phim)	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Theme (Chủ đề)	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—

1 P Programmed auto (Tự động được lập trình) được tự động lựa chọn khi **Electronic (Hi) (Điện tử (Cao))** được lựa chọn cho **Continuous (Liên tục)**.

2 NEF (RAW) và NEF (RAW) + JPEG fine (NEF (RAW)+JPEG nét) không có sẵn.

3 Ảnh RAW cố định ở 3872 × 2592.

4 Không có sẵn khi **Electronic (Hi) (Điện tử (Cao))** được chọn cho **Continuous (Liên tục)**.

5 Chỉ thấu kính VR.

6 Không có sẵn nếu tốc độ khuôn hình 10 khuôn hình trên một giây được chọn khi **Electronic (Hi) (Điện tử (Cao))** được chọn cho **Continuous (Liên tục)**.

7 Chỉ có khi bộ phận đèn nháy gắn sẵn được nâng lên.

8 Không có sẵn khi **HDR** được bật.





Thông Tin Thêm về Nhiếp Ảnh

Chế Độ Tự Hẹn Giờ và Chế Độ Điều Khiển Từ Xa

Hẹn giờ và điều khiển từ xa ML-L3 (📷 166) có thể được sử dụng để giảm lắc máy ảnh hoặc để tự chụp chân dung. Gồm các tùy chọn sau:

Off	Tắt	Tắt tự hẹn giờ và điều khiển từ xa. Cửa trập được nhả khi nút nhả cửa trập máy ảnh được nhấn.
🕒 10s	10 giây	Cửa trập được nhả 2, 5, hoặc 10 giây sau khi nút nhả cửa trập được nhấn hết cỡ. Chọn 2 s (2 giây) để giảm lắc máy ảnh, 5 s (5 giây) hoặc 10 s (10 giây) cho tự chụp chân dung.
🕒 5s	5 giây	
🕒 2s	2 giây	
🕒 2s	Điều khiển từ xa chụp chậm	Cửa trập được nhả ra trong 2 giây sau khi nút nhả cửa trập trên điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn được nhấn.
🔊	Chế độ từ xa phản ứng nhanh	Cửa trập được nhả ra khi nút nhả cửa trập trên điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn được nhấn.

🔧 Trước Khi Sử Dụng Điều Khiển Từ Xa

Trước khi sử dụng điều khiển từ xa lần đầu tiên, tháo tấm phủ pin và nhựa trong.

1 Gắn máy ảnh vào giá ba chân.

Lắp máy ảnh vào giá ba chân hoặc đặt máy ảnh lên bề mặt ổn định, bằng phẳng.

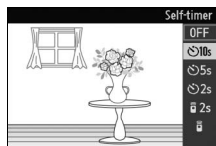
2 Hiện thị các tùy chọn tự hẹn giờ.

Nhấn ◀ (🕒) để hiện thị tùy chọn tự hẹn giờ.



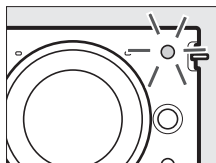
3 Chọn tùy chọn mong muốn.

Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật các tùy chọn mong muốn và nhấn .

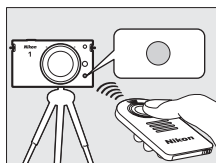


4 Tạo khuôn hình cho bức ảnh và chụp.

Chế độ tự hẹn giờ: Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét và sau đó nhấn xuống hoàn toàn. Đèn hẹn giờ sẽ bắt đầu nhấp và phát ra tiếng bíp. Hai giây trước khi chụp ảnh, đèn sẽ dừng nhấp và tiếng bíp sẽ phát ra nhanh hơn.



Chế độ điều khiển từ xa: Hướng ML-L3 vào bộ phận hồng ngoại trên máy ảnh (📖 2) và nhấn nút nhả cửa trập ML-L3 (đứng ở một khoảng cách 5 m hoặc gần hơn). Trong chế độ từ xa chụp chậm, đèn hẹn giờ sẽ sáng trong khoảng hai giây trước khi cửa trập nhả. Trong chế độ từ xa phản ứng nhanh, đèn hẹn giờ sẽ nhấp nháy sau khi cửa trập được nhả.



Lưu ý rằng hẹn giờ không thể bắt đầu hay không thể chụp ảnh nếu máy ảnh không thể lấy nét hay ở các trường hợp khác mà không thể nhả cửa trập. Việc tắt máy ảnh hủy chế độ tự hẹn giờ và điều khiển từ xa. Chế độ điều khiển từ xa sẽ tự động bị huỷ bỏ nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khoảng năm phút sau khi chế độ được chọn ở Bước 3.

Chế Độ Phim

Trong chế độ tự hẹn giờ, bắt đầu và ngừng hẹn giờ bằng cách nhấn nút ghi phim thay vì nút nhả cửa trập. Trong chế độ điều khiển từ xa, chức năng nút nhả cửa trập ML-L3 như nút ghi phim.

Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn

Trượt điều khiển bung đèn nháy lên để nâng đèn nháy trước khi chụp. Chụp sẽ bị gián đoạn nếu đèn nháy được nâng lên trong khi tự hẹn giờ hoặc hẹn giờ từ xa bị chậm trễ được đếm ngược.

Trong chế độ điều khiển từ xa, đèn nháy bắt đầu sạc pin trong khi máy ảnh đang chờ đợi tín hiệu từ điều khiển từ xa. máy ảnh sẽ chỉ phản hồi nút nhả cửa trập trên điều khiển từ xa khi đèn nháy được sạc. Nếu giảm mắt đỏ (🔴 62) được sử dụng trong chế độ từ xa phản ứng nhanh, cửa trập sẽ được nhả khoảng một giây sau khi ánh sáng đèn giảm mắt đỏ. Trong chế độ từ xa chậm, có độ trễ khoảng hai giây sau khi được nút nhả cửa trập trên điều khiển từ xa được nhấn; đèn giảm mắt đỏ đèn sau đó sẽ sáng khoảng một giây trước khi nút nhả cửa trập được nhả.

Vòng Đệm Gắn Giá Ba Chân

Sử dụng adaptor giá ba chân TA-N100 tùy chọn để ngăn chặn thấu kính lớn hơn tiếp xúc đầu giá ba chân khi máy ảnh được gắn trên giá ba chân (📖 167).

Xem Thêm

Để biết thêm thông tin về cách chọn thời gian máy ảnh đợi tín hiệu từ điều khiển từ xa, xem trang 160. Xem trang 159 để biết thông tin về việc kiểm soát tiếng bíp khi tự hẹn giờ hoặc điều khiển từ xa được sử dụng.



Bù Phơi Sáng

Bù phơi sáng được sử dụng để thay đổi phơi sáng từ giá trị máy ảnh đưa ra, làm ảnh sáng hơn hoặc tối hơn. Chọn từ các giá trị giữa -3 EV (thiếu phơi sáng) và +3 EV (phơi sáng quá mức) với mức tăng là $\frac{1}{3}$ EV. Nhìn chung, giá trị dương làm hình ảnh sáng hơn trong khi giá trị âm làm hình ảnh tối hơn.



-1 EV



Không bù phơi
sáng



+1 EV

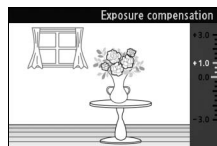
1 Hiển thị các tùy chọn bù phơi sáng.

Nhấn **▶** () để hiển thị tùy chọn bù phơi sáng.



2 Chọn giá trị.

Sử dụng đa bộ chọn để chọn giá trị mong muốn.



Có thể khôi phục phơi sáng bình thường bằng đặt bù phơi sáng về ± 0 . Bù phơi sáng không được đặt lại khi máy ảnh tắt.

Bù Phơi Sáng

Bù phơi sáng hiệu quả nhất khi được sử dụng với đo ưu tiên trung tâm hoặc đo sáng điểm (📖 124).

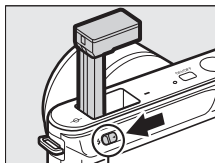
Đèn Nháy Gắn Sẵn

Khi sử dụng với đèn nháy gắn sẵn, bù phơi sáng ảnh hưởng đến cả phơi sáng nền và mức đèn nháy.



Đèn Nháy Gắn Sẵn

Để sử dụng đèn nháy, nâng bằng cách trượt điều khiển bung đèn nháy lên. Việc sạc bắt đầu khi đèn nháy được nâng lên; một khi đã sạc đầy, chỉ báo đèn nháy sẵn sàng (●) sẽ được hiển thị khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Có các chế độ đèn nháy sau; chọn chế độ đèn nháy như mô tả ở trang sau.



Điều khiển bung đèn

 Đèn nháy làm đầy	Đèn nháy bật sáng với mỗi ảnh được chụp. Sử dụng khi đối tượng được chiếu sáng ít hoặc với các đối tượng ngược sáng để "làm đầy" (chiếu sáng) bóng.
 Giảm mắt đỏ	Đèn giảm mắt đỏ sáng lên trước khi đèn nháy bật sáng, giảm "mắt đỏ" gây ra bởi ánh sáng phản xạ từ võng mạc của đối tượng của bạn.
 Giảm mắt đỏ + đồng bộ chậm	Kết hợp giảm mắt đỏ với tốc độ cửa trập chậm để chụp được các chi tiết nền vào ban đêm hoặc dưới ánh sáng thấp. Sử dụng cho chân dung được chụp trong cảnh đêm.
 Đèn nháy làm đầy + đồng bộ chậm	Kết hợp đèn nháy làm đầy với tốc độ cửa trập chậm để chụp được nền ít sáng.
 Màn phía sau + đồng bộ chậm	Kết hợp đồng bộ màn phía sau (xem dưới đây) với tốc độ cửa trập chậm để chụp được các chi tiết nền ít sáng.
 Đồng bộ màn phía sau	Trong khi ở các chế độ khác đèn nháy bật sáng khi cửa trập mở, trong đồng bộ màn phía sau đèn nháy bật sáng ngay khi cửa trập đóng lại, tạo ra chùm sáng đường như đi theo nguồn sáng di chuyển.

Chọn Chế Độ Đèn Nháy

1 Hiện thị tùy chọn chế độ đèn nháy.

Nhấn đa bộ chọn để hiển thị danh sách các chế độ đèn nháy. Các chế độ có sẵn phụ thuộc vào chế độ chụp hoặc chế độ phơi sáng.



Các chế độ chụp **Auto photo** (Chụp ảnh tự động), **Night portrait** (Chân dung đêm), **Backlighting** (Ngược sáng) *, **Soft** (Mềm), **Miniature effect** (Hiệu ứng cỡ tí hon), và **Selective color** (Màu lựa chọn)

Đèn nháy làm đầy

Giảm mắt đỏ

Chế độ phơi sáng **S** và **M**

Đèn nháy làm đầy

Giảm mắt đỏ

Đồng bộ màn phía sau

* **HDR** tắt.

Chế độ phơi sáng **P** và **A**

Đèn nháy làm đầy

Giảm mắt đỏ

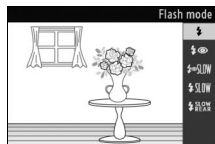
SLOW Giảm mắt đỏ + đồng bộ chậm

Đồng bộ chậm

Màn phía sau+ đồng bộ chậm

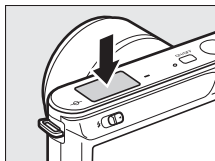
2 Chọn chế độ đèn nháy.

Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật chế độ đèn nháy (📖 62) và nhấn để chọn.



Hạ Đèn Nháy Gắn Sẵn

Để tiết kiệm pin khi đèn nháy không được sử dụng, nhấn nhẹ nút hạ xuống cho đến khi chốt khớp vào đúng vị trí. *Không sử dụng lực.* Không tuân thủ biện pháp để phòng này có thể làm hỏng sản phẩm.

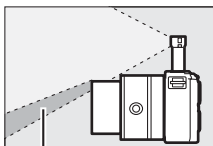


Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn

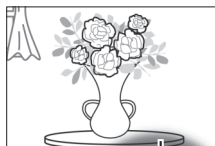
Có thể sử dụng đèn nháy gắn sẵn trong chế độ chụp ảnh tự động và khi **P**, **S**, **A**, **M**, **Night portrait (Chân dung đêm)**, **Backlighting (Ngược sáng)**, **Soft (Mềm)**, **Miniature effect (Hiệu ứng cỡ tí hơn)**, hoặc **Selective color (Màu lựa chọn)** được chọn trong chế độ sáng tạo (📖 53). Nếu đèn nháy sáng nhiều lần liên tục nhanh, đèn nháy và cửa trập có thể tạm thời được tắt để bảo vệ đèn nháy. Việc chụp có thể được khôi phục lại sau khi tạm ngừng trong thời gian ngắn.

Đối tượng gần với máy ảnh có thể bị chiếu sáng quá mức trong các ảnh chụp với đèn nháy ở độ nhạy sáng ISO cao.

Để tránh bị tạo họa tiết, tháo nắp thấu kính và chụp ở khoảng cách ít nhất 0,6 m. Một số thấu kính có thể gây ra hiện tượng tạo họa tiết ở những khoảng cách lớn hơn, hoặc cản trở đèn giảm mắt đỏ, làm nhiều giảm mắt đỏ. Các hình minh họa sau đây cho thấy hiệu ứng của việc tạo họa tiết gây ra bởi các bóng đổ của bởi ống kính khi đèn nháy được sử dụng.



Bóng



Bóng

Xem Thêm

Để biết thông tin về việc điều chỉnh mức đèn nháy, xem “Bù Đèn Nháy” (📖 153).



Độ Mở Ống Kính, Độ Nhảy và Phạm Vi Đèn Nháy

Phạm vi đèn nháy khác với độ nhảy (ISO tương đương) và độ mở ống kính. Với thấu kính thu phóng tiêu chuẩn ở độ mở ống kính tối đa và độ nhảy ISO đặt ở ISO 100 đến 3200, phạm vi xấp xỉ 0,6 m–5,0 m khi thấu kính được phóng hết cỡ, 0,6 m–3,0 m khi phóng tối đa.

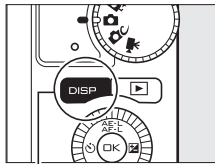




Thông Tin Thêm về Phát Lại

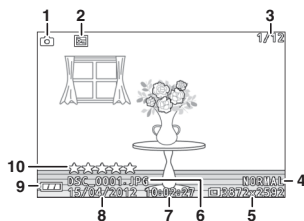
Thông Tin Ảnh

Thông tin ảnh được đề chuyển lệnh trên những bức ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy (📖 25). Nhấn nút DISP để duyệt qua thông tin ảnh đơn giản, thông tin ảnh chi tiết (📖 68), và không có thông tin ảnh.

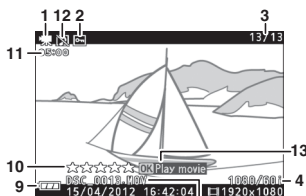


Nút DISP

■ Thông Tin Ảnh Đơn Giản



Ảnh tĩnh



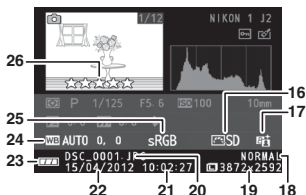
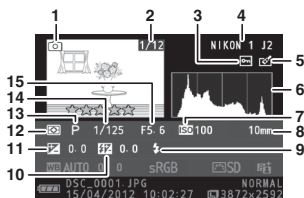
Phim

1 Chế độ chụp.....	6	7 Thời gian ghi	18, 162
2 Trạng thái bảo vệ	100	8 Ngày ghi.....	18, 162
3 Số khung hình/tổng số ảnh		9 Chỉ báo pin.....	20
4 Chất lượng hình ảnh	118	10 Xếp hạng	74
Tốc độ khuôn hình	123	11 Độ dài phim	47
5 Cỡ hình ảnh	119	12 Chỉ báo ghi âm	141
Cỡ khuôn hình.....	123	13 Hướng dẫn trên màn hình (cho phim)	47
6 Tên tập tin.....	120		

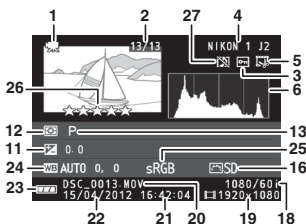
🔍 Phát Lại Hình Thu Nhỏ

Nhấn DISP để xem hoặc ẩn đánh giá (📖 74) khi hình thu nhỏ được hiển thị (📖 70). Trong phát lại bốn và chín khuôn hình, trạng thái bảo vệ (📖 100) và số khuôn hình cũng được hiển thị.

■ Thông Tin Ảnh Chi Tiết



Ảnh tĩnh



Phim

1 Chế độ chụp.....	6	15 Độ mở ống kính.....	114, 115
2 Số khung hình/tổng số ảnh		16 Picture Control	132
3 Trạng thái bảo vệ	100	17 Chỉ báo D-Lighting hoạt động	
4 Tên máy ảnh			139
5 Chỉ báo sửa lại	101, 102, 103	Chỉ báo HDR	31
6 Chỉ báo chỉnh sửa phim.....	104	18 Chất lượng hình ảnh	118
7 Biểu đồ thể hiện phân phối tông		Tốc độ khuôn hình.....	123
màu trong ảnh.....	69	19 Cỡ hình ảnh	119
8 Độ nhạy ISO	131	Cỡ khuôn hình.....	123
9 Tiêu cự.....	195	20 Tên tập tin.....	120
10 Chế độ đèn nháy.....	62	21 Thời gian ghi	18, 162
11 Bù đèn nháy.....	153	22 Ngày ghi	18, 162
12 Bù phơi sáng	60	23 Chỉ báo pin.....	20
13 Đo sáng.....	124	24 Cân bằng trắng	126
14 Cảnh.....	22, 28	Dò tinh chỉnh cân bằng trắng	
Chế độ phơi sáng	30, 110		127
15 Tốc độ cửa trập.....	113, 115	25 Không gian màu	138
		26 Đánh giá	74
		27 Chỉ báo ghi âm	141

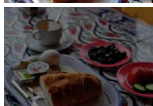
Biểu đồ (📖 68)

Biểu đồ máy ảnh chỉ mang tính hướng dẫn và có thể khác so với những biểu đồ trong các ứng dụng hình ảnh. Sau đây là biểu đồ mẫu:

- Nếu **độ sáng thay đổi đều qua hình ảnh**, ngay cả việc phân phối tông màu cũng chỉ là tương đối.



- Nếu **hình ảnh tối**, phân phối tông màu sẽ dịch sang trái.



- Nếu **hình ảnh sáng**, phân phối tông màu sẽ dịch sang phải.

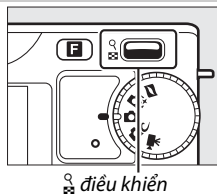


Bù phơi sáng sẽ chuyển phân phối tông màu sang bên phải khi được nâng lên, sang bên trái khi hạ xuống. Biểu đồ có thể cho thấy cái nhìn sơ lược tổng quát về phơi sáng toàn diện khi ánh sáng bóng xung quanh khiến khó nhìn thấy nội dung hiển thị trên màn hình.



Phát Lại Hình Thu Nhỏ

Để xem ảnh trong “tờ tiếp xúc” bốn, chín, hoặc 72 hình ảnh, nhấn  xuống khi ảnh được hiển thị đầy khuôn hình.

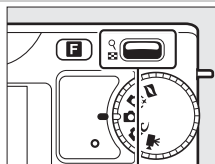


Các thao tác sau đây có thể được thực hiện:

Để	Sử dụng	Mô tả
Hiển thị thêm hình ảnh		Nhấn xuống để tăng thêm số ảnh được hiển thị, nhấn lên để giảm. Nhấn xuống khi 72 hình ảnh được hiển thị để xem ảnh chụp vào những ngày được lựa chọn (📅 71). Khi bốn ảnh được hiển thị nhấn lên để xem ảnh được làm nổi bật toàn khuôn hình.
Hiển thị ít hình ảnh hơn		
Làm nổi bật hình ảnh		Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật ảnh. Bạn có thể xóa (🗑 73) hoặc đánh giá (📊 74) ảnh được làm nổi bật hoặc thu nhỏ để xem gần (📄 72).
Xem hình ảnh được làm nổi bật		Nhấn  để hiển thị ảnh được làm nổi bật trong khuôn hình đầy.
Xóa ảnh được làm nổi bật		Xem trang 73.
Đánh giá ảnh được làm nổi bật		Xem trang 74.

Phát Lại Theo Lịch

Để xem ảnh được chụp vào ngày được chọn, nhấn  xuống khi 72 ảnh được hiển thị ( 70).



 điều khiển



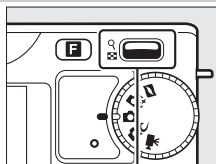
Các thao tác sau đây có thể được thực hiện:

Để	Sử dụng	Mô tả
Làm nổi bật ngày	 / 	Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật ngày.
Xem các ảnh được chụp vào ngày được làm nổi bật		Nhấn  để xem ảnh đầu tiên được chụp trong ngày được làm nổi bật.
Xóa các ảnh được chụp vào ngày được làm nổi bật		Nhấn  để xóa tất cả ảnh được chụp trong ngày được làm nổi bật.
Thoát khỏi hiển thị hình thu nhỏ		Nhấn  lên để trở lại hiển thị khung hình 72.



Thu Phóng Phát Lại

Để phóng to trên một bức ảnh, hiển thị nó trên toàn khuôn hình và nhấn  lên. Không có sẵn thu phóng phát lại với phim hoặc Chụp Nhanh Chuyển Động.



 điều khiển

Các thao tác sau đây có thể được thực hiện:

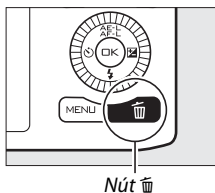
Để	Sử dụng	Mô tả	
Phóng to hoặc thu nhỏ		Nhấn lên để phóng to, xuống để thu nhỏ. Bất cứ khi nào bạn phóng to hoặc thu nhỏ, cửa sổ định hướng sẽ xuất hiện với các khu vực hiện đang hiển thị trong màn hình được chỉ định bởi một đường viền màu vàng. Nhấn ▲, ►, ▼, hoặc ◀ để di chuyển hình ảnh (giữ nhấn để di cuộn nhanh đến các khu vực khác của khuôn hình).	
Xem các vùng khác của ảnh		Khuôn mặt (lên đến năm) được nhận diện suốt quá trình lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt được chỉ báo bởi khung màu trắng trong cửa sổ định hướng. Xoay đa bộ chọn để xem các khuôn mặt khác.	
Xem khuôn mặt			
Thoát thu phóng		Quay trở lại phát lại khuôn hình đầy.	

Xóa Ảnh

Hình ảnh có thể bị xóa khỏi thẻ nhớ như được mô tả dưới đây. Lưu ý rằng một khi đã xóa, hình ảnh không thể được phục hồi; tuy nhiên ảnh được bảo vệ sẽ không bị xóa.

Đang Xóa Ảnh Hiện Tại

Để xóa hình ảnh đang hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy hoặc lựa chọn trong danh sách hình ảnh thu nhỏ, nhấn . Hộp thoại xác nhận được hiển thị; nhấn lần nữa để xóa ảnh và quay trở lại phát lại, hoặc nhấn để thoát ra mà không xóa ảnh.



Menu Phát Lại

Để xóa nhiều hình ảnh, nhấn nút MENU, chọn **Delete (Xóa)** trong menu phát lại, và chọn từ các tùy chọn bên dưới. Hộp thoại xác nhận được hiển thị; chọn **Yes (Có)** để xóa ảnh (lưu ý rằng cần mất chút thời gian nếu chọn nhiều ảnh).

Delete selected images (Xóa ảnh đã chọn)	Làm nổi bật hình ảnh và nhấn hoặc để chọn hoặc bỏ chọn (99). Nhấn để thoát ra khi việc lựa chọn hoàn tất.
Select images by date (Chọn ảnh theo ngày)	Làm nổi bật hình ảnh và nhấn để chọn hoặc bỏ chọn. Để xem các hình ảnh được chụp vào ngày được làm nổi bật, nhấn xuống; giữ lên để xem hình ảnh được làm nổi bật toàn khuôn hình hoặc nhấn xuống lại để quay trở lại danh sách ngày. Nhấn để xóa tất cả ảnh được chụp trong ngày được chọn.
Delete all images (Xóa tất cả ảnh)	Xóa tất cả các ảnh trên thẻ nhớ.
Discard (Hủy bỏ)	Xóa tất cả các hình ảnh được đánh giá (hủy bỏ; 74).



Đánh Giá Ảnh

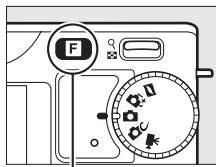
Đánh giá hình ảnh hoặc đánh dấu chúng để xóa (📖 73). Tùy chọn **Slide show (Trình chiếu slide)** trong menu phát lại có thể được sử dụng để chỉ hiển thị các ảnh đánh giá hoặc các đánh giá được chọn (📖 75). Cũng có thể xem đánh giá trong ViewNX 2. Đánh giá không có sẵn với ảnh được bảo vệ.

1 Chọn ảnh.

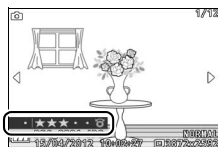
Hiển thị hình ảnh trong phát lại khuôn hình đầy hoặc làm nổi bật nó trong danh sách hình thu nhỏ.

2 Nhấn **F**.

Nhấn **F** và xoay chọn đa bộ chọn để chọn đánh giá từ không đến năm sao, hoặc chọn 🗑️ để đánh dấu ảnh để xóa sau. Đánh giá được lưu trữ khi bạn nhấn **OK** hoặc hiển thị một hình ảnh khác.

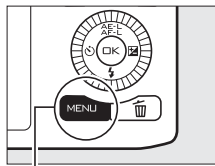


Nút **F**



Trình Chiếu Slide

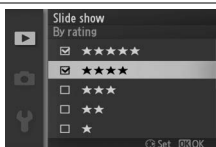
Để xem một trình chiếu slide các hình ảnh trên thẻ nhớ, nhấn nút MENU, chọn **Slide show (Trình chiếu Slide)** trong menu phát lại, và làm theo các bước bên dưới.



Nút MENU

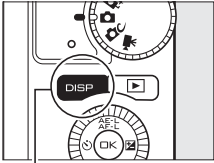
1 Chọn loại ảnh được sử dụng trong trình chiếu.

Làm nổi bật tùy chọn ưa thích và nhấn **OK**.

All images (Tất cả ảnh)	Hiển thị tất cả các ảnh trên thẻ nhớ.
Still images (Ảnh tĩnh)	Chỉ hiển thị ảnh tĩnh. Ảnh được chụp bằng cách sử dụng Easy panorama (Toàn cảnh dễ dàng) sẽ được hiển thị trong chế độ toàn cảnh (34).
Movies (Phim)	Chỉ hiển thị phim.
Motion Snapshot (Chụp nhanh Chuyển động)	Chỉ hiển thị phần phim của Chụp Nhanh Chuyển Động. Các bức ảnh có liên quan không được hiển thị.
Select images by date (Chọn ảnh theo ngày)	Chỉ hiển thị hình ảnh được ghi vào ngày được chọn. Lịch sẽ được hiển thị; sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật ngày. 
Selected scene (Cảnh được chọn)	Chỉ hiển thị hình ảnh thuộc một cảnh cụ thể. Chọn từ Auto (Tự động) , Portrait (Chân dung) , Landscape (Phong cảnh) , Night landscape (Cảnh đêm) , Night portrait (Chân dung đêm) , Backlighting (Ngược sáng) , Close up (Cận cảnh) , Easy panorama (Toàn cảnh dễ dàng) , Soft (Mềm) , Miniature effect (Hiệu ứng cỡ tí hon) , và Selective color (Màu lựa chọn) . 
By rating (Theo đánh giá)	Chỉ hiển thị hình ảnh với một đánh giá hoặc các đánh giá được chọn. Hộp thoại lựa chọn đánh giá sẽ được hiển thị; sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật đánh giá và nhấn ► để lựa chọn hoặc bỏ lựa chọn. 
Face priority (Ưu tiên khuôn mặt)	Chỉ hiển thị hình ảnh mà máy ảnh đã phát hiện một khuôn mặt (24).

2 Điều chỉnh số lần hiển thị và chọn bản nhạc nền.

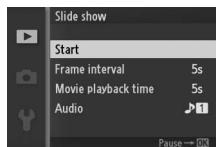
Điều chỉnh các tùy chọn sau đây:

Frame interval (Quãng khuôn hình)	Chọn khoảng thời gian mỗi hình ảnh tĩnh được hiển thị.
Movie playback time (Thời gian phát lại phim)	Chọn thời gian mỗi phim được phát lại trước slide tiếp theo được hiển thị. Chọn Same as frame interval (Giống như quãng khuôn hình) để hiển thị slide tiếp theo sau thời gian được lựa chọn Frame interval (Quãng khuôn hình), No limit (Không giới hạn) để phát lại phim toàn bộ phim trước khi phát lại slide tiếp theo.
Audio (Âm thanh)	Tắt âm thanh phát lại hoặc chọn nhạc nền trình chiếu (để phát nhạc nền được làm nổi bật trước khi chọn, nhấn nút DISP và sử dụng  điều khiển để điều chỉnh âm lượng). Chọn Movie sound tracks (Âm thanh phim) để chỉ phát âm thanh được ghi lại với phim; trong trường hợp này, không có âm thanh nào được phát cho hình ảnh tĩnh hoặc Chụp Nhanh Chuyển Động.  Nút DISP



3 Chọn **Start** (Bắt đầu).

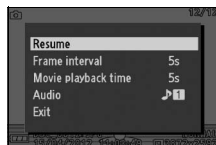
Làm nổi bật **Start** (Bắt đầu) và nhấn nút  để bắt đầu hiển thị slide.



Có thể thực hiện các hoạt động sau đây trong khi đang chiếu slide:

Để	Sử dụng	Mô tả
Quay lại/ về trước		Nhấn ◀ để trở lại khuôn hình trước, ▶ để nhảy tới khuôn hình tiếp theo.
Tạm dừng/ tiếp tục		Tạm dừng trình chiếu. Nhấn lần nữa để khôi phục lại.
Chỉnh âm lượng		Nhấn lên để tăng âm lượng, xuống để giảm âm lượng.
Thoát sang chế độ phát lại		Kết thúc hiển thị và trở lại chế độ phát lại.

Tùy chọn hiển thị bên phải sẽ được hiển thị khi trình chiếu kết thúc. Chọn **Resume** (Khôi phục lại) để khởi động lại hoặc **Exit** (Thoát) để thoát sang menu phát lại.



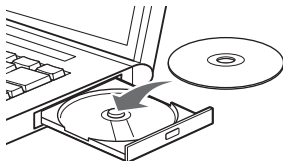


Kết nối

Cài Đặt Phần Mềm Kèm Theo Máy

Cài đặt phần mềm kèm theo máy để sao chép hình ảnh vào máy tính của bạn để xem và chỉnh sửa hình ảnh và tạo phim ngắn. Trước khi cài đặt phần mềm, xác nhận rằng hệ thống của bạn đáp ứng các yêu cầu ở trang 81.

1 Khởi động máy tính và đưa CD trình cài đặt ViewNX 2/Short Movie Creator.



Windows

Mac OS



Nikon Software

Kích đúp vào biểu tượng trên màn hình



Welcome

Kích đúp vào biểu tượng **Welcome** (Chào mừng)

2 Chọn ngôn ngữ.

Nếu ngôn ngữ mong muốn không có sẵn, nhấp vào **Region Selection (Chọn khu vực)** để chọn khu vực khác nhau và sau đó chọn ngôn ngữ mong muốn (lựa chọn khu vực không có sẵn trong phiên bản châu Âu).

① Chọn khu vực (nếu yêu cầu)



Welcome to the world of Nikon digital photography.
Please select your language from the drop-down list.

English

Region Selection

Next

Exit

② Chọn ngôn ngữ

③ Nhấp vào **Next (Tiếp theo)**



3 Khởi động trình cài đặt.

Nhấp vào **Install (Cài đặt)** và làm theo các hướng dẫn trên màn hình.



4 Thoát trình cài đặt.

Nhấp vào **Yes (Có)** (Windows) hoặc **OK** (Mac OS) khi cài đặt hoàn tất.



Nhấp vào **Yes (Có)**



Nhấp vào **OK**

Phần mềm sau được cài đặt:

- ViewNX 2
- Short Movie Creator
- Apple QuickTime (chỉ dành cho Windows)

5 Lấy đĩa CD trình cài đặt khỏi ổ đĩa CD-ROM.



Yêu Cầu Hệ Thống

Các yêu cầu hệ thống cho ViewNX 2:

Windows	
CPU	• Ảnh/Phim JPEG: Intel Celeron, Pentium 4, hoặc dòng Core, 1,6 GHz hoặc cao hơn • Phim H.264 (phát lại): 3,0 GHz hoặc cao hơn Pentium D • Phim H.264 (chỉnh sửa): 2,6 GHz hoặc cao hơn Core 2 Duo
OS	Phiên bản cài trước của Windows 7 Home Basic/Home Premium/Professional/Enterprise/Ultimate (bản 64 và 32 bit; Gói Dịch Vụ 1), Windows Vista Home Basic/Home Premium/Business/Enterprise/Ultimate (bản 64 và 32 bit; Gói Dịch Vụ 2), hoặc Windows XP Home Edition/Professional (chỉ bản 32 bit; Gói Dịch Vụ 3).
RAM	• Windows 7/Windows Vista: 1 GB hoặc cao hơn (nên 2 GB hoặc cao hơn) • Windows XP: 512 MB hoặc cao hơn (nên 2 GB hoặc cao hơn)
Không gian đĩa cứng	Tối thiểu 500 MB trên đĩa khởi động (nên 1 GB hoặc nhiều hơn)
Màn hình	• Độ phân giải: 1024 × 768 điểm ảnh (XGA) hoặc cao hơn (1280 × 1024 điểm ảnh (SXGA) hoặc cao hơn) • Màu: màu 24 bit (True Color) hoặc cao hơn

Mac OS	
CPU	• Ảnh/Phim JPEG: Dòng Intel Core hoặc Xeon • Phim H.264 (phát lại): Core Duo 2 GHz hoặc cao hơn • Phim H.264 (chỉnh sửa): 2,6 GHz hoặc cao hơn Core 2 Duo
OS	Mac OS X phiên bản 10.6.8 hoặc 10.7.3
RAM	512 MB hoặc cao hơn (nên 2 GB hoặc cao hơn)
Không gian đĩa cứng	Tối thiểu 500 MB trên đĩa khởi động (nên 1 GB hoặc nhiều hơn)
Màn hình	• Độ phân giải: 1024 × 768 điểm ảnh (XGA) hoặc cao hơn (1280 × 1024 điểm ảnh (SXGA) hoặc cao hơn) • Màu: Màu 24 bit (hàng triệu màu) hoặc cao hơn

Chụp Nhanh Chuyển Động

Yêu cầu có ViewNX 2 để xem Chụp Nhanh Chuyển Động trên máy tính.



Các yêu cầu hệ thống cho Short Movie Creator là:

Windows	
CPU	2 GHz intel Core 2 Duo hoặc cao hơn
OS	Các phiên bản Windows 7 Home Basic/Home Premium/Professional/Enterprise/Ultimate (Gói Dịch Vụ 1), Windows Vista Home Basic/Home Premium/Business/Enterprise/Ultimate (Gói Dịch Vụ 2), hoặc Windows XP Home Edition/Professional (Gói Dịch Vụ 3). Tất cả các chương trình được cài đặt có thể chạy ở dạng các ứng dụng 32 bit trên nền các phiên bản 64 bit của hệ điều hành Windows 7 và Windows Vista.
RAM	1,5 GB hoặc cao hơn với ít nhất 128 MB RAM video (2 GB hoặc cao hơn với ít nhất 256 MB RAM video để tạo phim HD)
Không gian đĩa cứng	Tối thiểu 500 MB trên đĩa khởi động (1 GB hoặc cao hơn)
Màn hình	• Độ phân giải: 1024 × 768 điểm ảnh (XGA) hoặc cao hơn • Màu: màu 32 bit (True Color) hoặc cao hơn
Khác	DirectX 9 hoặc mới hơn và OpenGL 1,4 hoặc mới hơn

Mac OS	
CPU	2 GHz intel Core 2 Duo hoặc cao hơn
OS	Mac OS X phiên bản 10.6.8 hoặc 10.7.3
RAM	1 GB hoặc nhiều hơn
Không gian đĩa cứng	Tối thiểu 500 MB trên đĩa khởi động (1 GB hoặc cao hơn)
Màn hình	• Độ phân giải: 1024 × 768 điểm ảnh (XGA) hoặc cao hơn • Màu: Màu 24 bit (triệu màu) hoặc cao hơn



Nếu hệ thống của bạn không đáp ứng các yêu cầu trên, chỉ có ViewNX 2 được cài đặt (81).

Hệ Điều Hành Được Hỗ Trợ

Truy cập các trang web được nêu ở trang xvii để có thông tin mới nhất đối với các hệ điều hành được hỗ trợ.

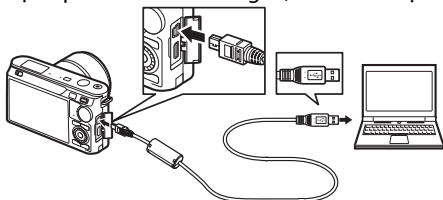
Xem và Chỉnh Sửa Ảnh trên Máy Tính

Đang Chuyển Hình Ảnh

1 Chọn cách thức hình ảnh sẽ được sao chép vào máy tính.

Chọn một trong những phương pháp sau:

- **Kết nối USB trực tiếp:** Tắt máy ảnh và đảm bảo rằng thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh. Kết nối máy ảnh với máy tính bằng cách sử dụng cáp USB được cung cấp (không sử dụng lực mạnh hoặc lắp các đầu nối theo góc) và sau đó bật máy ảnh.



- **Khe thẻ SD:** Nếu máy tính của bạn được trang bị khe thẻ SD, có thể lắp thẻ trực tiếp vào khe.
- **Bộ đọc thẻ SD:** Kết nối bộ đọc thẻ (mua riêng từ nhà cung cấp thứ ba) vào máy tính và lắp thẻ nhớ.

2 Bắt đầu Nikon Transfer 2.

Nếu thông báo nhắc bạn chọn chương trình được hiển thị, chọn Nikon Transfer 2.

Windows 7

Nếu hội thoại sau đây được hiển thị, chọn Nikon Transfer 2 như được mô tả bên dưới.

- 1 Dưới **Import pictures and videos (Nhập hình ảnh và video)**, nhấp vào **Change program (Thay đổi chương trình)**. Một hội thoại lựa chọn chương trình sẽ được hiển thị; chọn **Import File using Nikon Transfer 2 (Nhập tập tin bằng cách sử dụng Nikon Transfer 2)** và nhấp vào **OK**.



- 2 Nhấp đúp vào **Import file (Nhập tập tin)**.



3 Nhấp vào **Start Transfer (Bắt Đầu Truyền)**.

Ở cài đặt mặc định, tất cả các hình ảnh trên thẻ nhớ sẽ được sao chép vào máy tính.



Nhấp vào **Start Transfer (Bắt Đầu Truyền)**

4 Chấm dứt kết nối.

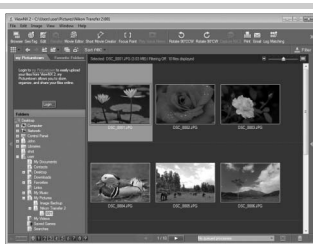
Nếu máy ảnh được kết nối với máy ảnh, tắt máy ảnh và ngắt kết nối cáp USB. Nếu bạn đang sử dụng đầu đọc thẻ hoặc khe thẻ, chọn tùy chọn thích hợp trong hệ điều hành máy tính để đẩy ổ đĩa di động tương ứng với thẻ nhớ và sau đó tháo các thẻ khỏi bộ đọc thẻ hoặc khe cắm thẻ nhớ.

Xem Ảnh

Hình ảnh được hiển thị trong ViewNX 2 khi chuyển xong.

Khởi Chạy ViewNX 2 Bằng Tay

- **Windows:** Nhấp đúp lối tắt ViewNX 2 trên màn hình.
- **Mac OS:** Nhấp vào biểu tượng ViewNX 2 trong Dock.



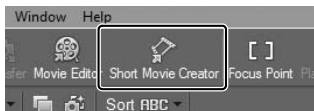
■ Sửa Lại Ảnh

Để xen ảnh và thực hiện các thao tác như điều chỉnh độ sắc nét và mức tông màu, nhấp vào nút **Edit (Chỉnh sửa)** ở thanh công cụ.



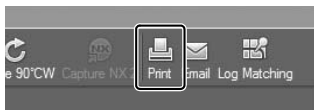
■ Tạo Phim Ngắn

Sử dụng Short Movie Creator để tạo phim ngắn có kết hợp các chế độ âm nhạc, Chụp Nhanh Chuyển Động, đoạn phim và hình ảnh, bao gồm cả những ảnh được chụp ảnh tự động và sáng tạo, và Chọn Ảnh Thông Minh (📖 86).



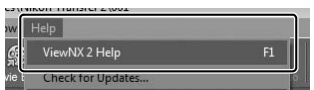
■ In Ảnh

Nhấp vào nút **Print (In)** trong thanh công cụ. Một hộp thoại sẽ được hiển thị, cho phép bạn in ảnh trên máy in kết nối với máy tính.



■ Để Biết Thêm Thông Tin

Tham khảo trợ giúp trực tuyến để biết thêm thông tin về việc sử dụng ViewNX 2.



Tạo Phim Ngắn

Sử dụng phần mềm Short Movie Creator được cung cấp để tạo ra phim kết hợp các bức ảnh với Chụp Nhanh Chuyển Động, phim ảnh, và âm nhạc.

1 Chuyển hình ảnh.

Chuyển hình ảnh như được mô tả trên trang 83.

2 Chọn thành phần.

Chọn hình ảnh trong ViewNX 2.

3 Bắt đầu Short Movie Creator.

Nhấp vào nút **Short Movie Creator** trong ViewNX 2.



Hình ảnh được chọn trong Bước 2 sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển “Thành phần” Short Movie Creator; nếu muốn, có thể kéo thêm ảnh vào bảng điều khiển “Thành phần” từ ViewNX 2 và sắp xếp lại bằng cách sử dụng kéo và thả. Trong trường hợp ảnh được chụp bằng Chế độ chọn ảnh thông minh, chỉ ảnh tốt nhất mới được hiển thị. Các thành phần hình ảnh và phim của Chụp Nhanh Chuyển Động xuất hiện ở dạng các tập tin riêng biệt.

Bảng điều khiển “Thành phần”



4 Chọn phong cách và bài hát nền.

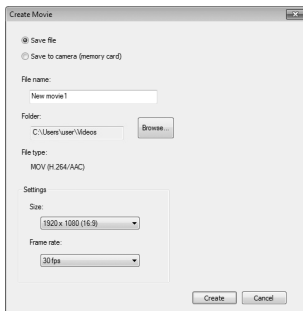
Chọn phong cách trong bảng điều khiển “Styles” (Phong cách) và bài hát nền trong bảng điều khiển “Music” (Âm nhạc). Để xem trước phim, nhấp vào .

5 Lưu phim.

Nhấp vào **Create Movie (Tạo phim)**. Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị; chọn một các tùy chọn sau đây và nhấp vào **Create (Tạo)**.

- **Save file (Lưu tập tin):** Lưu phim vào thư mục trên máy tính.
- **Save to Camera (memory card) (Lưu vào máy ảnh (thẻ nhớ)):**

Lưu phim vào thẻ nhớ để sau này có thể được phát lại trên máy ảnh. Để sử dụng tùy chọn này, đầu tiên bạn cần lắp thẻ nhớ đã được định dạng vào trong máy ảnh (□ 157) vào bộ đọc thẻ hoặc khe thẻ.



Bắt đầu Short Movie Creator

Nếu ViewNX 2 không chạy, bạn có thể khởi động Short Movie Creator bằng cách nhấp đúp vào biểu tượng **Short Movie Creator** trên màn hình (Windows) hoặc nhấp vào biểu tượng **Short Movie Creator** trong Dock (Mac OS).

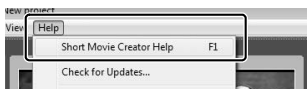


Xem Phim Ngắn trên Các Thiết Bị Khác

Phim được lưu vào thẻ nhớ bằng cách sử dụng tùy chọn **Save to Camera (memory card) (Lưu vào máy ảnh (thẻ nhớ))** trong Short Movie Creator có thể được xem trên máy ảnh, hoặc được hiển thị trên màn hình TV khi máy ảnh được kết nối với TV (□ 88). Phim được tạo trong các ứng dụng khác hoặc bằng cách sử dụng tùy chọn **Save file (Lưu tập tin)** trong Short Movie Creator không thể được xem lại trên máy ảnh.

Để Biết Thêm Thông Tin

Tham khảo trợ giúp trực tuyến để biết thêm thông tin về việc sử dụng Short Movie Creator.



Xem Ảnh trên TV

Kết nối máy ảnh với TV để phát lại.

Kết nối cáp HDMI

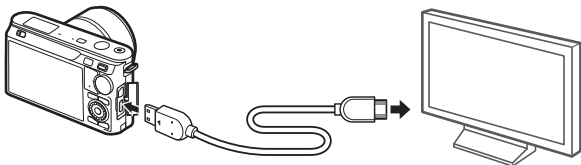
Luôn tắt máy ảnh trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI. Khi kết nối cáp, không sử dụng lực hoặc cố gắng lắp các đầu nối ở góc nghiêng.

Thiết Bị Độ Nét Cao

Cáp mini Kết Nối Đa Phương tiện Độ Nét Cao (HDMI) loại C (do các nhà cung cấp bên thứ ba bán riêng) có thể được dùng để kết nối máy ảnh tới các thiết bị có độ nét cao.

1 Kết nối cáp HDMI.

Tắt máy ảnh và kết nối cáp HDMI.



Kết nối với máy ảnh

Kết nối đến thiết bị HD
(chọn cáp có đầu nối
cáp phù hợp)

2 Chỉnh thiết bị về kênh HDMI.

3 Bật máy ảnh.

Bật máy ảnh; màn hình máy ảnh sẽ vẫn tắt và màn hình hiển thị chế độ chụp của máy ảnh sẽ hiển thị trên thiết bị HD. Ảnh có thể được phát lại bằng cách sử dụng điều khiển máy ảnh như được mô tả ở những nơi khác trong tài liệu hướng dẫn này; lưu ý rằng có thể không xem được các cạnh của hình ảnh trong màn hình hiển thị.



Đóng Nắp Đầu Nối

Đóng nắp đầu nối khi các đầu nối không sử dụng. Bụi bẩn ở các đầu nối có thể ảnh hưởng đến việc truyền dữ liệu.

Phát Lại Trên TV

Có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách sử dụng các điều khiển trên TV; điều chỉnh âm lượng trên máy ảnh không có tác dụng. Nên sử dụng bộ đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5C (bán riêng) khi phát lại lâu dài.

■ Điều Khiển Thiết Bị HDMI

Để điều khiển máy ảnh từ xa từ thiết bị hỗ trợ HDMI-CEC (High-Definition Multimedia Interface–Consumer Electronics Control), chọn **On (Bật)** cho **HDMI device control (Điều khiển thiết bị HDMI)** trong menu cài đặt máy ảnh. Thiết bị HDMI-CEC sẽ hiển thị hướng dẫn điều khiển từ xa và điều khiển từ xa có thể được sử dụng ở vị trí các điều khiển máy ảnh sau đây:

Máy ảnh	Điều khiển từ xa
▲, ▼, ◀, ▶	Nút lên, xuống, trái, và phải
	Nút trung tâm
	Nút màu xanh
MENU	Nút màu đỏ
Menu trình chiếu Slide (📖 75)	Nút màu xanh lá cây

Có thể ẩn hoặc hiển thị hướng dẫn điều khiển từ xa bất cứ lúc nào bằng cách nhấn nút màu vàng trên điều khiển từ xa. Xem tài liệu hướng dẫn sử dụng TV để có thông tin chi tiết.



In ảnh

Các ảnh JPEG được chọn có thể được in trên máy in PictBridge được kết nối trực tiếp với máy ảnh.

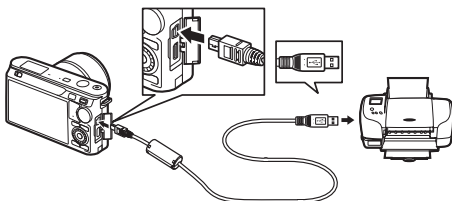
Kết Nối tới Máy In

Kết nối máy ảnh bằng cách sử dụng cáp USB đi kèm.

1 Tắt máy ảnh.

2 Kết nối cáp USB.

Bật máy in lên và kết nối cáp USB như minh họa. Không sử dụng lực hoặc cố gắng lắp các đầu nối ở góc nghiêng.

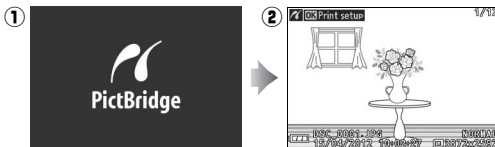


Cục Chia USB

Kết nối máy ảnh trực tiếp vào máy in; không kết nối cáp qua cục chia USB.

3 Bật máy ảnh.

Một màn hình khởi động máy sẽ hiện lên, theo sau là hiển thị phát lại PictBridge.

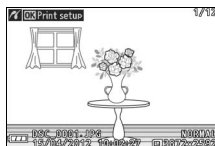


In Qua Kết Nối USB Trực Tiếp

Hãy chắc chắn rằng pin EN-EL20 đã được sạc đầy hoặc sử dụng bộ đổi điện AC EH-5b tùy chọn và đầu nối nguồn EP-5C.

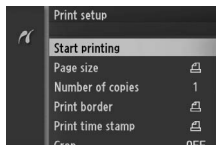
1 Chọn ảnh.

Nhấn ◀ hoặc ▶ để xem thêm ảnh.
Nhấn  lên để phóng to trên khuôn hình hiện tại (📖 72; nhấn  xuống để thoát thu phóng). Để xem chín hình ảnh tại một thời điểm, nhấn  xuống khi ảnh được hiển thị toàn màn hình. Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật ảnh, hoặc nhấn  lên để hiển thị ảnh được làm nổi bật toàn khuôn hình.



2 Tùy chọn điều chỉnh in.

Nhấn  để hiển thị tùy chọn in PictBridge (📖 95). Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật tùy chọn và nhấn ▶ để lựa chọn.



3 Bắt đầu in.

Làm nổi bật **Start printing (Bắt đầu in)** và nhấn  để bắt đầu in. Để hủy trước khi tắt cả các bản sao được in, nhấn  lại.



☒ Chọn Ảnh Để In

Không thể chọn để in phim và ảnh NEF (RAW) (📖 118). Nếu Chụp Nhanh Chuyển Động được chọn, chỉ có các ảnh được in; phần phim sẽ không được in. Nếu các ảnh được chụp với Chế độ chọn ảnh thông minh được chọn, chỉ có những ảnh tốt nhất được in.

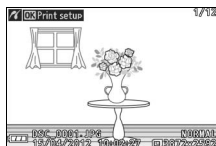
☒ Ảnh toàn cảnh

Một số máy in không thể in ảnh toàn cảnh, trong khi ở một số cài đặt các máy in khác không thể in toàn bộ ảnh toàn cảnh. Xem sổ tay hướng dẫn máy in để biết chi tiết.



1 Hiển thị menu PictBridge.

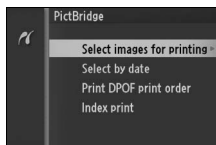
Nhấn nút MENU trong màn hình hiển thị phát lại PictBridge (xem Bước 3 trên trang 90).



2 Chọn một tùy chọn.

Làm nổi bật một trong những tùy chọn sau và nhấn ►.

- **Select images for printing (Chọn hình ảnh để in):** Chọn các ảnh để in.
- **Select by date (Chọn theo ngày):** In một bản sao của mỗi ảnh được chụp vào những ngày được lựa chọn.
- **Print DPOF print order (In thứ tự in DPOF):** In theo thứ tự in đã tạo bằng tùy chọn **DPOF print order (Thứ tự in DPOF)** trên menu phát lại (📖 96). Trình tự in hiện tại sẽ được hiển thị trong Bước 3.
- **Index print (Bản in danh mục):** Để tạo bản in danh mục của tất cả các ảnh JPEG trên thẻ nhớ, sang Bước 4. Lưu ý rằng nếu thẻ nhớ chứa hơn 256 ảnh, một cảnh báo sẽ được hiển thị và chỉ có 256 hình ảnh đầu tiên sẽ được in.



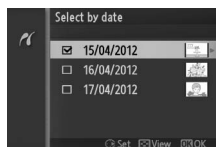
3 Chọn ảnh hoặc chọn ngày.

Nếu bạn chọn **Select images for printing (Chọn hình ảnh để in)** hoặc **Print DPOF print order (In thứ tự in DPOF)** trong **Bước 2**, nhấn ◀ hoặc ▶

hoặc xoay đa bộ chọn để làm nổi bật hình ảnh. Để chọn hình ảnh hiện tại để in, nhấn ▲. Hình ảnh sẽ được đánh dấu với biểu tượng 1 và số bản in sẽ được cài đặt sang 1; nhấn ▲ hoặc ▼ để chỉ định số bản in (lên đến 99; để bỏ chọn hình ảnh, nhấn ▼ khi số bản in là 1). Tiếp tục cho đến khi tất cả các ảnh mong muốn được chọn.



Nếu bạn chọn **Select by date (Chọn theo ngày)** trong **Bước 2**, nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật ngày và nhấn ▶ để lựa chọn hoặc bỏ lựa chọn.



Kiểm Tra Hình Ảnh

Để xem các hình ảnh được chụp vào ngày được làm nổi bật trong danh sách ngày **Select by date (Chọn theo ngày)**, nhấn ⏏ xuống. Sử dụng bộ đa chọn để làm nổi bật hình ảnh, hoặc nhấn ⏏ xuống để quay trở lại danh sách ngày.

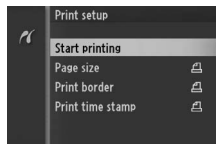


Những hình ảnh được làm nổi bật trong màn hình hiển thị **Select images for printing (Chọn hình ảnh để in)** hoặc trong **Print DPOF print order (In thứ tự in DPOF)** hoặc trong màn hình hiển thị hình thu nhỏ **Select by date (Chọn theo ngày)** có thể được kiểm tra bằng cách nhấn ⏏ lên; hình ảnh sẽ được hiển thị toàn màn hình trong khi điều khiển được nhấn.



4 Tùy chọn điều chỉnh in.

Nhấn  để hiển thị các tùy chọn in PictBridge. Nhấn  hoặc  để làm nổi bật các mục cỡ trang, viền, hoặc dấu thời gian và nhấn  để hiển thị các tùy chọn được mô tả trên trang 95; lưu ý rằng một cảnh báo sẽ được hiển thị nếu cỡ trang được lựa chọn quá nhỏ đối với bản in danh mục.



5 Bắt đầu in.

Làm nổi bật **Start printing (Bắt đầu in)** và nhấn  để bắt đầu in. Để hủy trước khi tất cả các bản sao được in, nhấn  lại.

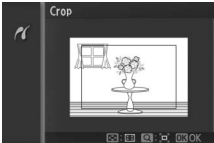


Lỗi

Xem trang 186 để có thêm thông tin về việc cần phải làm gì khi lỗi xuất hiện trong quá trình in.



Tùy Chọn In PictBridge

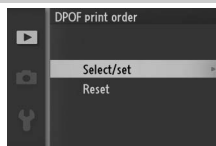
Page size (Kích thước trang)	Làm nổi bật kích cỡ trang (chỉ các kích cỡ được máy in hiện tại hỗ trợ mới được liệt kê) và nhấn  để chọn và thoát menu trước đó (để in ở kích cỡ trang mặc định cho máy in hiện tại, chọn Use printer settings (Sử dụng thiết lập máy in)).
Number of copies (Số lượng các bản sao)	Tùy chọn này chỉ được liệt kê khi một ảnh được in một. Nhấn nút ▲ hoặc ▼ để chọn số lượng bản sao (tối đa 99 bản), sau đó nhấn nút  để lựa chọn và trở về menu trước.
Print border (Viền in)	Tùy chọn này chỉ được liệt kê nếu được máy in hỗ trợ. Làm nổi bật Use printer settings (Sử dụng thiết lập máy in) (sử dụng thiết lập máy in hiện tại), Yes (Có) (in viền trắng), hoặc No (Không) (không viền) và nhấn  để chọn và thoát sang menu trước đó.
Print time stamp (In dấu thời gian)	Làm nổi bật Use printer settings (Sử dụng thiết lập máy in) (sử dụng thiết lập máy in hiện tại), Yes (Có) (thời gian và ngày ghi trên ảnh), hoặc No (Không) (không có dấu thời gian) và nhấn  để lựa chọn và thoát sang menu trước đó.
Crop (Xén)	Tùy chọn này chỉ được liệt kê khi hình ảnh được in một ảnh một trên máy in có hỗ trợ xén. Để thoát mà không xén ảnh, làm nổi bật No (Không) và nhấn . Để xén hình ảnh hiện tại, làm nổi bật Yes (Có) và nhấn ►. Việc lựa chọn Yes (Có) sẽ hiển thị hộp thoại như ở bên phải. Nhấn  lên để tăng cỡ xén, xuống để giảm cỡ xén. Chọn vị trí xén ảnh bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn nút . Lưu ý rằng chất lượng in có thể giảm nếu các ảnh cắt quá nhỏ được in với kích thước lớn. 



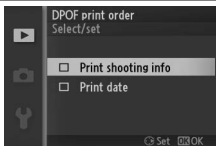
Tạo Thứ Tự In DPOF: Cài Đặt In

Tùy chọn **DPOF print order (Thứ tự in DPOF)** được sử dụng để tạo “thứ tự in” kỹ thuật số cho các máy in tương thích với PictBridge và các thiết bị hỗ trợ DPOF.

Nhấn nút MENU, chọn **DPOF print order (Thứ tự in DPOF)** trong menu phát lại, và chọn từ các tùy chọn sau đây:



Select/ set (Chọn/ đặt)	Nhấn ◀ hoặc ▶ hoặc xoay đa bộ chọn để làm nổi bật hình ảnh (□ 99). Để chọn hình ảnh hiện tại để in, nhấn ▲. Hình ảnh sẽ được đánh dấu với biểu tượng và số bản in sẽ được cài đặt sang 1; nhấn ▲ hoặc ▼ để chỉ định số bản in (lên đến 99; để bỏ chọn hình ảnh, nhấn ▼ khi số bản in là 1). Khi lựa chọn hoàn tất, nhấn để hiển thị các tùy chọn in. Làm nổi bật Print shooting info (In thông tin chụp) (in tốc độ cửa trập và độ mở ống kính trên tất cả các hình ảnh theo thứ tự in) hoặc Print date (In ngày) (in ngày chụp trên tất cả các hình ảnh theo thứ tự in) và nhấn ▶ để chọn hoặc bỏ chọn, và sau đó nhấn để hoàn thành thứ tự in.
Reset (Đặt lại)	Loại bỏ tất cả các ảnh khỏi thứ tự in.



Thứ Tự In DPOF

Các tùy chọn thông tin chụp và ngày DPOF không được hỗ trợ khi in qua kết nối USB trực tiếp; để in ngày chụp lên ảnh theo thứ tự in hiện thời, sử dụng tùy chọn PictBridge **Print time stamp (In dấu thời gian)** (□ 95).

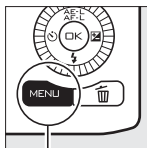
Tùy chọn **DPOF print order (Thứ tự in DPOF)** không thể được sử dụng nếu không đủ dung lượng trống trên thẻ nhớ để chứa thứ tự in. Đối với các hạn chế về loại hình ảnh có thể được lựa chọn để in, xem trang 91.

Thứ tự in có thể không in chính xác nếu ảnh bị xóa đi thông qua sử dụng máy tính hoặc thiết bị khác sau khi thứ tự in được tạo.

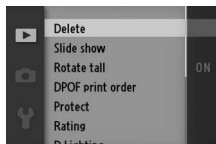


Menu Phát Lại

Để hiển thị menu phát lại, nhấn MENU và chọn tab menu phát lại (▶).



Nút MENU



Menu phát lại chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả	Mặc định	
Delete (Xóa)	Xóa nhiều ảnh.	—	73
Slide show (Trình chiếu slide)	Xem phim và ảnh trong trình chiếu slide.	Image type (Kiểu ảnh): All images (Tất cả ảnh) Selected scene (Cảnh được chọn): Auto (Tự động) Frame interval (Quãng khuôn hình): 5 s (5 giây) Movie playback time (Thời gian phát lại phim): Same as frame interval (Tương tự như quãng khuôn hình) Audio (Âm thanh): Background track 1 (Bài hát nền 1)	75
Rotate tall (Xoay dọc)	Xoay “dọc” (hướng chân dung) hình ảnh để hiển thị trong khi phát lại.	On (Bật)	100
DPOF print order (Thứ tự in DPOF)	Tạo “thứ tự in” kỹ thuật số.	—	96
Protect (Bảo vệ)	Bảo vệ ảnh khỏi bị xóa tình cờ.	—	100
Rating (Đánh giá)	Đánh giá ảnh.	—	100



Tùy chọn	Mô tả	Mặc định	
D-Lighting	Làm sáng bóng trong hình ảnh tối hoặc ảnh ngược sáng, tạo bản sao chỉnh sửa được lưu riêng biệt với ảnh chưa chỉnh sửa.	—	101
Resize (Thay đổi kích cỡ)	Tạo bản sao nhỏ của ảnh được chọn.	Choose size (Chọn kích cỡ): 1,1 M	102
Crop (Xén)	Tạo bản sao được xén của ảnh chọn.	—	103
Edit movie (Chỉnh sửa phim)	Tạo bản sao của phim có cảnh không mong muốn đã được cắt.	—	104

Phát lại

Máy ảnh có thể không thể hiển thị hoặc sửa lại hình ảnh đã được tạo hoặc đã được chỉnh sửa với các thiết bị khác.

Chất Lượng Hình Ảnh

Bản sao tạo ra từ các bức ảnh JPEG có chất lượng giống như bản gốc, trong khi bản sao được tạo ra từ các ảnh NEF (RAW) được lưu dưới dạng hình ảnh JPEG chất lượng tốt.



Chọn Nhiều Ảnh

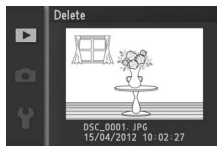
Chọn các tùy chọn được liệt kê dưới đây sẽ hiển thị một hộp thoại lựa chọn hình ảnh. Nhấn ◀ hoặc ▶ hoặc xoay đa bộ chọn để làm nổi bật hình ảnh (chỉ những ảnh áp dụng thao tác mới có sẵn để lựa chọn).



- **Delete (Xóa) > Delete selected images (Xóa ảnh được chọn)** (📖 73)
- **DPOF print order (Thứ tự in DPOF) > Select/set (Chọn/đặt)** (📖 96)
- **Protect (Bảo vệ) > Select/set (Chọn/đặt)** (📖 100)
- **D-Lighting** (📖 101)
- **Rating (Đánh giá)** (📖 100)
- **Resize (Thay đổi kích cỡ) > Select images (Chọn hình ảnh)** (📖 102)
- **Crop (Xén)** (📖 103)
- **Edit movie (Chỉnh sửa phim)** (📖 104)

Kiểm Tra Hình Ảnh

Hình ảnh hiện tại được làm nổi bật trong hiển thị hình thu nhỏ có thể được kiểm tra bằng cách nhấn  lên; hình ảnh được hiển thị toàn màn hình trong khi điều khiển được nhấn.



Rotate Tall (Xoay Dọc)

Chọn để xoay ảnh “dọc” (hướng chân dung) cho hiển thị trong khi phát lại. Lưu ý rằng vì bản thân máy ảnh đã ở trong hướng phù hợp trong suốt quá trình chụp, hình ảnh sẽ không xoay tự động trong quá trình xem lại hình ảnh.

On (Bật)	Hình ảnh “Dọc” (hướng chân dung) tự động xoay để hiển thị trong màn hình máy ảnh. Ảnh được chụp với Off (Tắt) được chọn cho Auto image rotation (Xoay ảnh tự động) (📖 163) sẽ được hiển thị ở hướng “ngang” (phong cảnh).
Off (Tắt)	Ảnh “Dọc” (hướng chân dung) được hiển thị ở hướng “ngang” (phong cảnh).

Protect (Bảo Vệ)

Bảo vệ ảnh được chọn khỏi bị xóa tình cờ. Lưu ý rằng tùy chọn này KHÔNG bảo vệ các tệp tin khỏi bị xóa khi thẻ nhớ được định dạng (📖 157).

Select/set (Chọn/đặt)	Nhấn ◀ hoặc ▶ hoặc xoay đa bộ chọn để làm nổi bật hình ảnh (📖 99) và nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn hoặc bỏ chọn. Nhấn ⓧ để thoát ra khi hoàn tất thao tác.
Reset (Đặt lại)	Hủy bỏ bảo vệ khỏi tất cả các ảnh.

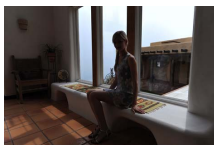
Rating (Đánh Giá)

Nhấn ◀ hoặc ▶ hoặc xoay đa bộ chọn để làm nổi bật hình ảnh (📖 99) và nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn mức xếp hạng (📖 74). Nhấn ⓧ để thoát ra khi hoàn tất thao tác.



D-Lighting

Áp dụng cho hình ảnh được chọn, D-Lighting tạo ra các bản sao đã được xử lý để làm sáng bóng. Sử dụng để sửa lại hình ảnh tối hoặc ảnh ngược sáng. D-Lighting không có sẵn với ảnh toàn cảnh.

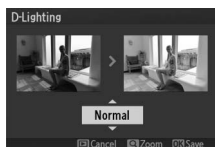


Trước



Sau

Nhấn ◀ hoặc ▶ hoặc xoay đa bộ chọn để làm nổi bật một ảnh (📖 99) và nhấn  để hiển thị các tùy chọn hiển thị ở bên phải. Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn mức độ sửa chữa đã thực hiện (có thể xem trước các hiệu ứng trong màn hình hiển thị; giữ  lên để phóng to) và nhấn  để tạo bản sao đã sửa lại.



D-Lighting

Nhiều (các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) có thể xuất hiện trong các bức ảnh chụp với **D-Lighting**. Một số đối tượng có thể có độ bóng không đồng đều.

Cỡ Hình Ảnh

Bản sao tạo ra từ các bức ảnh JPEG có chất lượng giống như bản gốc, trong khi bản sao được tạo ra từ các ảnh NEF (RAW) được lưu dưới dạng hình ảnh JPEG với kích cỡ 3872 × 2592.



Resize (Thay Đổi Kích Cỡ)

Tạo bản sao nhỏ của ảnh được chọn.

Chọn **Choose size (Chọn kích cỡ)** và chọn một kích cỡ từ **1,1 M**, **0,6 M**, và **0,3 M**, và sau đó chọn **Select images (Chọn hình ảnh)**. Nhấn ◀ hoặc ▶ hoặc xoay đa bộ chọn để làm nổi bật hình ảnh (99)

và nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn hoặc bỏ chọn. Khi lựa chọn hoàn tất, nhấn  để hiển thị hộp thoại xác nhận và chọn **Yes (Có)** để lưu các bản sao được thay đổi kích cỡ. Bản sao được thay đổi kích cỡ theo tỉ lệ khuôn hình của bản gốc và tùy chọn lựa chọn cho **Choose size (Chọn kích cỡ)**:



	3:2	16:9
1,1 M	1280 × 856 điểm ảnh	1280 × 720 điểm ảnh
0,6 M	960 × 640 điểm ảnh	960 × 536 điểm ảnh
0,3 M	640 × 424 điểm ảnh	640 × 360 điểm ảnh

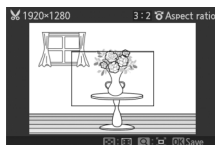
☒ Bản Sao Đã Đổi Kích Cỡ

Thu phóng phát lại có thể không dùng được với các bản sao đã thay đổi kích cỡ.



Crop (Xén)

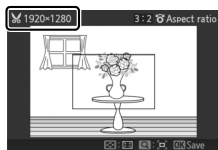
Tạo bản sao đã xén của ảnh được chọn. Nhấn ◀ hoặc ▶ hoặc xoay đa bộ chọn để làm nổi bật ảnh (📐 99) và nhấn OK để hiển thị ảnh với xén mặc định hiển thị bằng màu vàng. Sử dụng các điều khiển dưới đây để chọn xén và lưu bản sao.



Để	Sử dụng	Mô tả
Chọn kích cỡ		Nhấn lên hoặc xuống để chọn kích cỡ xén.
Chọn tỷ lệ khuôn hình		Xoay đa bộ chọn để chọn tỉ lệ khuôn hình giữa 3 : 2, 4 : 3, 1 : 1, và 16 : 9.
Định vị xén		Nhấn ▲, ▶, ▼, hoặc ◀ để định vị vị trí xén. Bấm và giữ để di chuyển nhanh phần xén đến vị trí mong muốn.
Tạo bản sao		Lưu xén hiện tại thành tập tin riêng biệt.

☒ Bản Sao Đã Xén

Thu phóng phát lại có thể không sẵn với các bản sao đã xén. Kích cỡ bản sao khác với kích cỡ xén và tỉ khuôn hình và xuất hiện ở phía trên trái phần hiển thị xén.



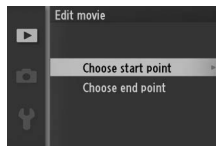
Edit Movie (Chỉnh Sửa Phim)

Xén cảnh khỏi các phim để tạo các bản sao được chỉnh sửa.

1 Chọn **Choose start point** (Chọn điểm bắt đầu) hoặc **Choose end point** (Chọn điểm kết thúc).

Chọn từ các tùy chọn sau đây:

- **Choose start point** (Chọn điểm bắt đầu): Xén cảnh đang mở.
- **Choose end point** (Chọn điểm kết thúc): Xén cảnh kết thúc.



2 Chọn phim.

Nhấn ◀ hoặc ▶ hoặc xoay đa bộ chọn để làm nổi bật phim (□ 99) và nhấn OK để lựa chọn.

3 Tạm dừng phim trên khuôn hình bắt đầu hoặc khuôn hình kết thúc.

Phát lại phim, nhấn OK để bắt đầu và tiếp tục phát lại và ▼ để tạm dừng (□ 47; khuôn hình đầu tiên được chỉ định bởi một biểu tượng ▶ trong màn hình hiển thị, và khuôn hình cuối được chỉ định bằng biểu tượng ◀). Tạm dừng phát lại khi bạn đạt đến khuôn hình sẽ trở thành khuôn hình bắt đầu hoặc kết thúc mới.

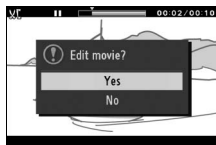


4 Xóa các khuôn hình không mong muốn.

Nhấn ▲ để xóa tất cả các khuôn hình trước khi (**Choose start point** (Chọn điểm bắt đầu)) hoặc sau khuôn hình hiện tại (**Choose end point** (Chọn điểm kết thúc)).

5 Lưu bản sao.

Làm nổi bật **Yes** (Có) và nhấn OK để lưu bản sao chỉnh sửa. Nếu cần thiết, có thể cắt bản sao như mô tả ở trên để xóa bỏ cảnh bổ sung.



✓ Xén Phim

Phim phải dài ít nhất hai giây. Nếu bản sao không thể được tạo ra tại vị trí phát lại hiện tại, vị trí hiện tại sẽ được hiển thị bằng màu đỏ ở trong Bước 4 và không có bản sao nào được tạo ra. Bản sao sẽ không được lưu nếu không có đủ không gian trống trên thẻ nhớ.

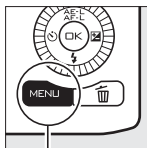
Để máy ảnh khỏi bị tắt bất ngờ, sử dụng pin sạc đầy khi chỉnh sửa phim.



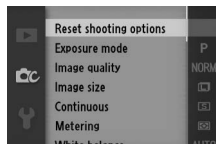


Menu Chụp

Để hiển thị menu chụp, nhấn MENU và chọn tab menu chụp (📷, 🎥, 📷, hoặc 📷).



Nút MENU



Menu chụp chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả	Mặc định	
Reset shooting options (Đặt lại tùy chọn chụp)	Đặt lại các tùy chọn chụp về giá trị mặc định.	—	109
Exposure mode (Chế độ phơi sáng)	Chọn cách máy ảnh thiết lập tốc độ cửa trập và độ mở ống kính.	Scene auto selector (Chọn cảnh tự động) (Chế độ Chụp nhanh Chuyển động)/ P Programmed auto (Tự động được lập trình) (các chế độ khác)	110
Image quality (Chất lượng hình ảnh)	Chọn một định dạng tập tin và tỉ lệ nén.	JPEG normal (JPEG bình thường)	118
Image size (Cỡ hình ảnh)	Chọn kích cỡ cho ảnh mới.	3872×2592 (ảnh tiêu chuẩn)/ Normal panorama (Toàn cảnh bình thường) (toàn cảnh)	119
Continuous (Liên tục)	Chụp một ảnh một hoặc chụp liên tiếp.	Single frame (Khuôn hình đơn)	121
Frame rate (Tốc độ khuôn hình)	Chọn tốc độ khuôn hình cho phim chuyển động chậm (☐ 45).	400 fps (400 khuôn hình trên một giây)	123
Movie settings (Cài đặt phim)	Chọn cỡ khuôn hình phim HD và tốc độ khuôn hình (☐ 41).	1080/60i	123
Metering (Đo sáng)	Chọn cách máy đo phơi sáng.	Matrix (Ma trận)	124

Tùy chọn	Mô tả	Mặc định	
White balance (Cân bằng trắng)	Điều chỉnh cài đặt cho các loại ánh sáng khác nhau.	Auto (Tự động)	126
ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)	Kiểm soát độ nhạy của máy ảnh đối với ánh sáng.	Auto (100–3200) (Tự động (100–3200))	131
Picture Control	Chọn cách máy ảnh xử lý ảnh.	Standard (Tiêu chuẩn)	132
Custom Picture Control (Picture Control Tùy Chọn)	Tạo Picture Control tùy chọn.	—	136
Color space (Không gian màu)	Chọn không gian màu cho hình ảnh mới.	sRGB	138
HDR	Tăng cường chi tiết làm nổi bật và bóng khi chụp cảnh độ tương phản cao.	On (Bật)	31
Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)	Tránh mất chi tiết trong phần tô sáng và bóng.	On (Bật)	139
Long exposure NR (Phơi sáng lâu NR)	Giảm nhiễu trong phơi sáng thời gian dài.	Off (Tắt)	140
High ISO noise reduction (Giảm nhiễu ISO cao)	Giảm nhiễu ở độ nhạy ISO cao.	On (Bật)	140
Fade in/fade out (Đưa cảnh vào dần/làm mờ dần)	Chụp phim HD với hiệu ứng đưa cảnh vào dần/làm mờ dần.	None (Không)	140
Movie sound options (Tùy chọn âm thanh phim)	Chọn tùy chọn ghi âm.	Microphone (Micro): Auto sensitivity (Độ nhạy tự động) (A) Wind noise reduction (Giảm nhiễu gió): On (Bật)	141
Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quãng thời gian)	Chụp ảnh ở khoảng thời gian trước khi lựa chọn.	00:01':00", 001	142
Vibration reduction (Chống rung)	Điều chỉnh cài đặt cho các thấu kính 1 NIKKOR có chống rung.	Active/On (Hoạt động/Bật) ¹	143
Focus mode (Chế độ lấy nét)	Chọn cách máy ảnh lấy nét.	Xem trang 144	144
AF-area mode (Chế độ vùng lấy nét tự động)	Chọn cách chọn vùng lấy nét.	Auto-area (Vùng tự động) ²	149



Tùy chọn	Mô tả	Mặc định	
Face-priority AF (Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt)	Bật hoặc tắt lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt.	On (Bật) ³	152
Built-in AF assist (Hỗ trợ lấy nét tự động tích hợp)	Điều khiển đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn.	On (Bật)	152
Flash compensation (Bù đèn nháy)	Điều khiển đầu ra đèn nháy.	0,0	153

1 Khác nhau tùy theo thấu kính ( 143).

2 Máy ảnh lấy nét về đối tượng ở trung tâm của khuôn khi **10 fps (10 khuôn hình trên một giây)** được chọn cho **Electronic (Hi) (Điện tử (Cao))** hoặc **Slow motion (Chuyển động chậm)** là loại phim.

3 Phát hiện khuôn mặt không sẵn có khi **10 fps (10 khuôn hình trên một giây)** được chọn cho **Electronic (Hi) (Điện tử (Cao))** hoặc **Slow motion (Chuyển động chậm)** được chọn là loại phim.

Reset Shooting Options (Đặt Lại Tùy Chọn Chụp)

Chọn **Yes (Có)** để đặt lại các tùy chọn trong menu chụp và cài đặt chụp khác về giá trị mặc định ( 107, 177).



Exposure Mode (Chế Độ Phơi Sáng)

Các tùy chọn trong menu chế độ phơi sáng cung cấp các mức độ kiểm soát khác nhau về tốc độ cửa trập và độ mở ống kính.

 Scene auto selector (Chọn cảnh tự động)	Chế độ “ngắm và chụp” tự động theo đó máy ảnh không chỉ lựa chọn tốc độ cửa trập và khẩu độ mà còn điều chỉnh các cài đặt khác để phù hợp với đối tượng (chọn cảnh tự động; □ 22).
P Programmed auto (Tự động được lập trình)	Máy ảnh đặt tốc độ cửa trập và độ mở ống kính cho phơi sáng tối ưu (□ 112).
S Shutter-priority auto (Tự động ưu tiên cửa trập)	Bạn chọn tốc độ cửa trập; máy ảnh sẽ chọn độ mở ống kính để cho kết quả tốt nhất (□ 113).
A Aperture-priority auto (Tự động ưu tiên độ mở ống kính)	Bạn chọn độ mở ống kính; máy ảnh sẽ chọn độ tốc độ cửa trập để cho kết quả tốt nhất (□ 114).
M Manual (Bằng tay)	Bạn kiểm soát cả tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (□ 115). Đặt tốc độ cửa trập thành “Bulb” (Bóng đèn) hoặc “Time” (Thời gian) cho phơi sáng thời gian dài.

Độ nhạy ISO (Chế độ P, S, A, và M)

Khi tùy chọn “tự động” được chọn cho **ISO sensitivity (Độ nhạy ISO)**, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh độ nhạy trong phạm vi lựa chọn nếu phơi sáng tối ưu không thể đạt được ở tốc độ cửa trập hoặc độ mở ống kính đã chọn.

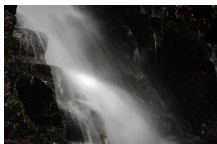


Tốc Độ Cửa Trập và Độ Mở Ống Kính

Phơi sáng tương tự có thể đạt được với những kết hợp khác nhau giữa tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Tốc độ cửa trập nhanh và độ mở ống kính lớn sẽ đóng băng các vật thể chuyển động và làm mềm các chi tiết nền, trong khi tốc độ cửa trập chậm và độ mở ống kính nhỏ sẽ che mờ các vật thể chuyển động và làm nổi bật các chi tiết nền.



Tốc độ cửa trập nhanh ($1/1600$ giây)



Tốc độ cửa trập chậm (1 giây)



Độ mở ống kính lớn ($f/5.6$)



*Độ mở ống kính nhỏ ($f/16$)
(Hãy nhớ rằng, số f càng cao thì độ mở ống kính càng nhỏ.)*



P Tự động được lập trình

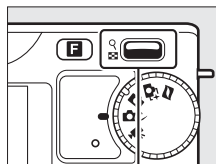
Ở chế độ này, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh tốc độ cửa trập và độ mở ống kính cho phơi sáng tối ưu trong hầu hết các trường hợp. Chế độ này được khuyến nghị dùng cho ảnh chụp nhanh và các tình huống khác mà bạn muốn để máy ảnh tự xác định tốc độ cửa trập và độ mở ống kính.

■ Lựa Chọn Kết Hợp Tốc Độ Cửa Trập và Độ Mở Ống Kính

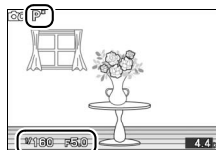
Mặc dù tốc độ cửa trập và độ mở ống kính được lựa chọn bởi máy ảnh sẽ tạo ra kết quả tối ưu, bạn cũng có thể lựa chọn từ các kết hợp khác để tạo ra phơi sáng tương tự (“chương trình linh động”).

Nhấn  lên cho khẩu độ lớn (số f thấp) để làm mờ chi tiết nền hoặc tốc độ cửa trập nhanh để “đóng băng” chuyển động, hoặc nhấn xuống cho khẩu độ nhỏ (số f cao) làm tăng độ sâu của trường hoặc tốc độ cửa trập chậm làm mờ chuyển động.

✱ được hiển thị trong khi chương trình linh động có hiệu lực.



 điều khiển



☑ Khôi Phục Cài Đặt Tốc Độ Cửa Trập và Độ Mở Ống Kính Mặc Định

Để khôi phục lại cài đặt tốc độ cửa trập và độ mở ống kính mặc định, nhấn  lên hoặc xuống cho đến khi ✱ không còn hiển thị, chọn một chế độ khác, xoay đĩa lệnh chế độ, hoặc tắt máy ảnh. Tốc độ cửa trập mặc định và độ mở ống kính được tự động khôi phục khi máy ảnh vào chế độ chờ.

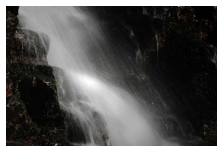


5 Tự động ưu tiên cửa trập

Trong chế độ tự động ưu tiên cửa trập, bạn chọn tốc độ cửa trập và máy ảnh sẽ tự động chọn độ mở ống kính để tạo ra phơi sáng tối ưu. Sử dụng tốc độ cửa trập chậm để gọi chuyển động bằng cách làm mờ các đối tượng chuyển động, tốc độ cửa trập nhanh để “đóng băng” chuyển động.



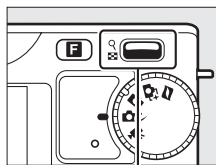
Tốc độ cửa trập nhanh ($1/1600$ giây)



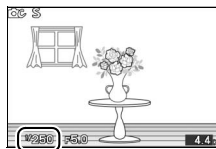
Tốc độ cửa trập chậm (1 giây)

■ Chọn Tốc Độ Cửa Trập

Nhấn  lên để có tốc độ cửa trập nhanh hơn, nhấn xuống để có tốc độ cửa trập chậm hơn. Chọn các giá trị giữa 30 giây và $1/16.000$ giây.



 điều khiển



A Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính

Trong chế độ tự động ưu tiên độ mở ống kính, chọn độ mở ống kính trong khi máy ảnh tự động chọn tốc độ cửa trập để cho độ phơi sáng tối ưu. Độ mở ống kính lớn (số f thấp) làm giảm độ sâu của trường, làm mờ các đối tượng phía sau và phía trước của đối tượng chính. Độ mở ống kính nhỏ (số f cao) làm tăng độ sâu của trường, làm rõ các chi tiết nền sau và nền trước. Độ sâu của trường ngắn thường được dùng trong dạng chân dung để che mờ các chi tiết nền, độ sâu của trường dài thường được dùng trong ảnh phong cảnh để lấy nét nền trước và nền sau.



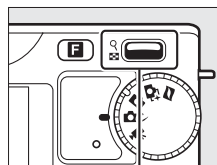
Độ mở ống kính lớn (f/5.6)



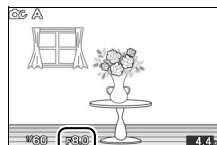
Độ mở ống kính nhỏ (f/16)

■ Chọn Độ Mở Ống Kính

Nhấn  lên để có độ mở ống kính nhỏ hơn (số f cao hơn), nhấn xuống để có độ mở ống kính lớn hơn (số f thấp hơn). Các giá trị tối thiểu và tối đa phụ thuộc vào thấu kính hiện đang sử dụng.



 điều khiển



■ Phơi Sáng Thời Gian Dài (Chế Độ Phơi Sáng Bằng Tay)

Chọn các tốc độ cửa trập sau cho phơi sáng thời gian dài của ánh sáng di chuyển, ngôi sao, phong cảnh ban đêm, hoặc pháo hoa.

- **Bóng đèn:** Cửa trập vẫn mở trong khi nút nhả cửa trập được nhấn. Để tránh bị mờ, sử dụng giá ba chân.
- **Thời gian:** Cần một điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn (📖 166). Bắt đầu phơi sáng bằng cách nhấn nút nhả cửa trập ML-L3. Cửa trập vẫn mở cho đến khi nhấn nút lần thứ hai.



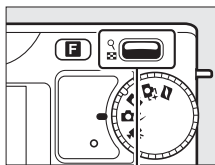
1 Chuẩn bị sẵn sàng máy ảnh.

Gắn máy ảnh trên giá ba chân hoặc đặt trên một mặt phẳng, ổn định. Để tránh mất nguồn trước khi hoàn tất phơi sáng, sử dụng pin EN-EL20 đã sạc đầy hoặc bộ đổi điện AC EH-5b tùy chọn và đầu nối nguồn EP-5C. Lưu ý rằng nhiễu (các điểm sáng, điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên hoặc sương mù) có thể xuất hiện trong phơi sáng lâu; trước khi chụp, chọn **On (Bật)** cho **Long exposure NR (Phơi sáng lâu NR)** trong menu chụp (📖 140).

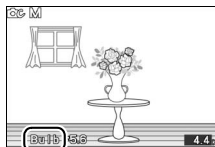


2 Chọn tốc độ cửa trập.

Nhấn  xuống cho đến khi “Bulb” (Bóng đèn) được chọn cho tốc độ cửa trập. Đối với tốc độ cửa trập của “Time” (Thời gian), chọn chế độ điều khiển từ xa ( 57) sau khi chọn tốc độ cửa trập.



 điều khiển



3 Mở cửa trập.

Bóng đèn: Sau khi lấy nét, nhấn nút nhả cửa trập xuống hết cỡ. Giữ nút nhả cửa trập cho tới khi kết thúc phơi sáng.

Thời gian: Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập ML-L3 xuống hết cỡ. Cửa trập sẽ mở ngay lập tức hoặc trễ sau hai giây.

4 Đóng cửa trập.

Bóng đèn: Nhả tay khỏi nút nhả cửa trập.

Thời gian: Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập ML-L3 xuống hết cỡ.

Việc chụp tự động kết thúc sau hai phút. Lưu ý rằng có thể mất chút thời gian để ghi lại phơi sáng lâu.



Image Quality (Chất Lượng Hình Ảnh)

Chọn định dạng tập tin và tỷ lệ nén cho các ảnh được chụp ở chế độ tự động, sáng tạo, và chế độ Chọn Ảnh Thông Minh.

Tùy chọn	Loại tập tin	Mô tả
NEF (RAW)	NEF	Dữ liệu thô 12 bit từ cảm biến hình ảnh được lưu trực tiếp vào thẻ nhớ. Thiết lập cân bằng trắng, độ tương phản, và các thiết lập khác có thể được điều chỉnh trên máy tính sau khi chụp.
JPEG fine (JPEG nét)	JPEG	Ghi ảnh JPEG ở tỷ lệ nén khoảng bằng 1 : 4 (chất lượng sắc nét).
JPEG normal (JPEG bình thường)		Ghi ảnh JPEG ở tỷ lệ nén khoảng bằng 1 : 8 (chất lượng bình thường).
JPEG basic (JPEG cơ bản)		Ghi ảnh JPEG ở tỷ lệ nén khoảng bằng 1 : 16 (chất lượng cơ bản).
NEF (RAW) + JPEG fine (NEF (RAW) + JPEG nét)	NEF/ JPEG	Hai hình ảnh được ghi: một hình ảnh NEF (RAW) và một hình ảnh JPEG chất lượng sắc nét.



Image Size (Cỡ Hình Ảnh)

Chọn cỡ hình ảnh được chụp ảnh ở các chế độ chụp ảnh tự động, sáng tạo, và Chế độ chọn ảnh thông minh.

■ Chụp Ảnh Tiêu Chuẩn

Các tùy chọn sau đây có sẵn trong các chế độ chụp ảnh tự động và Chế độ chọn ảnh thông minh và khi một lựa chọn không phải **Easy panorama (Toàn cảnh dễ dàng)** được chọn trong chế độ sáng tạo.

Tùy chọn	Kích cỡ (điểm ảnh)	Kích cỡ in xấp xỉ tại 300 dpi (cm) ¹
 3872×2592	3872 × 2592	32,8 × 21,9
 2896×1944	2896 × 1944	24,5 × 16,5
 1936×1296	1936 × 1296	16,4 × 11

■ ảnh toàn cảnh

Các tùy chọn sau đây có sẵn khi **Easy panorama (Toàn cảnh dễ dàng)** được chọn ở chế độ sáng tạo.

Tùy chọn	Kích cỡ (điểm ảnh) ²	Kích cỡ in xấp xỉ tại 300 dpi (cm) ¹
 Normal panorama (Toàn cảnh bình thường)	Máy ảnh được lướt theo chiều ngang: 3200 × 560	27,1 × 4,7
	Máy ảnh được lướt theo chiều dọc: 1024 × 3200	8,7 × 27,1
 Wide panorama (Toàn cảnh rộng)	Máy ảnh được lướt theo chiều ngang: 6400 × 560	54,2 × 4,7
	Máy ảnh được lướt theo chiều dọc: 1024 × 6400	8,7 × 54,2

1 Cỡ in theo đơn vị inch bằng cỡ hình ảnh theo đơn vị điểm ảnh chia cho độ phân giải máy in bằng các điểm trên mỗi inch (dpi; 1 inch=khoảng 2,54 cm).

2 Số liệu cho ảnh toàn cảnh theo chiều ngang và chiều dọc được đảo ngược nếu máy ảnh xoay 90 độ.



NEF (RAW)/NEF (RAW) + JPEG

Tùy chọn được lựa chọn cho cỡ hình ảnh không ảnh hưởng đến kích cỡ của hình ảnh NEF (RAW). Có thể xem hình ảnh NEF (RAW) trên máy ảnh hoặc sử dụng phần mềm như Capture NX 2 (có riêng; □ 166) hoặc ViewNX 2 (kèm theo).

Khi ảnh được chụp ở NEF (RAW) + JPEG được xem trên máy ảnh, chỉ ảnh JPEG được hiển thị. Khi xóa các ảnh được chụp ở cài đặt này, cả ảnh NEF và JPEG sẽ bị xóa.

Tên Tập Tin

Hình ảnh và phim được lưu trữ thành các tệp tin hình ảnh với tên theo mẫu “xxx_nnnn.yyy,” với xxx là NMS (Chụp Nhanh Chuyển Động) hoặc DSC (ảnh khác và phim), nnnn là bốn số giữa 0001 và 9999 được gán tự động theo thứ tự tăng dần bởi máy ảnh, và yyy là một trong ba chữ mở rộng sau đây: “NEF” cho hình ảnh NEF (RAW), “JPG” cho hình ảnh JPEG hoặc “MOV” cho phim. Các tệp tin NEF và JPEG được ghi ở cài đặt NEF (RAW) + JPEG có cùng tên tệp tin nhưng phần mở rộng khác nhau. Các bản sao được xén được tạo ra với **Edit movie (Chỉnh sửa phim)** (□ 104) có tên tệp tin bắt đầu với “DSC_”; các bản sao được tạo ra với các tùy chọn sửa lại khác trong menu phát lại có tên tệp tin bắt đầu với “CSC” (ví dụ “CSC_0001.JPG”). Hình ảnh được ghi với **Adobe RGB** được chọn cho **Color space (Không gian màu)** (□ 138) có tên bắt đầu với gạch dưới (ví dụ “_DSC0001.JPG”).

Chất Lượng Hình Ảnh và Cỡ Hình Ảnh

Chất lượng hình ảnh và kích cỡ xác định ảnh sẽ chiếm dụng bao nhiêu không gian trên thẻ nhớ. Ảnh lớn hơn, chất lượng cao hơn có thể được in ở kích cỡ lớn hơn nhưng cũng đòi hỏi nhiều bộ nhớ hơn, có nghĩa sẽ ít ảnh như vậy hơn có thể được lưu trên thẻ nhớ (□ 178).



Continuous (Liên tục)

Chọn từ các tùy chọn sau đây.

 Single frame (Khuôn hình đơn)	Máy ảnh chụp một ảnh mỗi khi nhấn nút nhả cửa trập.
 Continuous (Liên tục)	Máy ảnh chụp đến 5 khuôn hình trên một giây trong khi nhấn nút nhả cửa trập.
 Electronic (Hi) (Điện tử (Cao))	Máy ảnh ghi ảnh ở tỷ lệ cao trong khi nút nhả cửa trập được nhấn.

Điện tử (Cao)

Chọn từ tốc độ khuôn hình 10 khuôn hình trên một giây, 30 khuôn hình trên một giây, và 60 khuôn hình trên một giây. Đèn nháy không sáng trong khi **Electronic (Hi) (Điện tử (Cao))** có hiệu lực. Tại các thiết lập mặc định là 10 khuôn hình trên một giây, máy ảnh chụp lên đến 13 ảnh với khoảng 10 khuôn hình trên một giây (fps) trong khi nút nhả cửa trập được nhấn và máy ảnh lấy nét vào các đối tượng ở trung tâm của khuôn hình; nhận diện khuôn mặt ( 24) không có sẵn. Tại tốc độ khuôn hình 30 và 60 khuôn hình trên một giây, máy ảnh chụp khoảng 12 ảnh trong mỗi lần chụp; nhận diện khuôn mặt có sẵn nhưng lấy nét và phơi sáng được cố định ở các giá trị của bức ảnh đầu tiên trong mỗi loạt chụp. Chế độ phơi sáng **P Programmed auto (Tự động được lập trình)** được chọn tự động ( 112).

Liên tục

Nếu đèn nháy được sử dụng, máy ảnh sẽ chỉ chụp một ảnh mỗi khi nút nhả cửa trập được nhấn. Hạ đèn nháy trước khi chụp ảnh.

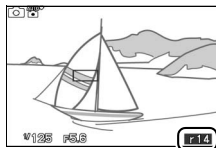
Chụp trong Chế Độ Điện Tử (Cao) và Nhả Liên Tục

Trong khi ghi ảnh vào thẻ nhớ, đèn tiếp cận thẻ nhớ sẽ phát sáng. Tùy vào điều kiện chụp và tốc độ ghi thẻ nhớ, việc ghi hình có thể mất khoảng một phút. Nếu pin cạn kiệt trước khi tất cả ảnh được ghi, nhả cửa trập bị vô hiệu và ảnh sẽ được chuyển vào thẻ nhớ.



Dung Lượng Đệm

Máy ảnh được trang bị bộ nhớ đệm để lưu trữ tạm thời, cho phép tiếp tục chụp trong khi ảnh được lưu vào thẻ nhớ. Có thể chụp liên tiếp 100 bức ảnh, tuy nhiên lưu ý rằng tốc độ khuôn hình sẽ giảm hoặc việc chụp ảnh bị tạm dừng khi bộ nhớ đệm đầy. Số lượng tương đối của hình ảnh có thể được lưu trữ trong bộ nhớ đệm ở cài đặt hiện hành được hiển thị trong khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng (số liệu chỉ tương đối và thay đổi theo điều kiện chụp ảnh). Minh họa thể hiện màn hình hiển thị khi không gian còn lại trong bộ đệm còn đủ cho khoảng 14 ảnh.



Xem Thêm

Để có thông tin về số lượng ảnh có thể chụp được trong một lần chụp liên tục, xem trang 178.



Frame Rate (Tốc Độ Khung Hình)

Chọn tốc độ khuôn hình cho phim chuyển động chậm (📺 45). Tốc độ khuôn hình càng nhanh hơn thì cỡ khuôn hình càng nhỏ hơn.

Tùy chọn	Cỡ khuôn hình (điểm ảnh)	Tỷ lệ bit (xấp xỉ)	Độ dài tối đa (chụp ảnh)	Độ dài tối đa (phát lại)*
400 fps (400 khuôn hình trên một giây)	640 × 240	1,8 Mbps	5 giây	1 phút 6 giây
1200 fps (1200 khuôn hình trên một giây)	320 × 120	0,6 Mbps	5 giây	3 phút 20 giây

* Tất cả số liệu chỉ là tương đối. Phim chuyển động chậm sẽ phát lại trong thời gian khoảng 13,2 (400 khuôn hình trên một giây) hoặc 40 (1200 khuôn hình trên một giây) lần thời gian ghi.

Xem Thêm

Để biết thông tin về tổng độ dài của phim có thể được lưu trữ trên thẻ nhớ, xem trang 180.

Movie Settings (Cài Đặt Phim)

Chọn cỡ khuôn hình và tốc độ khuôn hình cho phim HD (📺 41).

Tùy chọn	Cỡ khuôn hình (điểm ảnh)	Tỷ lệ ghi	Tỷ lệ bit (xấp xỉ)	Độ dài tối đa
 1080/60i	1920 × 1080	59,94 trường/giây*	24 Mbps	20 phút
 1080/30p	1920 × 1080	29,97 khuôn hình trên một giây	24 Mbps	20 phút
 720/60p	1280 × 720	59,94 khuôn hình trên một giây	16 Mbps	29 phút

* Cảm biến đầu ra khoảng 60 khuôn hình trên một giây.

Cỡ Khuôn Hình Ảnh

Hình ảnh được ghi lại bằng cách nhấn nút nhà cửa trập hết cỡ trong khi đang ghi (📺 43) có tỉ lệ khuôn hình 16 : 9. Cỡ khuôn hình khác nhau tùy theo tùy chọn được lựa chọn cho **Movie settings (Cài đặt phim)**:

- **1080/60i**: 3840 × 2160 điểm ảnh
- **1080/30p**: 1920 × 1080 điểm ảnh
- **720/60p**: 1280 × 720 điểm ảnh

Xem Thêm

Để biết thông tin về tổng độ dài của phim có thể được lưu trữ trên thẻ nhớ, xem trang 180.



Metering (Đo Sáng)

Chọn cách máy đặt phơi sáng. Lưu ý rằng thiết lập này không có sẵn trong chế độ chụp ảnh tự động hoặc chọn Chụp Nhanh Chuyển Động, khi **Scene auto selector (Chọn ảnh tự động)** được chọn trong chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động, hoặc khi chế độ sáng tạo khác với **P, S, A, M** được chọn; trong các chế độ này, đo sáng được tự động điều chỉnh để phù hợp với cảnh.

 Matrix (Ma trận)	Máy ảnh đo khu vực rộng của khung và điều chỉnh độ tương phản (phân phối tông màu), sáng tác và khoảng cách đối tượng, tạo ra kết quả tự nhiên trong hầu hết các tình huống.
 Center-weighted (Cân bằng trung tâm)	Máy ảnh đo sáng toàn bộ khuôn hình nhưng chú trọng nhiều nhất vào khu vực trung tâm. Đây là đo sáng cổ điển cho chân dung và được khuyên dùng nếu bạn sử dụng các bộ lọc có yếu tố phơi sáng (yếu tố lọc) lớn hơn 1x.
 Spot (Điểm)	Máy ảnh đo sáng khu vực lấy nét hiện tại; sử dụng để đo sáng các đối tượng lệch tâm (nếu Auto-area (Vùng tự động) được chọn cho AF-area mode (Chế độ vùng lấy nét tự động) như được mô tả trên trang 149, máy ảnh sẽ đo sáng khu vực lấy nét trung tâm, trong khi lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt thì máy ảnh sẽ đo sáng các khu vực lấy nét gần nhất với trung tâm của khuôn mặt được chọn;  24). Đo sáng điểm đảm bảo đối tượng được phơi sáng chính xác, ngay cả khi được tạo khuôn hình với nền sáng hơn hay tối hơn.

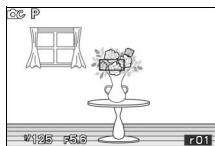


Khóa Tự Động Phơi Sáng

Khóa phơi sáng được sử dụng để phơi sáng hình ảnh sau khi đo phơi sáng. Nó hiệu quả nhất khi sử dụng với cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm (124) để khuôn tạo khuôn hình các đối tượng lệch tâm sáng hơn hay tối hơn nhiều so với môi trường xung quanh hoặc để tối ưu hóa phơi sáng đối tượng không phải đối tượng chính của bạn.

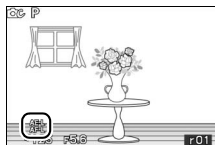
1 Đo phơi sáng.

Đặt đối tượng ở trung tâm khuôn hình và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để đo phơi sáng. Kiểm tra để vùng lấy nét được hiển thị bằng màu xanh lá cây.



2 Khóa phơi sáng.

Với nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng và đối tượng được định vị tại vùng lấy nét, nhấn nút $\blacktriangle$ (AE-L) để khóa phơi sáng. Trong khi khóa phơi sáng đang bật, chỉ báo AE-L/AF-L sẽ được hiển thị. Lấy nét sẽ vẫn khóa trong khi nhấn nút $\blacktriangle$ (AE-L), thậm chí ngay cả sau đó bạn bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập.



Xem Thêm

Để biết thông tin về việc thay đổi vai trò của nút $\blacktriangle$ (AE-L), xem trên trang 160.

3 Chỉnh lại ảnh.

Giữ nhấn nút $\blacktriangle$ (AE-L) để chỉnh lại ảnh và chụp. Không thể thay đổi tùy chọn được chọn cho **Metering (Đo sáng)** trong khi khóa phơi sáng được bật.



White Balance (Cân Bằng Trắng)

Cân bằng trắng đảm bảo các màu không bị ảnh hưởng bởi màu sắc của nguồn ánh sáng. Tự động cân bằng trắng được khuyến khích cho hầu hết các nguồn sáng, nhưng nếu cần có thể chọn các giá trị khác theo loại nguồn sáng. Lưu ý rằng thiết lập này không có sẵn trong chế độ chụp ảnh tự động hoặc chọn Chụp Nhanh Chuyển Động, khi **Scene auto selector (Chọn ảnh tự động)** được chọn trong chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động, hoặc khi chế độ sáng tạo khác với **P, S, A, M** được chọn; trong các chế độ này, cân bằng trắng được tự động điều chỉnh để phù hợp với cảnh.

AUTO Auto (Tự động)	Điều chỉnh cân bằng trắng tự động. Khuyến dùng trong hầu hết các tình huống.
 Incandescent (Sáng chói)	Sử dụng dưới chiếu sáng sáng chói.
 Fluorescent (Huỳnh quang)	Sử dụng với ánh sáng huỳnh quang trắng mát mẻ.
 Direct sunlight (Ánh sáng mặt trời trực tiếp)	Sử dụng với các đối tượng chiếu sáng bởi ánh sáng mặt trời trực tiếp.
 Flash (Đèn nháy)	Sử dụng với đèn nháy gắn sẵn.
 Cloudy (Mây)	Sử dụng ánh sáng ban ngày dưới bầu trời u ám.
 Shade (Bóng râm)	Sử dụng ánh sáng ban ngày với các đối tượng trong bóng râm.
PRE Preset manual (Cài đặt trước bằng tay)	Đo cân bằng trắng (📖 128).

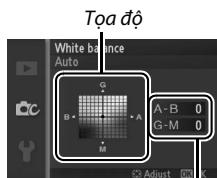


Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng

Các tùy chọn khác với **Preset manual (Cài đặt trước bằng tay)** có thể được tinh chỉnh như sau:

1 Hiển thị các tùy chọn tinh chỉnh.

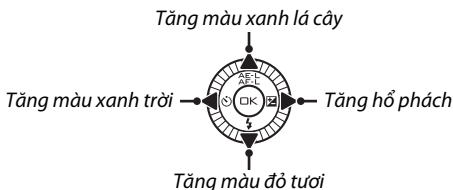
Làm nổi bật một tùy chọn khác với **Preset manual (Cài đặt trước bằng tay)** và nhấn ► để hiển thị các tùy chọn được tinh chỉnh như ở bên phải.



Điều chỉnh

2 Dò tinh chỉnh cân bằng trắng.

Sử dụng đa bộ chọn để dò tinh chỉnh cân bằng trắng.



Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng

Các màu sắc trên trục tinh chỉnh chỉ là tương đối, không phải tuyệt đối. Ví dụ, việc di chuyển con trỏ đến **B** (xanh da trời) khi cài đặt “ấm” như ☀ (sáng chói) được chọn sẽ làm cho hình ảnh hơi “lạnh hơn” nhưng sẽ không thực sự làm ảnh có màu xanh da trời.

3 Lưu thay đổi và thoát.

Nhấn **OK**. Một dấu hoa thị sẽ xuất hiện bên cạnh biểu tượng cân bằng trắng (📖 4) trong màn hình hiển thị chi tiết (📖 5) để cho thấy rằng cân bằng trắng đã được thay đổi khỏi giá trị mặc định.



Cài Đặt Trước Bằng Tay

Cài đặt trước bằng tay được sử dụng để ghi lại và gọi lại các cài đặt cân bằng trắng tùy chỉnh để chụp dưới ánh sáng hỗn hợp hoặc để bù cho các nguồn sáng âm màu mạnh.

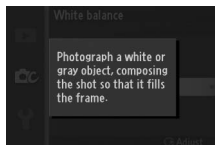
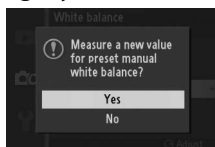
1 Chiếu sáng đối tượng tham chiếu.

Đặt đối tượng màu trung tính hay đối tượng trắng dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong bức ảnh cuối cùng. Một bảng màu xám chuẩn có thể được sử dụng để tăng độ chính xác.

2 Chọn Preset manual (Cài đặt trước bằng tay).

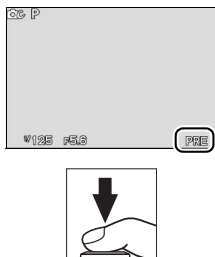
Làm nổi bật **Preset manual (Cài đặt trước bằng tay)** trong menu chụp và nhấn ►. Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị; làm nổi bật **Yes (Có)** và nhấn  để ghi đè lên các giá trị hiện tại cho cân bằng trắng thiết lập sẵn bằng tay.

Thông báo hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị.



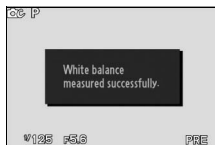
3 Đo cân bằng trắng.

Khi máy ảnh đã sẵn sàng để đo cân bằng trắng, PRE nhấp nháy sẽ được hiển thị. Trước khi chỉ báo ngừng nhấp, tạo khuôn hình đối tượng tham chiếu để nó lấp đầy màn hình hiển thị và nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ. Bức ảnh sẽ không được ghi lại; có thể đo cân bằng trắng chính xác ngay cả khi máy ảnh không lấy nét.

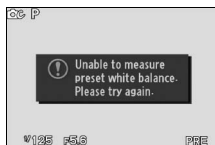


4 Kiểm tra kết quả.

Nếu máy ảnh có thể đo một giá trị cho cân bằng trắng, thông báo ở bên phải sẽ được hiển thị. Để trở về chế độ chụp ngay lập tức, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



Nếu ánh sáng quá tối hoặc quá sáng, máy ảnh có thể không đo được cân bằng trắng. Thông báo ở bên phải sẽ được hiển thị. Trở lại Bước 3 và đo cân bằng trắng lần nữa.



Tự Động Tắt Nguồn

Đo cân bằng trắng sẽ kết thúc mà không xác định được giá trị mới nếu không có thao tác nào được thực hiện trong thời gian được chọn **Auto power off (Tự động tắt nguồn)** trong menu cài đặt (☐ 159; mặc định là 30 giây).

Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn

Máy ảnh chỉ có thể lưu trữ một giá trị cho cân bằng trắng thiết lập sẵn tại một thời điểm; giá trị hiện có sẽ được thay thế khi đo được giá trị mới. Lưu ý rằng phơi sáng tự động tăng 1 EV khi đo cân bằng trắng; nếu **M Manual (Bằng tay)** được chọn cho **Exposure mode (Chế độ phơi sáng)**, điều chỉnh phơi sáng để chỉ báo phơi sáng hiển thị ± 0 (☐ 115).

Nhiệt Độ Màu

Màu nhận được của một nguồn sáng khác nhau với người xem và các điều kiện khác. Nhiệt độ màu là cách đo khách quan của màu nguồn sáng, được quy định tham chiếu đến nhiệt độ mà một đối tượng được đun nóng để tỏa ra ánh sáng trong các bước sóng tương tự. Các nguồn sáng trắng với nhiệt độ màu ở khoảng 5000-5500 K xuất hiện màu trắng, nguồn ánh sáng với nhiệt độ màu thấp hơn, chẳng hạn như bóng đèn sáng chói, xuất hiện hơi vàng hoặc đỏ. Các nguồn ánh sáng với nhiệt độ màu cao hơn xuất hiện nhuộm màu xanh. Các tùy chọn cân bằng trắng máy ảnh được thích ứng với các nhiệt độ màu sau đây (mọi số liệu chỉ là tương đối):

- | | |
|---|--|
| • Đèn khí natri: 2700 K | • ☀ (ánh sáng mặt trời trực tiếp): 5200 K |
| • ☼ (sáng chói)/Huỳnh quang trắng-ấm: 3000 K | • ⚡ (đèn nháy): 5400 K |
| • Huỳnh quang trắng: 3700 K | • ☁ (mây): 6000 K |
| • ☀☀ Huỳnh quang trắng lạnh: 4200 K | • Huỳnh quang ban ngày: 6500 K |
| • Huỳnh quang trắng ban ngày: 5000 K | • Đèn khí thủy ngân: 7200 K |
| | • 🌲 (bóng râm): 8000 K |



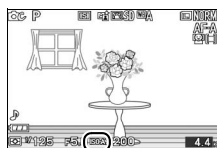
ISO Sensitivity (Độ Nhạy ISO)

“Độ nhạy ISO” tương đương về mặt kỹ thuật số với tốc độ phim. Độ nhạy càng cao thì cần càng ít ánh sáng để phơi sáng, cho phép tốc độ của trập nhanh hơn hoặc độ mở ống kính nhỏ hơn, nhưng nhiều khả năng hình ảnh bị ảnh hưởng bởi “nhiều” ở dạng các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng. Nhiều thường có ở thiết lập **Hi 1** (tương đương với ISO 6400).

A3200	Auto (100–3200) (Tự động (100–3200))	Máy ảnh điều chỉnh độ nhạy ISO để đáp ứng với điều kiện ánh sáng. Độ nhạy ISO được điều chỉnh trong phạm vi trong khung; chọn phạm vi lớn hơn để tăng độ nhạy khi ánh sáng ít, phạm vi nhỏ hơn để giảm nhiễu.
A800	Auto (100-800) (Tự động (100–800))	
A400	Auto (100-400) (Tự động (100–400))	
100, 200, 400, 800, 1600, 3200, Hi 1		Độ nhạy ISO được cố định ở giá trị được lựa chọn.

Tự động (100–3200)/Tự động (100–800)/Tự động (100–400)

ISO-A xuất hiện ở phía dưới của màn hình hiển thị khi tự động điều khiển độ nhạy ISO được bật.



Picture Control

Chọn cách máy ảnh xử lý ảnh. Lưu ý rằng thiết lập này không có sẵn trong chế độ chụp ảnh tự động hoặc chọn Chụp Nhanh Chuyển Động, khi **Scene auto selector (Chọn ảnh tự động)** được chọn trong chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động, hoặc khi chế độ sáng tạo khác với **P, S, A, M** được chọn; trong các chế độ này, máy ảnh tự động chọn Picture Control để phù hợp với cảnh.

 Standard (Tiêu chuẩn)	Xử lý tiêu chuẩn cho kết quả cân bằng. Khuyến dùng trong hầu hết các tình huống.
 Neutral (Trung tính)	Xử lý tối thiểu cho kết quả tự nhiên. Chọn bức ảnh mà bạn sẽ xử lý hoặc chỉnh sửa rộng rãi sau.
 Vivid (Sống động)	Hình ảnh được tăng cường hiệu ứng sống động, in ảnh. Chọn bức ảnh nhấn mạnh đến màu sắc cơ bản.
 Monochrome (Đơn sắc)	Chụp ảnh đơn sắc.
 Portrait (Chân dung)	Xử lý chân dung cho làn da tự nhiên và cảm giác tròn đầy.
 Landscape (Phong cảnh)	Chụp ảnh phong cảnh sống động và cảnh quan thành phố.

Sửa Đổi Picture Control

Thiết lập sẵn hiện tại và Picture Control tùy chọn (📖 136) có thể được sửa đổi để phù hợp với cảnh hoặc mục đích sáng tạo của bạn.

1 Hiện thị các tùy chọn.

Làm nổi bật một mục trong menu Picture Control và nhấn ► để hiển thị thiết lập Picture Control (📖 134; thiết lập có sẵn với tùy Picture Control tùy chọn giống như các điều khiển thiết lập sẵn ban đầu của nó). Để sử dụng Picture Control chưa sửa đổi, làm nổi bật và nhấn .



2 Điều chỉnh cài đặt.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật thiết lập mong muốn và nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn giá trị. Lặp lại bước này cho đến khi tất cả các cài đặt được điều chỉnh, hoặc chọn **Quick adjust (Điều chỉnh nhanh)** (📖 134) để chọn kết hợp các thiết lập sẵn. Các cài đặt mặc định có thể được phục hồi bằng cách nhấn nút ⏮.



3 Lưu thay đổi và thoát.

Nhấn Ⓞ.

Picture Control Cài Đặt Trước So Với Picture Control Tùy Chọn

Picture Control được cung cấp cùng máy ảnh được gọi là *preset Picture Control (Picture Control cài đặt trước)*. Picture Control Tùy Chọn được tạo ra thông qua việc sửa đổi các Picture Control hiện có bằng cách sử dụng tùy chọn **Custom Picture Control (Picture Control Tùy Chọn)** trong menu chụp (📖 136). Nếu muốn, Picture Control tùy chọn có thể được lưu vào thẻ nhớ và sao chép sang các máy ảnh Nikon 1 J2 khác hoặc nạp vào phần mềm tương thích (📖 137).

Picture Control Sửa Đổi

Các Picture Control đã được sửa đổi từ các thiết lập mặc định được chỉ định bởi dấu hoa thị ("*") bên cạnh tên Picture Control và biểu tượng trong menu Picture Control (📖 132) và bên cạnh biểu tượng Picture Control (📖 4) trong màn hình hiển thị chi tiết (📖 5).



■ Cài Đặt Picture Control

Quick adjust (Điều chỉnh nhanh)		Chọn các tùy chọn giữa -2 và +2 để làm giảm hoặc tăng hiệu ứng của Picture Control đã chọn (lưu ý rằng việc này sẽ khôi phục lại tất cả các điều chỉnh bằng tay). Ví dụ, lựa chọn các giá trị dương cho Vivid (Sống động) để tạo hình ảnh sống động hơn. Không có với Neutral (Trung tính) , Monochrome (Đơn sắc) , hoặc các Picture Control tùy chọn.
Điều chỉnh bằng tay (tất cả Picture Control)	Sharpening (Làm sắc nét)	Kiểm soát độ sắc nét của đường nét. Chọn A để điều chỉnh độ sắc nét tự động theo cảnh, hoặc chọn các giá trị trong khoảng 0 (không làm sắc nét) đến 9 (giá trị càng cao, độ sắc nét càng lớn).
	Contrast (Độ tương phản)	Chọn A để điều chỉnh độ tương phản tự động theo cảnh, hoặc chọn giá trị trong khoảng từ -3 đến +3 (chọn giá trị thấp hơn để tránh những điểm nổi bật ở đối tượng chân dung khỏi bị “biến mất” dưới ánh sáng trực tiếp; giá trị cao hơn để giữ lại những chi tiết không rõ trong ảnh phong cảnh và các đối tượng có độ tương phản thấp khác). *
	Brightness (Độ sáng)	Chọn -1 để giảm độ sáng, +1 tăng độ sáng. Không ảnh hưởng đến phơi sáng. *
Điều chỉnh bằng tay (chỉ không đơn sắc)	Saturation (Độ bão hòa)	Kiểm soát độ sống động của màu sắc. Chọn A để điều chỉnh độ bão hòa tự động theo loại cảnh, hoặc chọn các giá trị từ -3 đến +3 (giá trị thấp hơn làm giảm độ bão hòa, và giá trị cao hơn làm tăng độ bão hòa).
	Hue (Màu sắc)	Chọn các giá trị âm (tối thiểu là -3) để làm cho màu đỏ thành tím hơn, xanh da trời thành xanh lá cây hơn, và xanh lá cây thành vàng hơn; các giá trị dương (lên tới +3) làm màu đỏ thành cam hơn, xanh lá cây thành xanh da trời hơn, và xanh da trời thành tím hơn.
Điều chỉnh bằng tay (chỉ đơn sắc)	Filter effects (Hiệu ứng bộ lọc)	Mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu trên ảnh đơn sắc. Chọn từ Off (Tắt) , vàng, cam, đỏ, và xanh lá cây (□ 135).
	Toning (Tông màu)	Chọn màu được sử dụng trong các ảnh đơn sắc từ B&W (đen và trắng), Sepia (Nâu đỏ) , Cyanotype (đơn sắc nhuộm xanh) , Red (Đỏ) , Yellow (Vàng) , Green (Xanh lá cây) , Blue Green (Xanh) , Blue (Xanh da trời) , Purple Blue (Xanh tím) , Red Purple (Đỏ tím) (□ 135).

* Không có sẵn nếu D-Lighting hoạt động (□ 139) bật; cài đặt lại nếu D-Lighting hoạt động được kích hoạt sau giá trị được thay đổi.

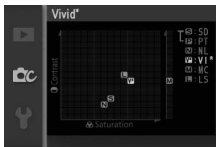
✓ "A" (Tự Động)

Kết quả độ sắc nét, độ tương phản, độ bão hòa tự động sẽ thay đổi theo độ phơi sáng và vị trí của đối tượng trong khung.

🔧 Lưới Picture Control

Việc nhấn nút  lên ở Bước 2 sẽ hiển thị lưới Picture Control hiển thị độ tương phản và độ bão hòa cho Picture Control đã chọn liên quan đến các Picture Control khác (chỉ độ tương phản được hiển thị khi **Monochrome (Đơn sắc)** được chọn). Nhấn  điều khiển để trở lại menu Picture Control.

Các biểu tượng Picture Control sử dụng độ tương phản và độ bão hòa tự động được hiển thị bằng màu xanh lá cây trong lưới Picture Control, và các đường xuất hiện song song với trục của lưới.



🔧 Cài Đặt Trước Đó

Dòng dưới màn hình hiển thị giá trị trong menu cài đặt Picture Control cho thấy các giá trị cài đặt trước đó. Sử dụng phần này làm tham khảo khi điều chỉnh các thiết lập.



🔧 Filter Effects (Hiệu Ứng Bộ Lọc) (Chỉ Đơn Sắc)

Các tùy chọn trong menu này mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu sắc trên ảnh đơn sắc. Có các hiệu ứng bộ lọc sau đây:

Y (màu vàng)	Tăng độ tương phản. Có thể được sử dụng để giảm bớt độ sáng bầu trời trong các bức ảnh phong cảnh. Màu
O (màu cam)	cam tạo ra độ tương phản hơn vàng, màu đỏ tương
R (màu đỏ)	phản hơn so với cam.
G (màu xanh)	Làm mềm tông màu da. Có thể được sử dụng cho ảnh chân dung.

Lưu ý rằng các hiệu ứng đạt được do **Filter effects (Hiệu ứng bộ lọc)** thì rõ rệt hơn so với những hiệu ứng của các bộ lọc thủy tinh vật lý.

🔧 Toning (Tông Màu) (Chỉ Đơn Sắc)

Nhấn ▼ khi **Toning (Tông màu)** được làm nổi bật hiển thị các tùy chọn độ bão hòa. Nhấn ◀ hoặc ▶ để điều chỉnh độ bão hòa. Kiểm soát độ bão hòa không có sẵn khi chọn chế độ **B&W** (đen và trắng).



Custom Picture Control (Picture Control Tùy Chọn)

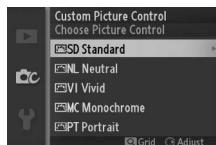
Picture Control được cung cấp với máy ảnh có thể được sửa đổi và lưu lại dưới dạng Picture Control tùy chọn.

Edit/Save (Chỉnh sửa/Lưu)

Để tạo Picture Control tùy chọn, chọn **Edit/save** (Chỉnh sửa/lưu) và làm theo các bước bên dưới.

1 Chọn Picture Control.

Làm nổi bật một Picture Control hiện có và nhấn ►, hoặc nhấn **OK** để chuyển sang Bước 3 để lưu bản sao của Picture Control được làm nổi bật mà không sửa đổi thêm.



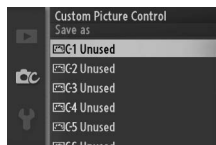
2 Chỉnh sửa Picture Control đã chọn.

Xem trang 134 để biết thêm thông tin. Để bỏ bất kỳ thay đổi và bắt đầu từ các thiết lập mặc định, nhấn nút **Reset**. Nhấn **OK** khi thiết lập xong.

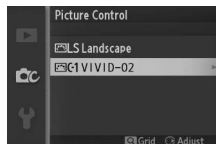


3 Lưu Picture Control.

Làm nổi bật đích đến (C-1 đến C-9) và nhấn **OK** để lưu Picture Control tùy chọn và quay trở lại menu chụp ảnh.



Picture Control mới sẽ được liệt kê trong menu **Picture Control**.



Load from/Save to Card (Tải từ/Lưu vào Thẻ)

Picture Control Tùy Chọn được tạo ra bằng cách sử dụng Tiện Ích Picture Control có sẵn với ViewNX 2 hoặc phần mềm tùy chọn như Capture NX 2, có thể được sao chép vào thẻ nhớ và được tải vào máy ảnh; hoặc Picture Control tùy chọn được tạo ra với máy ảnh có thể được sao chép vào thẻ nhớ để sử dụng trong các máy ảnh Nikon 1 J2 khác và phần mềm tương thích, và sau đó xóa đi khi không còn cần thiết.

Để sao chép các Picture Control tùy chọn đến hoặc từ thẻ nhớ, hoặc để xóa các Picture Control tùy chọn từ thẻ nhớ, chọn **Load from/Save to card (Tải từ/Lưu vào thẻ)** trong menu **Custom Picture Control (Picture Control Tùy Chọn)**. Các tùy chọn sau đây sẽ được hiển thị:

Copy to camera (Sao chép vào máy ảnh)	Sao chép Picture Control tùy chọn từ thẻ nhớ vào Picture Control tùy chọn C-1 tới C-9.
Delete from card (Xóa khỏi thẻ)	Xóa Picture Control tùy chọn đã chọn từ thẻ nhớ. Hộp thoại xác nhận sẽ hiển thị bên phải trước khi một Picture Control bị xóa; để xóa Picture Control đã chọn, làm nổi bật Yes (Có) và nhấn OK . 
Copy to card (Sao chép vào thẻ)	Sao chép một Picture Control tùy chọn (C-1 đến C-9) từ máy ảnh tới thư mục được chỉ định (1 đến 99) trên thẻ nhớ.

Sao chép vào thẻ

Có thể lưu tới 99 Picture Control tùy chọn vào thẻ nhớ tại bất kỳ thời điểm nào. Thẻ nhớ có thể chỉ được sử dụng để lưu trữ các Picture Control tùy chọn do người dùng tạo ra. Không thể sao chép sang thẻ nhớ hoặc xóa các Picture Control cài đặt trước được cung cấp với máy ảnh.

Custom Picture Control (Picture Control Tùy Chọn) > Delete (Xóa)

Tùy chọn **Delete (Xóa)** trong menu **Custom Picture Control (Picture Control Tùy Chọn)** có thể được sử dụng để xóa các Picture Control tùy chọn được chọn khi chúng không còn cần thiết.



Color Space (Không Gian Màu)

Các không gian màu xác định gam màu sẵn có cho việc tái tạo màu sắc. Chọn **sRGB** cho ảnh mà sẽ được sử dụng “nguyên bản,” không có thay đổi gì thêm, **Adobe RGB** cho ảnh sẽ được chỉnh sửa nhiều hoặc sửa lại sau khi lấy khỏi máy ảnh. Lưu ý rằng bất kể các tùy chọn nào được chọn, sRGB được sử dụng cho phim và Chụp Nhanh Chuyển Động và cho hình ảnh được ghi ở chế độ phim.

Không Gian Màu

Không gian màu xác định sự tương ứng giữa màu sắc và các giá trị số đại diện cho các màu đó trong tập tin ảnh kỹ thuật số. Không gian màu sRGB được sử dụng rộng rãi, trong khi hệ màu Adobe RGB thường được sử dụng trong việc xuất bản và in ấn thương mại. sRGB được khuyến khích sử dụng khi chụp ảnh được in mà không sửa đổi hoặc xem trong các ứng dụng không hỗ trợ quản lý màu sắc, hoặc các bức ảnh sẽ được in với ExifPrint, tùy chọn in trực tiếp trên một số máy in gia đình, hay kiosk hoặc các dịch vụ in ấn thương mại khác. Hình ảnh Adobe RGB cũng có thể được in bằng cách sử dụng các tùy chọn này, nhưng màu sắc sẽ không sống động.

Các bức ảnh JPEG được chụp trong không gian màu Adobe RGB không phù hợp với DCF; các ứng dụng và máy in hỗ trợ DCF sẽ tự động chọn không gian màu chính xác. Nếu ứng dụng hoặc thiết bị không hỗ trợ DCF, chọn không gian màu phù hợp bằng tay. Để biết thêm thông tin, xem tài liệu được cung cấp cùng ứng dụng hoặc thiết bị.

Phần Mềm Nikon

ViewNX 2 (được cung cấp) và Capture NX 2 (có riêng) tự động lựa chọn không gian màu chính xác khi mở ảnh được chụp bằng máy ảnh này.



Active D-Lighting (D-Lighting Hoạt Động)

D-Lighting hoạt động giữ lại các chi tiết được làm nổi bật và bóng cho các bức ảnh có độ tương phản tự nhiên. Sử dụng với những cảnh có độ tương phản cao như cảnh ngoài trời rất sáng được tạo khuôn hình từ trong cửa hoặc cửa sổ hoặc đối tượng trong bóng râm vào một ngày nắng. Hiệu quả nhất khi dùng với chế độ đo sáng **Matrix (Ma trận)** (📖 124).



D-Lighting Hoạt Động: **Off (Tắt)**



D-Lighting Hoạt Động: **On (Bật)**

☒ D-Lighting Hoạt Động

Nhiều (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) có thể xuất hiện trong các bức ảnh chụp với D-Lighting Hoạt Động. Một số đối tượng có thể độ bóng không đồng đều.

☒ “Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)” So Với “D-Lighting”

Tùy chọn **Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)** trong menu chụp sẽ điều chỉnh phơi sáng trước khi chụp để tối ưu dải tương phản, trong khi đó, tùy chọn **D-Lighting** trong menu phát lại (📖 101) làm sáng các bóng trong ảnh sau khi chụp.



Long Exposure NR (Phơi Sáng Lâu NR)

Ảnh được chụp ở tốc độ cửa trập chậm được tự động xử lý để giảm “nhiều” (điểm sáng, các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, hoặc sương mù), thời gian ghi hơi tăng chút ít. Việc chọn **On (Bật)** sẽ làm tăng mức giảm nhiễu được thực hiện ở tốc độ cửa trập chậm hơn 1 giây và làm tăng thời gian cần thiết để ghi lại hình ảnh bằng khoảng 1,5 đến 2 lần. Trong khi xử lý, một cảnh báo sẽ hiển thị và không chụp được ảnh (nếu máy ảnh được tắt trước khi xử lý xong, ảnh sẽ được lưu nhưng giảm nhiễu sẽ không được áp dụng). Trong chế độ nhả liên tục, tốc độ khuôn hình sẽ chậm và trong khi bức ảnh đang được xử lý, năng lực của bộ nhớ đệm sẽ giảm.

High ISO Noise Reduction (Giảm Nhiễu ISO Cao)

Chọn **On (Bật)** để giảm “nhiều” (điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, đường thẳng hoặc sương mù). Nếu chọn **Off (Tắt)**, giảm nhiễu sẽ chỉ được thực hiện ở các độ nhạy ISO cao; lượng giảm nhiễu ít hơn lượng được thực hiện khi chọn **On (Bật)**.

Fade in/Fade out (Đưa Cảnh Vào Dần/Làm Mờ Dần)

Thêm hiệu ứng đưa cảnh vào dần và làm mờ dần ở đầu và cuối phim HD được quay bằng máy ảnh.

 W Fade (white) (Mờ dần (trắng))	Phim đưa cảnh vào dần và làm mờ dần sang màu trắng.
 B Fade (black) (Mờ dần (đen))	Phim đưa cảnh vào dần và làm mờ dần sang màu đen.
OFF None (Không)	Hiệu ứng đưa cảnh vào dần và làm mờ dần không được thêm vào phim.



Movie Sound Options (Tùy Chọn Âm Thanh Phim)

Điều chỉnh cài đặt ghi âm thanh phim cho micrô gắn sẵn.

■ Micrô

Chọn **Microphone off (Tắt micrô)** để tắt ghi âm thanh. Lựa chọn bất kỳ tùy chọn khác sẽ cho phép ghi và thiết lập micrô sang độ nhạy được lựa chọn.

Biểu tượng

Phim được ghi với micrô tắt được chỉ báo bởi biểu tượng  trong phát lại phim và khuôn hình đầy.

■ Giảm Nhiễu Gió

Chọn **On (Bật)** để bật bộ lọc giảm tần số và tiếng ồn, giảm nhiễu gây ra bởi gió thổi qua micrô (lưu ý rằng các âm thanh khác cũng có thể bị ảnh hưởng).



Interval Timer Shooting (Chụp Hẹn Giờ Quảng Thời Gian)

Chụp ảnh tự động trong khoảng thời gian định sẵn.

Trước Khi Chụp

Trước khi tiến hành, kiểm tra khóa được cài đặt đúng (📖 18, 162) và sau đó chụp thử một ảnh ở thiết lập hiện tại và xem kết quả trên màn hình.

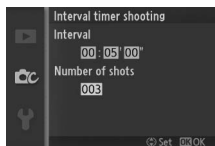
Nên sử dụng giá ba chân. Để đảm bảo chụp ảnh không bị gián đoạn, hãy chắc chắn pin đã được sạc đầy hoặc sử dụng bộ đổi điện AC EH-5b tùy chọn và đầu nối nguồn EP-5C.

1 Chọn Interval (Quảng thời gian)/Number of shots (Số lượng ảnh).

Làm nổi bật **Interval (Quảng thời gian)/Number of shots (Số lượng ảnh)** và nhấn ► để hiển thị các tùy chọn bộ đếm quảng thời gian.

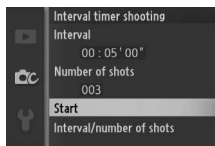
2 Điều chỉnh cài đặt.

Nhấn ◀ hoặc ► để làm nổi bật giờ, phút, hoặc giây và nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn quảng thời gian dài hơn tốc độ cửa trập chậm nhất dự kiến (tối thiểu năm giây), sau đó làm nổi bật số lượng quảng thời gian và nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nhấn ⓧ để trở lại menu chụp hẹn giờ quảng thời gian khi thiết lập được hoàn tất.



3 Bắt đầu chụp.

Làm nổi bật **Start (Bắt đầu)** và nhấn ⓧ. Việc chụp sẽ bắt đầu sau khoảng 3 giây, và tiếp tục ở quảng thời gian lựa chọn cho đến khi tắt cả các ảnh được chụp (một ảnh được chụp vào mỗi quảng thời gian). Lưu ý rằng việc tạm dừng sau mỗi lần ghi của mỗi lần chụp khác nhau tùy theo tốc độ cửa trập và thời gian cần thiết để ghi hình ảnh, với kết quả là ảnh có thể không ghi lại được ở quảng thời gian được chọn. Cũng có thể không ghi lại được ảnh nếu cửa trập không được nhả ra (ví dụ, bởi vì máy ảnh không thể lấy nét).



Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Một cảnh báo sẽ được hiển thị nếu máy ảnh không thể bắt đầu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian ở các thiết lập hiện hành (ví dụ, khi “Bulb” (Bóng đèn) được chọn cho tốc độ cửa trập). Trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian đang diễn ra, không thể điều chỉnh thiết lập và máy ảnh sẽ không tự động tắt (🔒 17).

Dừng Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Chụp hẹn giờ quảng thời gian bị kết thúc và thiết lập bộ đếm thời gian quảng thời gian được thiết lập lại khi máy ảnh tắt, pin bị cạn kiệt, thẻ nhớ đầy, đĩa lệnh chế độ được xoay sang thiết lập mới, hoặc nút MENU hoặc  được nhấn.

Vibration Reduction (Chống Rung)

Tùy chọn này có với thấu kính 1 NIKKOR hỗ trợ chống rung (VR). Các tùy chọn có sẵn khác nhau tùy theo loại thấu kính: **Normal (Bình thường)/Active (Hoạt động)/Off (Tắt)** cho các thấu kính hỗ trợ chống rung và **On (Bật)/Off (Tắt)** cho các thấu kính VR khác. Chọn **Active (Hoạt động)**, **Normal (Bình thường)**, hoặc **On (Bật)** để giảm ảnh hưởng của rung; chọn **Active (Hoạt động)** khi chụp từ một chiếc xe đang chuyển động hoặc trong khi đi bộ hoặc các kiểu máy ảnh bị rung mạnh khác, **Normal (Bình thường)** cho máy ảnh bị lắc nhẹ khi đứng im.

Chống Rung

Khi xoay máy ảnh, chống rung chỉ áp dụng cho chuyển động không phải là phần xoay (ví dụ nếu máy ảnh xoay ngang, chống rung sẽ chỉ áp dụng cho phần lắc dọc), giúp dễ dàng xoay máy ảnh êm theo vòng cung rộng. Sáng tác dường như có thay đổi sau khi cửa trập được nhả, nhưng điều này không phải là sự cố.



Focus Mode (Chế Độ Lấy Nét)

Chọn cách máy ảnh lấy nét.

AF-A	Auto-select AF (Tự động chọn AF): Máy ảnh tự động lựa chọn AF-S nếu đối tượng không chuyển động, chọn AF-C nếu đối tượng đang di chuyển.
AF-S	Single AF (Lấy nét tự động đơn): Với các đối tượng cố định. Khóa lấy nét khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.*
AF-C	Continuous AF (Tự động lấy nét liên tục): Đối tượng chuyển động. Máy ảnh lấy nét liên tục trong khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập. Ảnh được chụp dù máy ảnh có lấy nét hay không.
AF-F	Full-time AF (Lấy nét tự động toàn thời gian): Đối tượng chuyển động. Máy ảnh lấy nét liên tục; ảnh được chụp dù máy ảnh có lấy nét hay không.
MF	Manual focus (Lấy nét bằng tay): Lấy nét bằng tay (☐ 147). Ảnh được chụp dù máy ảnh có lấy nét hay không.

* Cửa trập chỉ có thể được nhả ra nếu máy ảnh có thể lấy nét.

Focus Mode (Chế Độ Lấy Nét)

Các tùy chọn có sẵn khác nhau tùy theo chế độ chụp.

Chế độ chụp		Chế độ lấy nét
Chế độ sáng tạo	P, S, A, M*	AF-A (mặc định), AF-S, AF-C, MF
Chế độ phim	HD movie (Phim HD)	AF-F (mặc định), AF-S, MF
	Slow motion (Chuyển động chậm)	AF-S (mặc định), MF

* AF-A được sử dụng khi **10 fps (10 khuôn hình trên một giây)** được chọn cho **Continuous (Liên Tục) > Electronic (Hi) (Điện tử (Cao))**, AF-S khi **30 fps (30 khuôn hình trên một giây)** hoặc **60 fps (60 khuôn hình trên một giây)** được chọn.



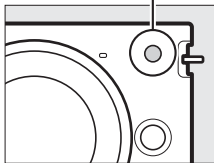
Đèn Chiếu Trợ Giúp Lấy Nét Tự Động

Nếu đối tượng được chiếu sáng kém, đèn chiếu trợ giúp AF sẽ tự động phát sáng để trợ giúp hoạt động lấy nét tự động khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động có trong tất cả các chế độ, ngoại trừ chế độ phim và đèn chỉ chiếu sáng khi:

- **AF-S** được chọn cho chế độ lấy nét hoặc lấy nét tự động đơn được chọn trong chế độ lấy nét **AF-A**,
- **Auto-area (Vùng tự động)** được chọn cho **AF-area mode (Chế độ vùng lấy nét tự động)** (□ 149) hoặc vùng lấy nét trọng tâm (□ 149) được chọn cho **Single-point (Điểm đơn)**, và
- **On (Bật)** được chọn cho **Built-in AF assist (Hỗ trợ lấy nét tự động tích hợp)** trong menu chụp (□ 152).

Thấu kính lớn hơn có thể ngăn chặn tất cả ánh sáng đèn hoặc một phần đối tượng. Tháo bỏ nắp thấu kính khi sử dụng đèn chiếu sáng.

Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động



Xem Thêm

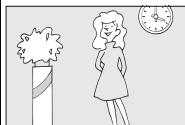
Xem trang 159 để biết thông tin về việc điều khiển tiếng bíp khi máy ảnh lấy nét.



Lấy Nét Tự Động Đạt Chất Lượng Tốt

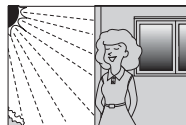
Lấy nét tự động sẽ không hoạt động tốt trong những điều kiện sau. Nhả cửa trập bị tắt nếu máy ảnh không thể lấy nét trong những điều kiện này, hoặc vùng lấy nét được hiển thị bằng màu xanh và máy ảnh sẽ phát ra tiếng bíp, cho phép cửa trập nhả ngay cả khi đối tượng chưa được lấy nét. Trong những trường hợp này, lấy nét bằng tay (☐ 147) hoặc sử dụng khoá lấy nét (☐ 150) để lấy nét trên đối tượng khác cùng khoảng cách và sau đó tạo lại ảnh.

Độ tương phản giữa đối tượng và cảnh nền hầu như không có.



Ví dụ: Đối tượng có cùng màu sắc với nền.

Đối tượng có chứa vùng có độ sáng tương phản sắc nét.



Ví dụ: Đối tượng có một nửa trong bóng râm; cảnh đêm với ánh sáng điểm.

Đối tượng có chứa những vật thể ở các khoảng cách khác nhau so với máy ảnh.



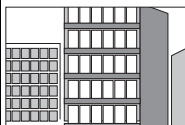
Ví dụ: Đối tượng ở trong lồng.

Các vật thể xung quanh lớn hơn so với đối tượng.

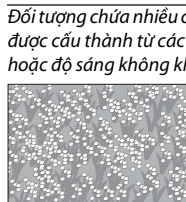


Ví dụ: Một tòa nhà ở trong khuôn hình đằng sau đối tượng.

Đối tượng bị các đường nét hình học thông thường lấn át.



Ví dụ: Bức màn hay song cửa sổ trong một tòa nhà chọc trời.



Ví dụ: Một cánh đồng hoa.

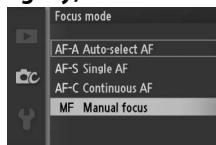


Lấy Nét Bằng Tay

Lấy nét bằng tay có thể được sử dụng khi lấy nét tự động không mang lại các kết quả mong muốn.

1 Làm nổi bật Manual focus (Lấy nét bằng tay).

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật
Manual focus (Lấy nét bằng tay)
(📖 144).



2 Hiện thị hướng dẫn lấy nét bằng tay.

Nhấn  để phóng đại phần xem ở trung tâm của khuôn hình và hiển thị các hướng dẫn lấy nét bằng tay.

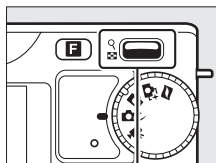


3 Lấy nét.

Xoay đa bộ chọn cho đến khi đối tượng được lấy nét. Xoay đa bộ chọn theo chiều kim đồng hồ để tăng khoảng cách lấy nét, ngược chiều kim đồng hồ để làm giảm; xoay đa bộ chọn càng nhanh thì khoảng cách lấy nét thay đổi càng nhanh. Chỉ báo lấy nét hiển thị khoảng cách lấy nét xấp xỉ. Nhấn  khi đối tượng được lấy nét.

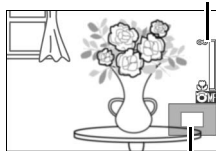
Để phóng to cảnh xem trong màn hình hiển thị lên đến khoảng 10 lần để lấy nét chính xác, nhấn nút . Nhấn , , hoặc  để xem các khu vực của khuôn hình hiện tại không hiển thị trong màn hình hiển thị; phần có thể nhìn thấy được bằng cửa sổ điều hướng. Để thu nhỏ, nhấn  điều khiển xuống.

Multi selector dial
(Đĩa lệnh đa bộ chọn):
Lấy nét



 **điều khiển:** Phóng to hoặc thu nhỏ

Chỉ báo lấy nét



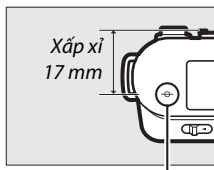
Cửa sổ định hướng

Phim

Cũng có thể sử dụng đa bộ chọn để lựa chọn khoảng cách lấy nét nếu lấy nét bằng tay được chọn trong quá trình quay phim. Xoay đa bộ chọn theo chiều kim đồng hồ để tăng khoảng cách lấy nét, ngược chiều kim đồng hồ để làm giảm; xoay đa bộ chọn càng nhanh thì khoảng cách lấy nét thay đổi càng nhanh.

Vị Trí Mặt Phẳng Tiêu Điểm

Để quyết định khoảng cách giữa đối tượng và máy ảnh, đo từ dấu mặt phẳng tiêu điểm trên thân máy ảnh. Khoảng cách giữa chốt gắn thấu kính và dấu mặt phẳng tiêu điểm là xấp xỉ 17 mm.

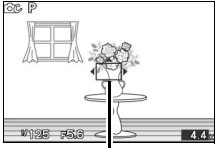
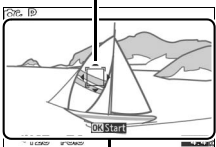


Dấu mặt phẳng tiêu điểm



AF-Area Mode (Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động)

Chọn cách vùng lấy nét cho lấy nét tự động được chọn.

Auto-area [] (Vùng tự động)	Máy ảnh sẽ tự động nhận diện đối tượng và chọn vùng lấy nét.	
Single-point [] (Điểm đơn)	Nhấn để xem màn hình hiển thị lựa chọn vùng lấy nét, sau đó sử dụng đa bộ chọn để định vị vùng lấy nét trên đối tượng của bạn và nhấn ; máy ảnh chỉ lấy nét trên các đối tượng trong vùng lấy nét được chọn. Dùng với đối tượng không chuyển động.	 Vùng lấy nét
Subject tracking (Theo dõi đối tượng)	Nhấn để xem màn hình hiển thị lựa chọn vùng lấy nét, sau đó sử dụng đa bộ chọn để định vị vùng lấy nét trên đối tượng của bạn và nhấn . Vùng lấy nét sẽ dò theo đối tượng khi nó di chuyển qua khu vực được hiển thị ở bên phải. Máy ảnh sẽ lấy nét trên đối tượng được chọn khi nút nhả của trập được nhấn nửa chừng. Để kết thúc theo dõi lấy nét khi chụp xong, nhấn .	Vùng lấy nét  Khu vực theo dõi đối tượng

Theo Dõi Đối Tượng

Máy ảnh không thể theo dõi đối tượng nếu đối tượng di chuyển nhanh, rời khỏi khuôn hình hay bị che khuất bởi các đối tượng khác, thay đổi rõ ràng về kích thước, màu sắc hay độ sáng, hoặc quá nhỏ, quá lớn, quá sáng, quá tối, hay có màu hoặc độ sáng giống với nền.

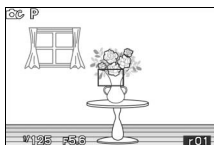


Khóa Lấy Nét

Có thể sử dụng khóa lấy nét để thay đổi việc sáng tác sau khi lấy nét đối tượng ở giữa khuôn hình, cho phép bạn lấy nét đối tượng không nằm ở vị trí trung tâm của sáng tác cuối cùng. Nếu máy ảnh không thể lấy nét bằng cách sử dụng lấy nét tự động (📖 146), bạn cũng có thể lấy nét vào đối tượng khác ở cùng khoảng cách và sau đó sử dụng khóa lấy nét để soạn lại ảnh. Khóa lấy nét hiệu quả nhất khi không lựa chọn **Auto-area (Vùng tự động)** cho **AF-area mode (Chế độ vùng lấy nét tự động)** (📖 149).

1 Lấy nét.

Đặt đối tượng ở trung tâm khuôn hình và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để bắt đầu lấy nét. Kiểm tra để vùng lấy nét được hiển thị bằng màu xanh lá cây. Nếu **AF-S** được chọn cho chế độ lấy nét (📖 144), lấy nét sẽ khóa trong khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.

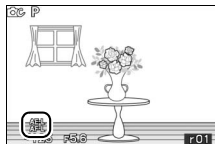


2 Khóa lấy nét.

Cùng với việc nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập, nhấn **▲** (AF-L) để khóa cả lấy nét và phơi sáng (chỉ báo **AE-L/AF-L** sẽ được hiển thị;  125). Lấy nét sẽ vẫn bị khóa trong khi nhấn nút **▲** (AF-L), thậm chí nếu sau đó bạn bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập.

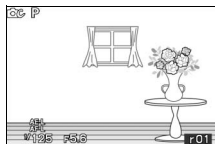
Xem Thêm

Để biết thông tin về việc thay đổi vai trò của nút **▲** (AF-L), xem trên trang 160.



3 Tạo lại bố cục ảnh và chụp.

Lấy nét sẽ vẫn bị khóa giữa các lần chụp nếu bạn giữ nhấn **▲** (AF-L), cho phép một vài bức ảnh được chụp liên tiếp ở thiết lập lấy nét tương tự.



Không thay đổi khoảng cách giữa máy ảnh và đối tượng khi khóa lấy nét còn hiệu lực. Nếu đối tượng di chuyển, lấy nét lại ở khoảng cách mới.



Face-Priority AF (Lấy Nét Tự Động Ưu Tiên Khuôn Mặt)

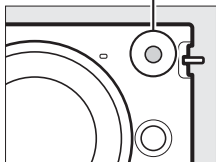
Chọn **On (Bật)** để kích hoạt lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt (📖 24).

Built-in AF Assist (Hỗ trợ lấy nét tự động tích hợp)

Khi **On (Bật)** được chọn và chế độ khác với chế độ phim được chọn, đèn trợ giúp lấy nét tự động gắn sẵn sẽ sáng để chiếu sáng các đối tượng ánh sáng kém nếu:

- **AF-S** được chọn cho chế độ lấy nét (📖 144) hoặc lấy nét tự động đơn được chọn trong **AF-A**, và
- **Auto-area (Vùng lấy nét tự động)** được chọn cho **AF-area mode (Chế độ vùng lấy nét tự động)** (📖 149) hoặc vùng lấy nét trọng tâm được chọn cho **Single-point (Điểm đơn)**.

Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động



Nếu **Off (Tắt)** được chọn, đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động sẽ không sáng để hỗ trợ hoạt động lấy nét. Lấy nét tự động không thể mang lại kết quả mong muốn khi ánh sáng yếu.

Xem Thêm

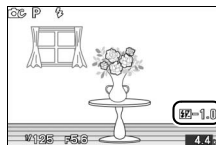
Xem trang 145 để biết thông tin về cách sử dụng đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động. Thông tin về các chế độ có trợ giúp lấy nét tự động có trên trang 53.



Flash Compensation (Bù Đèn Nháy)

Bù đèn nháy được sử dụng để thay đổi công suất đèn nháy từ mức được máy ảnh đề nghị, làm thay đổi độ sáng đối tượng chính tương xứng với nền. Chọn từ giá trị từ -3 EV (tối hơn) đến $+1$ EV (sáng hơn) với gia số $\frac{1}{3}$ EV; nhìn chung, các giá trị dương làm cho đối tượng sáng hơn trong khi các giá trị âm làm cho đối tượng tối hơn.

Biểu tượng  được hiển thị khi bù đèn nháy được bật. Có thể khôi phục công suất đèn nháy bằng cách cài đặt bù đèn nháy về ± 0 . Bù đèn nháy không được cài đặt lại khi máy ảnh tắt.

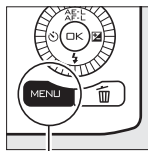




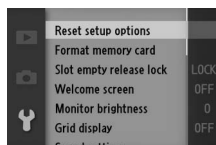


Menu Cài Đặt

Để hiển thị menu cài đặt, nhấn MENU và chọn tab menu cài đặt .



Nút MENU



Menu cài đặt chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả	Mặc định	
Reset setup options (Đặt lại tùy chọn cài đặt)	Đặt lại các tùy chọn menu cài đặt về giá trị mặc định.	—	157
Format memory card (Định dạng thẻ nhớ)	Định dạng thẻ nhớ.	—	157
Slot empty release lock (Khóa nhả khe trống)	Cho phép cửa trập sẽ được nhả ra khi không có thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh.	Release locked (Khóa nhả)	157
Welcome screen (Màn hình chào mừng)	Hiển thị một thông điệp chào mừng lúc khởi động.	Off (Tắt)	158
Monitor brightness (Độ sáng màn hình)	Điều chỉnh độ sáng màn hình.	0	158
Grid display (Hiển thị lưới)	Hiển thị lưới khuôn hình.	Off (Tắt)	158
Sound settings (Thiết lập âm thanh)	Chọn âm thanh sử dụng trong quá trình chụp.	Autofocus/self-timer (Lấy nét tự động/tự hẹn giờ): Bật Shutter (Cửa trập): Bật	159



Tùy chọn	Mô tả	Mặc định	
Auto power off (Tự động tắt nguồn)	Chọn độ trễ tắt nguồn tự động.	30 s (30 giây)	159
Remote on duration (Chụp từ xa theo thời lượng)	Chọn thời gian máy ảnh đợi tín hiệu từ điều khiển từ xa.	5 min (5 phút)	160
Assign AE/AF-L button (Gán nút AE/AF-L)	Chọn vai trò cho nút  (AE-L).	AE/AF lock (Khóa AE/AF)	160
Shutter button AE lock (Khóa AE nút cửa trập)	Khóa lấy nét khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.	Off (Tắt)	160
HDMI device control (Điều khiển thiết bị HDMI)	Chọn điều khiển từ xa cho các thiết bị HDMI-CEC mà máy ảnh được kết nối có thể được sử dụng để vận hành máy ảnh.	On (Bật)	89
Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)	Giảm nhấp nháy hoặc dài.	—	161
Reset file numbering (Cài đặt lại số tập tin)	Cài đặt lại số tập tin.	—	161
Time zone and date (Múi giờ và ngày)	Cài đặt đồng hồ máy ảnh.	Daylight saving time (Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày): Off (Tắt)	162
Language (Ngôn Ngữ)	Chọn ngôn ngữ cho màn hình hiển thị của máy ảnh.	—	162
Auto image rotation (Tự động xoay hình ảnh)	Ghi hướng máy ảnh với hình ảnh.	On (Bật)	163
Pixel mapping (Bản đồ điểm ảnh)	Kiểm tra và tối ưu hóa cảm biến hình ảnh của máy ảnh và các bộ xử lý hình ảnh.	—	164
Firmware version (Phiên bản vi chương trình)	Hiển thị phiên bản vi chương trình máy ảnh hiện hành.	—	164



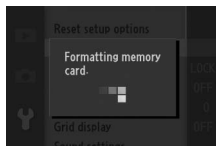
Reset Setup Options (Đặt Lại Tùy Chọn Cài Đặt)

Lựa chọn **Yes (Có)** để cài đặt lại tất cả các tùy chọn menu cài đặt khác ngoài **Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)**, **Time zone and date (Múi giờ và ngày)** và **Language (Ngôn ngữ)** sang các giá trị mặc định.

Format Memory Card (Định Dạng Thẻ Nhớ)

Lựa chọn **Yes (Có)** để định dạng thẻ nhớ. *Lưu ý rằng điều này sẽ xóa vĩnh viễn tất cả các dữ liệu trên thẻ, bao gồm cả hình ảnh được bảo vệ*; trước khi tiếp tục, hãy chắc chắn để sao chép hình ảnh và dữ liệu quan trọng khác vào máy tính (📖 83). Để thoát mà không định dạng thẻ nhớ, làm nổi bật **No (Không)** và nhấn **OK**.

Thông báo được hiển thị ở bên phải trong khi thẻ được định dạng; *không tháo thẻ nhớ hoặc loại bỏ hoặc ngắt kết nối nguồn điện cho đến khi định dạng hoàn tất*.



Slot Empty Release Lock (Khóa Nhả Khe Trống)

Nếu **Enable release (Bật nhả)** được chọn, cửa trập có thể được nhả ra khi không có thẻ nhớ được lắp. Không có hình ảnh nào được ghi lại, mặc dù chúng sẽ được hiển thị trong chế độ mẫu. Chọn **Release locked (Nhả khóa)** để chỉ kích hoạt cửa trập khi thẻ được lắp vào.



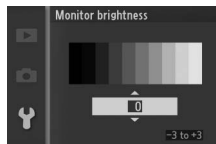
Welcome Screen (Màn Hình Chào Mừng)

Nếu **On (Bật)** được chọn, thì thông báo ở bên phải sẽ được hiển thị dù máy có được bật hay không.



Monitor Brightness (Độ Sáng Màn Hình)

Làm nổi bật **Monitor brightness (Độ sáng màn hình)** và nhấn ►. Sau đó có thể điều chỉnh độ sáng bằng cách nhấn ▲ hoặc ▼; chọn giá trị cao hơn cho độ sáng cao hơn, giá trị thấp hơn cho độ sáng thấp hơn.



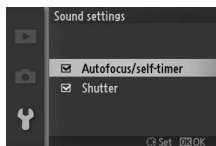
Grid Display (Hiển Thị Lưới)

Chọn **On (Bật)** để hiển thị lưới khuôn hình (📖 5).



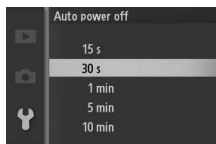
Sound Settings (Thiết Lập Âm Thanh)

Làm nổi bật các mục và nhấn ► để chọn hoặc bỏ chọn. Nếu **Autofocus/self-timer (Lấy nét tự động/tự hẹn giờ)** được chọn, âm thanh bíp được phát ra khi máy ảnh lấy nét và trong quá trình tự hẹn giờ và chụp ảnh điều khiển từ xa; để tắt tiếng bíp, bỏ chọn khỏi mục này. Lựa chọn **Shutter (Cửa trập)** để phát âm thanh khi cửa trập được nhả, hoặc bỏ chọn khỏi mục này để tắt âm của cửa trập. Nhấn **OK** để thoát khi thiết lập xong.



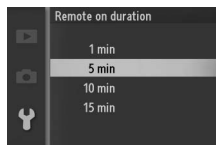
Auto Power Off (Tự Động Tắt Nguồn)

Chọn độ dài thời gian màn hình hiển thị vẫn bật khi không có thao tác nào được thực hiện (17). Chọn độ trễ ngắn hơn để giảm tiêu hao pin. Một khi màn hình hiển thị đã tắt, có thể kích hoạt bằng cách thao tác với các nút máy ảnh hoặc đĩa lệnh chế độ.



Remote on Duration (Chụp Từ Xa Theo Thời Lượng)

Chọn thời gian máy ảnh vẫn hoạt động trong khi chờ tín hiệu từ điều khiển từ xa (📖 57). Chọn độ trễ ngắn hơn để giảm tiêu hao pin. Lưu ý rằng chế độ điều khiển từ xa phải được chọn lại một khi bộ đếm thời gian đã hết hạn.



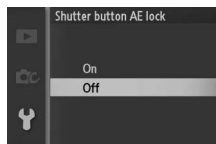
Assign AE/AF-L Button (Gán Nút AE/AF-L)

Chọn nút ▲ (AE-L) để khóa cả lấy nét và phơi sáng (**AE/AF lock (khóa AE/AF)**), chỉ phơi sáng (**AE lock only (Chỉ khóa AE)**), hoặc chỉ lấy nét (**AF lock only (Chỉ khóa AF)**). Khóa lấy nét được mô tả trên trang 150, khóa phơi sáng trên trang 125.



Shutter Button AE Lock (Khóa AE Nút Cửa Trập)

Nếu **On (Bật)** được chọn, phơi sáng sẽ khóa trong khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.



Flicker Reduction (Giảm Nhấp Nháy)

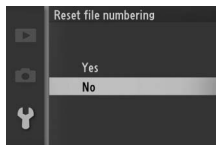
Giảm nhấp nháy và dải trong màn hình hiển thị và trong các phim trong khi chụp dưới đèn huỳnh quang hoặc đèn thủy ngân. Chọn tần số phù hợp với lưới điện xoay chiều tại địa phương.

Giảm Nhấp Nháy

Nếu không chắc chắn về tần số lưới điện ở địa phương, kiểm tra cả hai và chọn phương án hiệu quả nhất. Giảm nhấp nháy không thể tạo được các kết quả mong muốn nếu đối tượng rất sáng, trong trường hợp này bạn nên chọn **A Aperture-priority auto (Tự động ưu tiên độ mở ống kính)** hoặc **M Manual (Bằng tay)** cho **Exposure mode (Chế độ phơi sáng)** và chọn độ mở ống kính nhỏ hơn (số f lớn hơn).

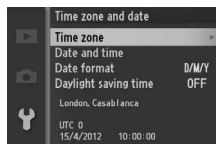
Reset File Numbering (Cài Đặt Lại Số Tập Tin)

Khi ảnh được chụp hoặc phim được ghi, máy ảnh đặt tên các tập tin bằng cách thêm một vào số của tập tin trước (📖 120). Nếu thư mục hiện thời được đánh số đến 999 và chứa hoặc là 999 tấm ảnh hoặc một bức ảnh được đánh số 9999, thì nút nhả cửa trập sẽ bị khóa lại và không tấm ảnh nào được chụp thêm. Để thiết lập lại số tập tin về 0001, chọn **Yes (Có)** cho **Reset file numbering (Cài đặt lại số tập tin)** và sau đó định dạng thẻ nhớ hiện tại hoặc lắp thẻ nhớ mới.



Time Zone and Date (Múi Giờ và Ngày)

Thay đổi múi giờ, cài đặt đồng hồ máy ảnh, chọn thứ tự hiển thị ngày, bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày (📖 18).



Time zone (Múi giờ)	Chọn múi giờ. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động thiết lập thời gian theo múi giờ mới.
Date and time (Ngày và thời gian)	Cài đặt đồng hồ máy ảnh.
Date format (Định dạng ngày)	Chọn thứ tự hiển thị ngày, tháng, năm.
Daylight saving time (Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày)	Bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động chỉnh sớm hơn hoặc chậm lại một giờ. Cài đặt mặc định là Off (Tắt) .

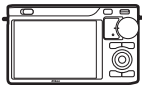
Language (Ngôn ngữ)

Chọn ngôn ngữ cho các thông báo của máy ảnh và màn hình hiển thị.

Čeština	Tiếng Séc	Português	Tiếng Bồ Đào Nha
Dansk	Tiếng Đan Mạch	Русский	Tiếng Nga
Deutsch	Tiếng Đức	Română	Tiếng Rumani
English	Tiếng Anh	Suomi	Tiếng Phần Lan
Español	Tiếng Tây Ban Nha	Svenska	Tiếng Thụy Điển
Ελληνικά	Tiếng Hy Lạp	Türkçe	Thổ Nhĩ Kỳ
Français	Tiếng Pháp	Українська	Tiếng Ukraina
Indonesia	Tiếng In-đô-nê-xi-a	عربي	Tiếng Ả Rập
Italiano	Tiếng Ý	简体中文	Tiếng Hoa giản thể
Magyar	Tiếng Hungari	繁體中文	Tiếng Hoa phồn thể
Nederlands	Tiếng Hà Lan	日本語	Tiếng Nhật
Norsk	Tiếng Na Uy	한국어	Tiếng Hàn Quốc
Polski	Tiếng Ba Lan	ภาษาไทย	Tiếng Thái

Auto Image Rotation (Tự Động Xoay Hình Ảnh)

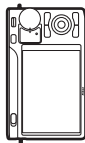
Những bức ảnh chụp khi chọn **On (Bật)** có chứa thông tin về hướng máy ảnh, cho phép xoay tự động trong khi phát lại hoặc khi xem trong ViewNX 2 hay trong Capture NX 2 (có riêng;  166). Các hướng sau được ghi:



Hướng phong cảnh
(rộng)



Máy ảnh xoay 90° theo
chiều kim đồng hồ



Máy ảnh xoay 90°
ngược chiều kim đồng
hồ

Hướng máy ảnh không được ghi khi chọn **Off (Tắt)**. Chọn mục này khi quét hay chụp ảnh với thấu kính hướng lên hay xuống.

Tự Động Xoay Hình Ảnh

Hướng ảnh không được ghi lại cho các phim, Chụp Nhanh Chuyển Động hoặc ảnh toàn cảnh.

Xoay Dọc

Để tự động xoay “dọc” (hướng chân dung) ảnh để hiển thị khi phát lại, chọn **On (Bật)** ở tùy chọn **Rotate tall (Xoay dọc)** trong menu phát lại ( 100).



Pixel Mapping (Bản Đồ Điểm Ảnh)

Kiểm tra và tối ưu hóa cảm biến hình ảnh máy ảnh và các bộ xử lý hình ảnh nếu bạn thấy có các điểm sáng không mong muốn trong hình ảnh của bạn (lưu ý rằng máy ảnh đi kèm với cảm biến và bộ vi xử lý đã được tối ưu hóa). Trước khi thực hiện lập bản đồ điểm ảnh như mô tả dưới đây, hãy kiểm tra để pin được sạc đầy.

1 Lắp thấu kính và nắp thấu kính.

Tắt máy ảnh và lắp thấu kính 1 NIKKOR. Không tháo nắp thấu kính.

2 Chọn Pixel mapping (Bản đồ điểm ảnh).

Bật máy ảnh, nhấn MENU, và chọn **Pixel mapping (Bản đồ điểm ảnh)** trong menu cài đặt.

3 Chọn Yes (Có).

Bản đồ điểm ảnh sẽ bắt đầu ngay lập tức. Lưu ý rằng không thể thực hiện được các hoạt động khác trong khi bản đồ điểm ảnh đang được sử dụng. *Không tắt máy ảnh hoặc tháo hay ngắt kết nối nguồn điện cho đến khi bản đồ điểm ảnh được hoàn tất.*

4 Tắt máy ảnh.

Tắt máy ảnh khi bản đồ điểm ảnh được hoàn tất.

Firmware Version (Phiên Bản Vi Chương Trình)

Xem phiên bản vi chương trình hiện hành.





Chú Ý Kỹ Thuật

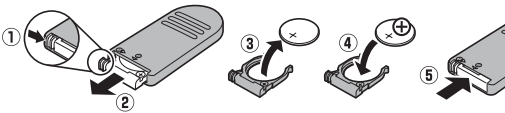
Đọc chương này để có thêm thông tin về phụ kiện tương thích, vệ sinh và lưu giữ máy ảnh, và những điều cần thực hiện khi một thông báo lỗi được hiển thị hoặc bạn gặp vấn đề trong việc sử dụng máy ảnh.

Phụ Kiện Tùy Chọn

Tại thời điểm viết bài, những phụ kiện sau đã có sẵn cho máy ảnh của bạn.

Thấu kính	Thấu kính móc gắn 1  Thấu kính số f Số f trong tên thấu kính là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.
Bộ nối móc gắn	Bộ nối móc gắn FT1: FT1 cho phép thấu kính móc gắn F NIKKOR được sử dụng với các máy ảnh số định dạng thấu kính có thể đổi cho nhau Nikon 1. Góc xem của thấu kính móc gắn F gắn trên FT1 tương đương với góc xem của thấu kính định dạng 35 mm với tiêu cự khoảng dài hơn 2,7 lần. Xem trang 199 để biết thông tin về cách sử dụng FT1. Để biết thông tin về gắn FT1 và để phòng khi sử dụng, xem <i>Tài Liệu Hướng Dẫn Người Dùng Bộ Nối Móc Gắn FT1</i> . Để biết thông tin về các thấu kính có thể được sử dụng, xem <i>Thấu Kính Móc Gắn F NIKKOR Tương Thích</i> . <i>Tài Liệu Hướng Dẫn Người Dùng Bộ Nối Móc Gắn FT1</i> và <i>Thấu Kính Móc Gắn F NIKKOR Tương Thích</i> được đi kèm với FT1.



Các nguồn điện	• Pin Sạc Li-ion EN-EL20 (□ 11–13): Pin EN-EL20 bổ sung có sẵn tại các nhà bán lẻ và đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền ở địa phương. • Bộ Sạc Pin MH-27 (□ 11): Sạc pin EN-EL20. • Đầu Nối Nguồn EP-5C, Bộ Đổi Điện AC EH-5b: Những phụ kiện này có thể được sử dụng cấp nguồn cho máy ảnh để kéo dài thời gian sử dụng (bộ đổi điện EH-5a và EH-5 AC cũng có thể được sử dụng). Cần có đầu nối nguồn EP-5C để kết nối máy ảnh với EH-5b, EH-5a hoặc EH-5; xem trang 170 để biết thông tin chi tiết.
Các bộ điều khiển từ xa	Điều Khiển Từ Xa Không Dây ML-L3 (□ 57): ML-L3 sử dụng pin 3 V CR2025.  Đẩy chốt nắp khoang pin sang phải (①), luồn móng tay vào khe trống và mở nắp khoang pin (②). Hãy chắc chắn rằng pin được lắp đúng hướng (④).
Phần mềm	Capture NX 2: Một gói chỉnh sửa ảnh hoàn thiện có những chức năng như điều chỉnh độ cân bằng trắng và kiểm soát các điểm màu. Chú ý: Để sử dụng phiên bản phần mềm Nikon mới nhất; truy cập các trang web được nêu ở trang xvii để có thông tin mới nhất đối với các hệ điều hành được hỗ trợ. Ở các cài đặt mặc định, Trung Tâm Thông Báo Nikon 2 sẽ kiểm tra định kỳ các bản cập nhật Capture NX 2 và vi chương trình, phần mềm Nikon khác khi bạn đăng nhập vào một tài khoản trên máy tính và máy tính được kết nối với Internet. Tự động hiển thị thông báo khi phát hiện cập nhật.

Nắp thân máy	Nắp thân máy BF-N1000: Nắp thân máy giữ cho màng chắn bụi không bị dính bụi khi không gắn thấu kính.
Adaptơ giá ba chân	Adaptơ giá ba chân TA-N100: Ngăn chặn thấu kính lớn tiếp xúc với đầu giá ba chân khi máy ảnh được lắp trên giá ba chân. Lắp TA-N100 1 Gắn TA-N100 vào máy ảnh. Sau khi tắt máy ảnh, lắp TA-N100 vào lỗ giá ba chân máy ảnh (1) và giữ cho phần nhô ra trên TA-N100 thẳng hàng với mặt trước máy ảnh, xoay vít theo hướng như trong hình (2) để siết chặt TA-N100 vào vị trí. 2 Lắp giá ba chân. Lắp giá ba chân (mua riêng của nhà cung cấp bên thứ ba) vào TA-N100 (3). Giữ máy ảnh trong khi siết giá ba chân để đảm bảo giá ba chân được lắp chặt.

Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt

Các thẻ nhớ sau đây đã được kiểm tra và phê duyệt cho việc sử dụng với máy ảnh. Thẻ nhớ với tốc độ ghi cấp 6 hoặc nhanh hơn được khuyến dùng cho việc quay phim. Quá trình quay có thể kết thúc đột ngột nếu sử dụng thẻ có tốc độ chậm hơn.

	Thẻ SD	Thẻ SDHC ²	Thẻ SDXC ³
SanDisk	2 GB ¹	4 GB, 8 GB, 16 GB, 32 GB	64 GB
Toshiba			48 GB, 64 GB
Panasonic			
Lexar Media	—	4 GB, 8 GB, 16 GB	—
Platinum II		4 GB, 8 GB, 16 GB, 32 GB	
Professional			
Phim HD		4 GB, 8 GB, 16 GB	

- 1 Kiểm tra để chắc chắn rằng mọi đầu đọc thẻ hoặc các thiết bị khác được sử dụng cùng với thẻ có hỗ trợ thẻ 2 GB.
- 2 Kiểm tra để chắc chắn rằng mọi đầu đọc thẻ hoặc các thiết bị khác được sử dụng cùng với thẻ có hỗ trợ chuẩn SDHC. Máy ảnh hỗ trợ UHS-1.
- 3 Kiểm tra để chắc chắn rằng mọi đầu đọc thẻ hoặc các thiết bị khác được sử dụng cùng với thẻ có hỗ trợ chuẩn SDXC. Máy ảnh hỗ trợ UHS-1.

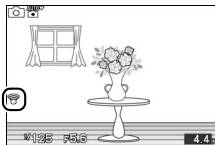


Các thẻ khác chưa được kiểm tra. Để biết thêm chi tiết về các loại thẻ phía trên, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất.

Thẻ Eye-Fi Đã Được Phê Duyệt

Khi lắp vào máy ảnh, có thể sử dụng các thẻ Eye-Fi để tải ảnh vào một vị trí chọn trước. Tính đến tháng Năm năm 2012, máy ảnh hỗ trợ các thẻ 8 GB Pro X2 SDHC. Thẻ Eye-Fi chỉ được sử dụng ở tại quốc gia mua theo quy định của địa phương. Thẻ Eye-Fi có thể không sẵn có tại một số quốc gia hay khu vực; tham khảo ý kiến nhà sản xuất để biết thêm thông tin. Hãy đảm bảo là vi chương trình thẻ Eye-Fi được cập nhật phiên bản mới nhất.

Biểu tượng  được hiển thị khi thẻ Eye-Fi được lắp vào.



Thẻ Eye-Fi

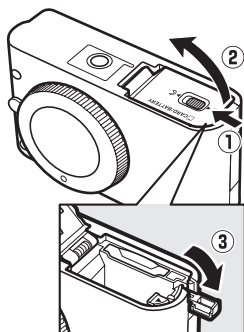
Lưu ý rằng ảnh sẽ không được tải lên nếu cường độ tín hiệu không đủ. Tại các địa điểm cấm sử dụng các thiết bị không dây, hãy tắt máy ảnh và tháo thẻ. Xem hướng dẫn kèm theo thẻ Eye-Fi, và nếu có bất kỳ thắc mắc nào vui lòng liên hệ trực tiếp nhà sản xuất.

Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC

Tắt máy ảnh trước khi gắn đầu nối nguồn và bộ đổi điện AC tùy chọn.

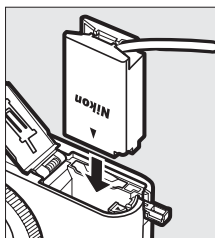
1 Chuẩn bị sẵn sàng máy ảnh.

Mở nắp khoang pin và nắp đầu nối nguồn.



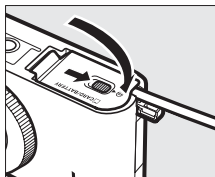
2 Lắp đầu nối nguồn EP-5C.

Nhớ lắp đầu nối chính xác theo hướng như trong ảnh, sử dụng đầu nối để giữ cho chốt pin màu cam được đẩy sang một bên. Chốt sẽ giữ cho đầu nối ở đúng vị trí khi đầu nối được lắp hoàn chỉnh.



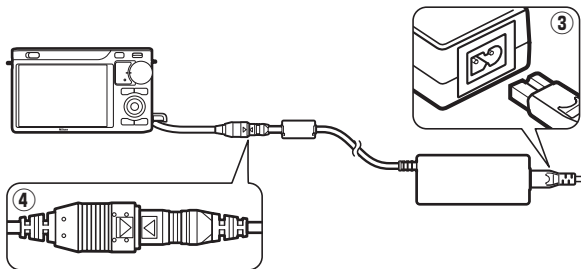
3 Đóng nắp khoang pin.

Đặt cáp đầu nối nguồn sao cho nó đi xuyên qua khe cắm đầu nối nguồn và đóng nắp khoang pin.



4 Kết nối bộ đổi điện AC.

Kết nối cáp nguồn bộ đổi điện AC với hốc AC trên bộ đổi điện AC (③) và cáp nguồn EP-5C vào hốc DC (④). Biểu tượng  sẽ được hiển thị trên màn hình khi máy ảnh được cấp nguồn bởi bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn.



Bảo Quản và Vệ Sinh

Bảo quản

Nếu không sử dụng máy ảnh trong thời gian dài, hãy tháo pin ra và cất giữ pin ở nơi mát mẻ, khô ráo với nắp phủ đầu cuối ở đúng vị trí. Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Không được cất giữ máy ảnh cùng với hoặc viên long não hoặc naptalin chống côn trùng tại các vị trí:

- không thông thoáng hoặc có độ ẩm trên 60%
- ở gần thiết bị tạo ra vùng từ trường mạnh, như TV hoặc ra-đi-ô
- tiếp xúc với nhiệt độ trên 50°C hoặc dưới -10°C

Lau chùi

Thân máy ảnh	Sử dụng máy thổi để loại bỏ bụi và vãi vụn, sau đó nhẹ nhàng lau bằng khăn khô mềm. Sau khi sử dụng máy ảnh tại bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối với một chiếc khăn được thấm nhẹ nước cất và làm khô hoàn toàn. Quan trọng: <i>Bụi hoặc các vật chất từ bên ngoài lọt vào trong máy ảnh có thể gây ra các tổn hại không được hưởng bảo hành.</i>
Thấu kính	Thấu kính dễ bị hỏng. Loại bỏ bụi và vãi vụn bằng máy thổi. Nếu sử dụng máy thổi dạng phun, giữ chiếc bình đứng thẳng để tránh lọt chất lỏng ra ngoài. Để loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, thấm một lượng nhỏ nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.
Màn hình	Loại bỏ bụi và vãi vụn bằng máy thổi. Khi loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, lau phần bề mặt nhẹ nhàng bằng vải mềm hoặc da dê. Không được tì mạnh, bởi điều này có thể dẫn đến tổn hại hoặc trục trặc.
Màng chắn bụi	Màng chắn bụi dễ bị hỏng. Loại bỏ bụi và vãi vụn bằng máy thổi.

Không sử dụng rượu, chất tẩy rửa, hoặc các hóa chất dễ bay hơi khác.



Chăm Sóc Máy Ảnh và Pin: Cảnh báo

Không được làm rơi: Sản phẩm có thể gặp trục trặc nếu bị rung hoặc va đập mạnh.

Giữ khô ráo: Sản phẩm này không có khả năng chống nước, và có thể gặp trục trặc nếu bị ngâm nước hoặc tiếp xúc với độ ẩm cao. Máy móc bên trong bị han rỉ có thể dẫn đến tổn hại không thể khắc phục được.

Tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột: Thay đổi nhiệt độ đột ngột, như các trường hợp xảy ra khi ra vào các tòa nhà được sưởi ấm trong ngày lạnh, có thể dẫn đến tình trạng đóng hơi nước bên trong thiết bị. Để tránh đóng hơi nước, đặt thiết bị trong hộp cầm hoặc túi nhựa trước khi để chúng gặp tình trạng thay đổi nhiệt độ đột ngột.

Đề xa các vùng từ trường mạnh: Không được dùng hoặc cất giữ thiết bị này trong vùng lân cận của các thiết bị tạo ra vùng bức xạ điện từ hoặc từ trường mạnh. Vùng điện tích mạnh hoặc vùng từ trường tạo ra bởi các thiết bị như bộ truyền tín hiệu ra-đi-ô có thể can thiệp vào màn hình, làm tổn hại dữ liệu lưu trong thẻ nhớ, hoặc gây ảnh hưởng tới mạch điện bên trong sản phẩm.

Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời: Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời hoặc các nguồn sáng mạnh khác trong thời gian dài. Ánh sáng quá mạnh có thể làm cho bộ phận cảm biến hình ảnh hư hỏng hoặc tạo ra hiệu ứng che mờ trắng trong các bức ảnh.

Đậy bộ phận gắn thấu kính: Chắc chắn phải lắp nắp thân máy nếu máy ảnh không có thấu kính.

Không được chạm vào màng chắn bụi: Màng chắn bụi đậy cảm biến hình ảnh dễ bị hư hỏng. Trong mọi trường hợp, không được để lực lên màng chắn hoặc dùng dụng cụ vệ sinh để chọc vào. Những việc này có thể làm xước hoặc làm hỏng màng chắn.

Tắt sản phẩm trước khi gỡ hoặc ngắt kết nối nguồn điện: Không được ngắt nguồn hoặc gỡ pin khi sản phẩm đang bật hoặc khi hình ảnh đang được ghi lại hoặc xóa bỏ. Ngắt nguồn điện cưỡng bức trong các trường hợp này có thể làm mất dữ liệu hoặc gây tổn hại cho bộ nhớ hoặc mạch điện bên trong của sản phẩm. Để phòng ngừa việc gián đoạn nguồn điện bất ngờ, tránh đưa sản phẩm từ nơi này sang nơi khác khi bộ đổi điện AC đang được kết nối.



Lau chùi: Khi lau chùi thân máy ảnh, sử dụng máy thổi để nhẹ nhàng loại bỏ bụi bẩn, sau đó lau nhẹ nhàng với khăn khô mềm. Sau khi sử dụng máy ảnh tại bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối với một chiếc khăn được thấm nhẹ nước sạch và sau đó làm khô hoàn toàn máy ảnh.

Thấu kính dễ bị hỏng. Bụi bẩn nên được loại bỏ nhẹ nhàng bằng máy thổi. Khi sử dụng máy thổi dạng phun, giữ chiếc bình đứng thẳng để tránh lọt chất lỏng ra ngoài. Để loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, thấm một lượng nhỏ nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.

Lưu trữ: Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, ngắt bộ đổi điện nhằm tránh cháy nổ. Nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài, tháo pin nhằm tránh rò rỉ và cất giữ máy ảnh trong một túi nhựa có chứa chất chống ẩm. Tuy nhiên, không bao giờ được cất giữ hộp máy ảnh trong một túi nhựa, bởi vì việc này có thể làm hư hỏng các chất liệu. Lưu ý rằng chất chống ẩm đó sẽ dần dần mất khả năng hút ẩm và nên được thay thế đều đặn.

Để tránh ẩm mốc, lấy máy ảnh ra khỏi nơi cất giữ ít nhất mỗi tháng một lần. Bật máy ảnh và nhả nút trập vài lần trước khi cất.

Cất giữ pin ở nơi mát mẻ, khô ráo. Lắp lại nắp phủ đầu cuối trước khi cất pin.

Lưu ý về màn hình: Màn hình được chế tạo với độ chính xác rất cao; ít nhất 99,99% điểm ảnh có hiệu quả, không nhiều hơn 0,01% là bị thiếu hoặc bị lỗi. Do đó dù các màn hình này có thể chứa các điểm ảnh luôn sáng (trắng, đỏ, xanh da trời, hoặc xanh lá cây) hoặc luôn tắt (màu đen) thì đây cũng không phải là sự cố và không ảnh hưởng tới hình ảnh được ghi bằng máy.

Ảnh trên màn hình có thể khó nhìn trong ánh sáng chói.

Không được tì vào màn hình hiển thị, bởi vì điều này có thể gây tổn hại hoặc trục trặc. Bụi bẩn trên màn hình hiển thị có thể được loại bỏ bằng máy thổi. Các vết bẩn có thể được loại bỏ bằng cách lau nhẹ với khăn mềm hoặc da dê. Nếu màn hình bị vỡ, phải cẩn thận để tránh bị thương do kính vỡ gây ra và để phòng ngừa chất tinh thể lỏng từ màn hình hiển thị chạm vào da hoặc rơi vào mắt hoặc miệng.



Nhòe: Nhòe là kiểu nhiễu do việc tương tác hình ảnh chứa lưới lặp lại, thường xuyên tạo ra, chẳng hạn như hoa văn dệt trên vải hay cửa sổ tòa nhà, với lưới cảm biến hình ảnh của máy ảnh. Trong một số trường hợp, có thể xuất hiện ở dạng các đường thẳng. Nếu bạn nhận thấy nhòe trong các bức ảnh, hãy thử thay đổi khoảng cách đến đối tượng, phóng to thu nhỏ, hoặc thay đổi góc giữa đối tượng và máy ảnh.

Đường thẳng: Nhiễu ở dạng các đường thẳng trong trường hợp hiếm hoi xuất hiện trong ảnh của các đối tượng quá sáng hoặc đối tượng bị ngược sáng.

Pin: Pin có thể bị rò rỉ hoặc phát nổ nếu không xử lý đúng cách. Tuân thủ các nguyên tắc phòng ngừa sau khi xử lý pin:

- Chỉ sử dụng pin được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.
- Không được để pin tiếp xúc với lửa hoặc nhiệt độ quá cao.
- Giữ cực pin sạch sẽ.
- Tắt sản phẩm trước khi thay pin.
- Tháo pin ra khỏi máy ảnh hoặc bộ sạc khi không sử dụng và lắp lại nắp phủ đầu cuối. Các thiết bị này tiêu hao một lượng pin nhỏ ngay cả khi đang tắt và có thể làm pin hao đến mức không thể hoạt động nữa. Nếu không sử dụng pin trong một thời gian dài, lắp nó vào máy ảnh và xả hết pin trước khi tháo và lưu giữ tại nơi có nhiệt độ xung quanh từ 15 đến 25 °C (tránh các nơi nóng hoặc quá lạnh). Lắp lại quy trình này ít nhất sáu sáu tháng một lần.
- Việc bật tắt máy ảnh liên tục khi pin đã xả hết sẽ rút ngắn tuổi thọ pin. Pin đã xả hết phải được sạc trước khi sử dụng.
- Nhiệt độ bên trong pin có thể tăng lên khi pin được sử dụng. Cố gắng sạc pin khi nhiệt độ bên trong tăng cao sẽ làm suy yếu hiệu suất pin, và pin có thể không được sạc hoặc chỉ sạc một phần. Đợi pin nguội trước khi sạc.
- Tiếp tục sạc pin sau khi nó được sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.



- Sự suy giảm đáng kể trong thời gian sử dụng của một viên pin đã được sạc đầy đến khi cần sạc trong nhiệt độ phòng là dấu hiệu rằng nó cần được thay thế. Mua pin EN-EL20 mới.
- Sạc pin trước khi sử dụng. Khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng, hãy chuẩn bị sẵn sàng pin EN-EL20 dự phòng được sạc đầy sẵn. Tùy thuộc vào vị trí của bạn, việc mua pin thay thế trong thời gian ngắn có thể gặp khó khăn. Lưu ý rằng vào những ngày lạnh, dung lượng pin có xu hướng giảm. Nhớ sạc đầy pin trước khi chụp ảnh bên ngoài trong thiết lạnh. Giữ pin dự phòng tại nơi ấm và hoán đổi hai pin khi cần. Khi đã được làm ấm, một viên pin lạnh có thể phục hồi một chút điện.
- Pin đã qua sử dụng là nguồn tài nguyên có giá trị; tái chế chúng theo quy định của địa phương.

Bảo Dưỡng Máy Ảnh và Phụ Kiện

Máy ảnh là thiết bị chính xác nên cần bảo dưỡng thường xuyên. Nikon khuyến cáo máy ảnh được kiểm tra bởi nhà bán lẻ ban đầu hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền từ một đến hai năm một lần, và cần được bảo dưỡng sau mỗi ba đến năm năm (lưu ý có thể phải trả phí cho các dịch vụ này). Kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên được khuyến nghị nếu máy ảnh được sử dụng chuyên nghiệp. Nên kiểm tra hoặc bảo dưỡng bất kỳ phụ kiện nào thường xuyên được sử dụng với máy ảnh, chẳng hạn như các ống kính, bộ đèn nháy tùy chọn khi kiểm tra và bảo dưỡng máy ảnh.



Mặc Định

Mặc định cho các tùy chọn phát lại, chụp, và menu thiết lập có thể được tìm thấy lần lượt trên các trang 97, 107 và 155. Mặc định cho các thiết lập khác được liệt kê dưới đây.

Tùy chọn	Mặc định
Vùng lấy nét (□ 149)	Trung tâm ¹
Chương trình linh động (□ 112)	Tắt
Khóa tự động phơi sáng (□ 125)	Tắt
Khóa lấy nét (□ 150)	Tắt
Self-timer (Tự hẹn giờ) (□ 57)	Tắt
Exposure compensation (Bù phơi sáng) (□ 60)	0,0
Flash mode (Chế độ đèn nháy) (□ 62)	Đèn nháy làm đầy ²
Movie mode (Chế độ phim) (□ 41)	HD movie (Phim HD)
Theme (Chủ đề) (□ 51)	Beauty (Nét đẹp)
Picture Control settings (Cài đặt Picture Control) (□ 132)	Chưa điều chỉnh

1 Không được hiển thị khi **Auto-area (vùng tự động)** được chọn cho **AF-area mode (Chế độ vùng lấy nét tự động)**.

2 Chế độ đèn nháy cho chế độ sáng tạo **Night portrait (Chân dung đêm)** (□ 28) mặc định sang giảm mắt đỏ.



Dung Lượng Thẻ Nhớ

Bảng sau cho biết số ảnh hoặc mức cảnh phim được lưu trữ trên thẻ 16 GB Toshiba SD-E016GUX UHS-I SDHC ở các cài đặt chất lượng hình ảnh, kích cỡ và phim khác nhau. Tất cả số liệu là gần đúng; kích cỡ tập tin khác nhau theo cảnh quay.

■ Chế Độ Chụp Ảnh Tự Động

Image quality (Chất lượng hình ảnh) (□ 118)	Image size (Cỡ hình ảnh) (□ 119)	Dung lượng tập tin	Số lượng ảnh	Dung lượng đệm ¹
NEF (RAW) + JPEG fine	3872×2592	23,9 MB	659	19
(NEF (RAW) + JPEG nét) ²	2896×1944	21,4 MB	736	19
	1936×1296	19,6 MB	804	19
NEF (RAW)	—	17,1 MB	922	19
JPEG fine	3872×2592	6,8 MB	2300	28
(JPEG nét)	2896×1944	4,3 MB	3600	34
	1936×1296	2,5 MB	6200	46
JPEG normal	3872×2592	3,4 MB	4500	38
(JPEG bình thường)	2896×1944	2,2 MB	7100	46
	1936×1296	1,3 MB	11900	65
JPEG basic	3872×2592	1,8 MB	8900	53
(JPEG cơ bản)	2896×1944	1,1 MB	13900	65
	1936×1296	0,7 MB	22800	88

1 Số lượng ảnh tối đa có thể lưu trong bộ nhớ đệm với ISO 100.

2 Cỡ hình ảnh chỉ áp dụng cho các ảnh JPEG. Không thể thay đổi cỡ hình ảnh NEF (RAW). Kích thước tập tin là kích thước tổng cộng cho ảnh NEF (RAW) và JPEG.



■ Chế Độ Sáng Tạo (Bao Gồm Toàn Cảnh Dễ Dàng)

Image quality (Chất lượng hình ảnh) (□ 118)	Image size (Cỡ hình ảnh) (□ 119)	Dung lượng tập tin	Số lượng ảnh	Dung lượng đệm ¹
NEF (RAW) + JPEG fine	3872×2592	23,9 MB	659	19
(NEF (RAW) + JPEG nét) ^{2,3}	2896×1944	21,4 MB	736	19
NEF (RAW) ³	1936×1296	19,6 MB	804	19
	—	17,1 MB	922	19
JPEG fine (JPEG nét)	3872×2592	6,8 MB	2300	28
	2896×1944	4,3 MB	3600	34
	1936×1296	2,5 MB	6200	46
JPEG normal (JPEG bình thường)	3872×2592	3,4 MB	4500	38
	2896×1944	2,2 MB	7100	46
	1936×1296	1,3 MB	11900	65
JPEG basic (JPEG cơ bản)	3872×2592	1,8 MB	8900	53
	2896×1944	1,1 MB	13900	65
	1936×1296	0,7 MB	22800	88

1 Số lượng ảnh tối đa có thể lưu trong bộ nhớ đệm với ISO 100. Sẽ giảm nếu giảm nhiều phơi sáng được bật (□ 140).

2 Cỡ hình ảnh chỉ áp dụng cho các ảnh JPEG. Không thể thay đổi cỡ hình ảnh NEF (RAW). Kích thước tập tin là kích thước tổng cộng cho ảnh NEF (RAW) và JPEG.

3 Chỉ có ở các chế độ P, S, A, M.

■ Toàn Cảnh Dễ Dàng

Image quality (Chất lượng hình ảnh) (□ 118)	Image size (Cỡ hình ảnh) (□ 119)		Dung lượng tập tin	Số lượng ảnh
JPEG fine (JPEG nét)	Normal panorama (Toàn cảnh bình thường)	3200 × 560	1,6 MB	10400
		1024 × 3200	2,3 MB	7100
	Wide panorama (Toàn cảnh rộng)	6400 × 560	2,4 MB	6800
		1024 × 6400	4,1 MB	3900
JPEG normal (JPEG bình thường)	Normal panorama (Toàn cảnh bình thường)	3200 × 560	0,9 MB	19300
		1024 × 3200	1,2 MB	13900
	Wide panorama (Toàn cảnh rộng)	6400 × 560	1,2 MB	13200
		1024 × 6400	2,1 MB	7800
JPEG basic (JPEG cơ bản)	Normal panorama (Toàn cảnh bình thường)	3200 × 560	0,5 MB	35900
		1024 × 3200	0,7 MB	25100
	Wide panorama (Toàn cảnh rộng)	6400 × 560	0,7 MB	25100
		1024 × 6400	1,1 MB	14800



■ Chế Độ Chọn Ảnh Thông Minh

Image quality (Chất lượng hình ảnh) (□ 118)	Image size (Cỡ hình ảnh) (□ 119)	Kích cỡ tập tin ¹	Số lần chụp
NEF (RAW) + JPEG fine (NEF (RAW) + JPEG nét) ²	3872×2592	119,4 MB	131
	2896×1944	106,9 MB	147
	1936×1296	97,8 MB	160
NEF (RAW)	—	85,3 MB	184
JPEG fine (JPEG nét)	3872×2592	34,1 MB	461
	2896×1944	21,6 MB	729
	1936×1296	12,5 MB	1258
JPEG normal (JPEG bình thường)	3872×2592	17,2 MB	915
	2896×1944	10,9 MB	1438
	1936×1296	6,6 MB	2397
JPEG basic (JPEG cơ bản)	3872×2592	8,8 MB	1798
	2896×1944	5,6 MB	2797
	1936×1296	3,4 MB	4577

1 Tổng kích cỡ của tất cả năm ảnh được ghi lại mỗi lần chụp.

2 Cỡ hình ảnh chỉ áp dụng cho các ảnh JPEG. Không thể thay đổi cỡ hình ảnh NEF (RAW). Kích thước tập tin là kích thước tổng cộng cho ảnh NEF (RAW) và JPEG.

■ Phim HD

Movie settings (Cài đặt phim) (□ 123)	Tổng độ dài tối đa (xấp xỉ)*
1080/60i	1 giờ 27 phút
1080/30p	1 giờ 27 phút
720/60p	2 giờ 10 phút

* Để có thông tin về độ dài tối đa có thể ghi được trong một clip, xem trang 123.

■ Phim Chuyển Động Chậm

Frame rate (Tốc độ khuôn hình) (□ 123)	Tổng độ dài ghi được tối đa (xấp xỉ)*
400 fps (400 khuôn hình trên một giây)	1 giờ 27 phút
1200 fps (1200 khuôn hình trên một giây)	1 giờ 27 phút

* Có thể ghi được lên đến năm giây cảnh phim chuyển động chậm trong một clip. Độ dài phát lại bằng khoảng 13,2 (**400 fps (400 khuôn hình trên một giây)**) hoặc 40 (**1200 fps (1200 khuôn hình trên một giây)**) lần thời gian ghi.

■ Chế Độ Chụp Nhanh Chuyển Động

Image quality (Chất lượng hình ảnh)	Image size (Cỡ hình ảnh)	Kích cỡ tập tin*	Số lần chụp
—	—	17,7 MB	891

* Kích cỡ tập tin là tổng kích cỡ của một phim và ảnh duy nhất.



Khắc Phục Sự Cố

Nếu máy ảnh không hoạt động như mong đợi, hãy xem danh sách các lỗi thường gặp này trước khi tham khảo ý kiến nhà bán lẻ của bạn hoặc đại diện của Nikon.

Hiển thị

Màn hình tắt:

- Máy ảnh tắt (☐ 17) hoặc pin đã cạn kiệt (☐ 11, 20).
- Màn hình tự động tắt để tiết kiệm điện (☐ 159). Có thể kích hoạt lại màn hình bằng các nút thao tác hoặc đĩa lệnh chế độ.
- Máy ảnh được nối với máy tính (☐ 83) hoặc TV (☐ 88).

Màn hình tắt mà không có cảnh báo:

- Pin yếu (☐ 11, 20).
- Màn hình tự động tắt để tiết kiệm điện (☐ 159). Có thể kích hoạt lại màn hình bằng các nút thao tác hoặc đĩa lệnh chế độ.
- Nhiệt độ bên trong của máy ảnh cao (☐ xvi, 188). Đợi cho máy ảnh nguội trước khi bật lại.

Chỉ báo không được hiển thị: Nhấn nút DISP (☐ 5).



Chụp (Tất Cả Chế Độ Chụp và Chế Độ Phơi Sáng)

Máy ảnh mất nhiều thời gian để khởi động: Xóa bớt tập tin hoặc định dạng thẻ nhớ.

Nhà cửa trập bị vô hiệu:

- Pin cạn kiệt (🔋 11, 20).
- Thẻ nhớ bị khóa (🔒 14) hoặc đầy (🔒 20).
- Đèn flash đang sạc (🔋 62).
- Máy ảnh không thể lấy nét (🔍 23).
- Bạn hiện đang quay phim chuyển động chậm (🎥 44).

Chỉ một ảnh được chụp mỗi lần nhấn nút nhà cửa trập trong chế độ nhả liên tục: Chụp liên tục không có nếu đèn nháy được nâng lên ở chế độ **Continuous (Liên tục)** (🔍 64, 121).

Máy ảnh không tự động lấy nét:

- Đối tượng không phù hợp với tự động lấy nét (🔍 146).
- Máy ảnh ở chế độ lấy nét bằng tay (🔍 144, 147).

Chức năng lấy nét không khóa khi nút nhà cửa trập được nhấn nửa chừng: Sử dụng nút **▲** (⬆️) để khóa lấy nét khi **AF-C** được chọn cho chế độ lấy nét hoặc khi chụp các đối tượng di chuyển trong chế độ **AF-A** (🔍 144, 150).

Việc chọn chế độ vùng lấy nét tự động không có sẵn: Máy ảnh ở chế độ chụp ảnh tự động hoặc Chế độ chọn ảnh thông minh (🔍 21, 35), tùy chọn không phải là **P, S, A, M** được chọn trong chế độ sáng tạo (🔍 28), hoặc chế độ lấy nét bằng tay được chọn (🔍 144).

Việc chọn vùng lấy nét không có sẵn: Việc chọn vùng lấy nét không có ở khu vực tự động (🔍 149) hoặc lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt (🔍 24). Ở các chế độ vùng lấy nét tự động khác, có thể chọn vùng lấy nét bằng cách nhấn **Ⓢ**.

Chế độ lấy nét tự động theo dõi đối tượng không sẵn có: Chọn chế độ Picture Control không đơn sắc (🔍 132, 149).

Việc chọn cỡ hình ảnh không có sẵn: **NEF (RAW)** được chọn cho chất lượng hình ảnh (🔍 118).

Máy ảnh ghi ảnh chậm: Tắt chức năng giảm nhiễu phơi sáng kéo dài (🔍 140). Trong chế độ sáng tạo, có thể cần thêm thời gian để ghi ảnh khi **Night landscape (Phong cảnh đêm)** (🔍 28), **Night portrait (Chân dung đêm)** (🔍 28), hoặc **Easy panorama (Toàn cảnh dễ dàng)** (🔍 32) được chọn hoặc khi **Backlighting (Ngược sáng)** được chọn và **HDR** được bật (🔍 31).

Nhiều (điểm sáng chói, các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường kẻ) xuất hiện trong ảnh:

- Độ nhạy ISO thấp hơn hoặc bật chế độ giảm nhiễu ISO cao (🔍 140).
- Sử dụng giảm nhiễu phơi sáng lâu với tốc độ cửa trập chậm hơn 1 giây (🔍 140).



Máy ảnh không chụp ảnh khi nhấn nút điều khiển từ xa nút nhả cửa trập:

- Thay pin của điều khiển từ xa (□ 166).
- Chọn chế độ điều khiển từ xa (□ 57).
- Hẹn giờ chờ điều khiển từ xa đã hết hạn (□ 160).
- Điều khiển không chỉ ở máy ảnh hoặc bộ nhận hồng ngoại không nhìn thấy được (□ 2, 58).
- Điều khiển quá xa so với máy ảnh (□ 58).
- Ánh sáng chói đang cản trở điều khiển từ xa.

Trên ảnh có vết nhòe: Làm sạch mặt trước và phía sau các thành phần thấu kính phía sau hoặc lá chắn bụi (□ 172).

Nhấp nháy hoặc dải xuất hiện trên phim ảnh hoặc trong các màn hình: Chọn cài đặt **Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)** cho phù hợp với nguồn điện AC địa phương cung cấp (□ 161).

Không có sẵn các mục menu: Một số tùy chọn chỉ có sẵn trong chế độ chụp đặc biệt hoặc phơi sáng (□ 53).

Chụp (P, S, A, và chế độ M)

Cửa trập nhả ra được vô hiệu hóa: Bạn chọn **S Shutter-priority auto (Tự động ưu tiên cửa trập)** cho **Exposure mode (Chế độ phơi sáng)** sau khi chọn một tốc độ cửa trập “Bulb” trong chế độ phơi sáng bằng tay (□ 113).

Không có sẵn một số tốc độ cửa trập: Bạn đang sử dụng đèn nháy.

Màu sắc không tự nhiên:

- Điều chỉnh cân bằng trắng để phù hợp với nguồn ánh sáng (□ 126).
- Điều chỉnh cài đặt Picture Control (□ 132).

Không thể đo lường cân bằng trắng: Đối tượng không quá tối hoặc quá sáng (□ 129).

Picture Control tạo ra các kết quả khác nhau: **A** (tự động) đã được chọn cho chức năng làm sắc nét, độ tương phản, hoặc độ bão hòa. Để đạt được kết quả nhất quán cho một loạt ảnh, hãy chọn một cài đặt khác (□ 134).

Độ sáng và độ tương phản Picture Control không được điều chỉnh: D-Lighting hoạt động được bật (□ 134, 139).

Không thể thay đổi chức năng đo sáng: Khóa phơi sáng có hiệu lực (□ 125).

Nhiều (các vùng đo hung hoặc các ảnh giả khác) xuất hiện trong phơi sáng thời gian dài: Kích hoạt tính năng giảm nhiễu phơi sáng dài (□ 140).



Phim

Không thể ghi phim: Nút ghi phim chỉ có thể được sử dụng để ghi phim trong chế độ phim (□ 41).

Không có âm thanh được ghi cho phim:

- **Microphone off (Tắt micrô)** được chọn cho **Movie sound options (Tùy chọn âm thanh phim) > Microphone (Micrô)** (□ 141).
- Âm thanh sống động không được ghi với phim chuyển động chậm (□ 45) hoặc Chụp Nhanh Chuyển Động (□ 49).

Phát lại

Hình ảnh NEF (RAW) không được hiển thị: Máy ảnh chỉ hiển thị các bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) + JPEG tốt (□ 118).

Ảnh (chân dung) có hướng chụp “đọc” được hiển thị theo hướng “rộng” (phong cảnh):

- Chọn **On (Bật)** (Bật) cho **Rotate tall (Xoay dọc)** (□ 100).
- Ảnh đã được chụp với tắt **Auto image rotation (Tự động xoay hình ảnh)** (□ 163).
- Máy ảnh đã được hướng lên trên hoặc xuống dưới khi chụp ảnh (□ 163).
- Ảnh được hiển thị trong chế độ xem lại hình ảnh (□ 100).

Không thể nghe âm thanh phim:

- Nhấn  lên để tăng âm lượng (□ 47). Nếu máy ảnh được kết nối với TV (□ 88), sử dụng điều khiển TV để điều chỉnh âm lượng.
- Âm thanh sống động không được ghi với phim chuyển động chậm (□ 45) hoặc Chụp nhanh Chuyển động (□ 51).

Không thể xóa ảnh:

- Loại bỏ bảo vệ từ các tệp tin trước khi xóa (□ 100).
- Thẻ nhớ đã bị khóa (□ 14).

Không thể chọn ảnh để in: Thẻ nhớ đầy (□ 20) hoặc đã khóa (□ 14) hoặc ảnh trong định dạng NEF (RAW). Để in ảnh NEF (RAW), chuyển ảnh đến máy tính và sử dụng phần mềm được cung cấp hoặc Capture NX 2 (□ 83).

Ảnh không được hiển thị trên TV: Máy ảnh được kết nối không đúng (□ 88).

Ảnh không thể được chuyển vào máy tính: Nếu hệ thống của bạn không đáp ứng các yêu cầu trên trang 81, bạn vẫn có thể chuyển hình ảnh vào máy tính bằng cách sử dụng một đầu đọc thẻ.

Ảnh không được hiển thị trong Capture NX 2: Cập nhật phiên bản mới nhất (□ 166).



Khác

Máy ảnh không phản ứng: Trong rất ít các trường hợp, màn hình hiển thị không phản hồi như dự kiến và máy ảnh có thể ngừng hoạt động chức năng. Trong phần lớn các trường hợp, hiện tượng này được gây ra bởi một vùng tích điện mạnh ở bên ngoài. Tắt máy ảnh, gỡ và lắp lại pin, cẩn thận để tránh bỏng, và bật lại máy ảnh, hoặc, nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC (có sẵn tách rời), ngắt và kết nối lại bộ đổi điện và bật lại máy ảnh. Nếu vấn đề vẫn tồn tại sau khi tháo pin khỏi máy ảnh và thay thế, hãy liên hệ với nhà bán lẻ của bạn hoặc đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.

Ngày ghi không đúng: Thiết lập đồng hồ máy ảnh (□ 18, 162).

Không có sẵn các mục menu: Một số tùy chọn chỉ có sẵn ở các thiết lập cụ thể (□ 53) hoặc khi thẻ nhớ được lắp vào (□ 13).

Thông Báo Lỗi

Mục này liệt kê danh sách các thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình hiển thị.

Thông báo	Giải pháp	
(Tốc độ cửa trập hoặc độ mở ống kính hiển thị nhấp nháy)	Nếu đối tượng quá sáng, độ nhạy ISO thấp hơn hoặc chọn tốc độ cửa trập nhanh hơn hoặc độ mở ống kính nhỏ hơn (số f cao hơn).	113, 114, 115, 131
	Nếu đối tượng quá tối, nâng độ nhạy ISO, sử dụng đèn nháy sẵn sẵn, hoặc chọn tốc độ cửa trập chậm hơn hoặc độ mở ống kính rộng hơn (số f thấp hơn).	62, 113, 114, 115, 131
Keeping the zoom ring button pressed, rotate the zoom ring to extend the lens. (Giữ nút vòng thu phóng nhấn, xoay vòng thu phóng để mở rộng thấu kính.)	Một thấu kính với nút ống thấu kính co rút được gắn với thùng thấu kính đã co rút. Nhấn nút ống thấu kính co rút được và xoay vòng thu phóng để mở rộng thấu kính.	16, 196
Check lens. Pictures can only be taken when a lens is attached. (Kiểm tra thấu kính. Ảnh chỉ có thể được chụp khi thấu kính được đính kèm.)	Lắp thấu kính.	16
Cannot take pictures. Insert fully charged battery. (Không thể chụp ảnh. Lắp pin đã sạc đầy.)	Tắt máy ảnh và sạc lại pin hoặc lắp pin dự phòng đã sạc đầy.	11, 13
Start-up error. Turn the camera off and then on again. (Lỗi khởi động. Tắt và bật lại máy ảnh.)	Tắt máy ảnh, tháo và thay pin, và sau đó bật lại.	13, 17
The clock has been reset. (Đã cài đặt lại đồng hồ.)	Cài đặt đồng hồ máy ảnh.	18, 162
No memory card. (Không có thẻ nhớ.)	Tắt máy ảnh và xác nhận là thẻ nhớ đã được lắp chuẩn xác.	13
This memory card is not formatted. Format the memory card? (Thẻ nhớ nay chưa được định dạng. Định dạng thẻ nhớ?)	Chọn Yes (Có) để định dạng thẻ, hoặc tắt máy ảnh và lắp thẻ nhớ khác.	13, 157
Memory card is locked (write protected). (Thẻ nhớ bị khóa (được bảo vệ khỏi ghi dữ liệu).)	Tắt máy ảnh và trượt công tắc bảo vệ ghi thẻ sang vị trí "ghi".	14



Thông báo	Giải pháp	
Memory card is full. (Thẻ nhớ đầy.)	- Bạn có thể cố thể ghi thêm ảnh nếu bạn giảm chất lượng hình ảnh hoặc kích cỡ. - Xóa ảnh không mong muốn. - Lắp thẻ nhớ khác.	118 73 13, 168
This memory card cannot be used. Card may be damaged; insert a different card. (Không thể sử dụng thẻ nhớ này. Thẻ có thể đã bị tổn hại; lắp thẻ khác.)	- Sử dụng thẻ được phê duyệt. - Định dạng thẻ. Nếu vấn đề vẫn còn, thẻ có thể đã bị tổn hại. Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền. - Lắp thẻ nhớ mới.	168 157 13, 168
Cannot create additional folders on memory card. (Không thể tạo thêm thư mục trên thẻ nhớ.)	Nếu thư mục hiện thời được đánh số đến 999 và chứa hoặc là 999 tấm ảnh hoặc một bức ảnh được đánh số 9999, thì nút nhà cửa trập sẽ bị khóa lại và không tấm ảnh nào được chụp thêm. Chọn Yes (Có) cho Reset file numbering (Cài đặt lại số tập tin) và sau đó định dạng một trong hai thẻ nhớ hiện tại hoặc lắp thẻ nhớ mới.	161
The movie-record button cannot be used in this mode. (Nút ghi phim không thể được sử dụng trong chế độ này.)	Nút ghi phim chỉ có thể được sử dụng trong chế độ quay phim.	41
Stills can not be taken when slow motion is selected. (Vẫn không thể chụp được khi chuyển động chậm được chọn.)	Nút nhà cửa trập không thể được sử dụng để chụp ảnh trong khi phim chuyển động chậm đang được ghi.	43
Photographs cannot be taken in shutter-priority auto mode at a shutter speed of "Bulb". (Không thể chụp được ảnh trong chế độ tự động ưu tiên cửa trập ở tốc độ cửa trập "Bóng" (Bóng đèn).)	Chọn tốc độ cửa trập khác, hoặc chọn M Manual (Bằng tay) cho Exposure mode (Chế độ phơi sáng) .	113, 115
Cannot shoot panorama with lens of this focal length. (Không thể chụp toàn cảnh với thấu kính có tiêu cự này.)	Sử dụng một thấu kính với tiêu cự 6 đến 30 mm để chụp ảnh toàn cảnh. Nếu bạn đang sử dụng thấu kính thu phóng, hãy chọn tiêu cự từ 6 đến 30 mm.	33



Thông báo	Giải pháp	
Failed to update lens firmware. Contact a Nikon-authorized service center. (Không cập nhật được vi chương trình thấu kính. Liên hệ với Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền.)	Cố gắng cập nhật vi chương trình không thành công cho thấu kính gắn trên máy ảnh. Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	—
An error has occurred. Press the shutter-release button again. (Đã xảy ra lỗi. Nhấn nút nhả cửa trập lại lần nữa.)	Nhấn nút nhả cửa trập. Liên hệ với Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền nếu vấn đề vẫn còn xảy ra thường xuyên.	—
An error has occurred in the internal circuitry. Contact a Nikon-authorized service center. (Lỗi đã xảy ra trong mạch điện bên trong. Liên hệ với trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền.)	Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	—
The camera's internal temperature is high. The camera will now turn off. (Nhiệt độ bên trong của máy ảnh cao. Bây giờ máy ảnh sẽ tắt.)	Chờ cho máy ảnh mát.	xvi
Memory card contains no images. (Thẻ nhớ không chứa ảnh.)	Để xem hình ảnh, lắp thẻ nhớ có chứa hình ảnh.	13
Cannot display this file. (Không thể hiển thị tập tin này.)	Tập tin đã được tạo hoặc sửa đổi trên máy tính hoặc một sản phẩm máy ảnh khác, hoặc tập tin đã hỏng.	—
Cannot select this file. (Không thể chọn tập tin này.)		
Check printer. (Kiểm tra máy in.)	Kiểm tra máy in.	—*
Check paper. (Kiểm tra giấy.)	Chọn Resume (Khôi phục) sau khi tải kích thước chính xác.	—*
Paper jam. (Kẹt giấy.)	Xử lý kẹt giấy và chọn Resume (Khôi phục) .	—*
Out of paper. (Hết giấy.)	Lắp giấy và chọn Resume (Khôi phục) .	—*
Check ink supply. (Kiểm tra nguồn cấp mực.)	Chọn Resume (Khôi phục) sau khi kiểm tra mực.	—*
Out of ink. (Hết mực.)	Thay thế mực và chọn Resume (Khôi phục) .	—*

* Để biết thêm thông tin xem tài liệu hướng dẫn máy in.



Thông số kỹ thuật

Máy ảnh số Nikon 1 J2

Loại	
Loại	Máy ảnh số có hỗ trợ các thấu kính có thể hoán đổi lẫn nhau
Gắn thấu kính	Móc gắn Nikon 1
Góc xem hiệu quả	Xấp xỉ 2,7× tiêu cự thấu kính (định dạng tương đương 35 mm)
Điểm ảnh hiệu quả	10,1 triệu
Cảm biến ảnh	
Cảm biến ảnh	Cảm biến CMOS 13,2 × 8,8 mm (Định dạng Nikon CX)
Bảo quản	
Cỡ ảnh (điểm ảnh)	Hình ảnh tĩnh (chụp ảnh tự động, Chế độ chọn ảnh thông minh, và tất cả các chế độ sáng tạo khác Toàn cảnh dễ dàng; tỷ lệ khuôn hình 3 : 2)
	• 3872 × 2592
	• 2896 × 1944
	• 1936 × 1296
	Hình ảnh tĩnh (Toàn cảnh bình thường, máy ảnh lia theo chiều ngang; tỷ lệ khuôn hình 40 : 7)
	• 3200 × 560
	Hình ảnh tĩnh (Toàn cảnh bình thường, máy ảnh lia theo chiều dọc; tỷ lệ khuôn hình 8 : 25)
	• 1024 × 3200
	Hình ảnh tĩnh (Toàn cảnh rộng, máy ảnh lia theo chiều ngang; tỷ lệ khuôn hình 80 : 7)
	• 6400 × 560
	Hình ảnh tĩnh (Toàn cảnh rộng, máy ảnh lia theo chiều dọc; tỷ lệ khuôn hình 4 : 25)
	• 1024 × 6400
	Hình ảnh tĩnh (chế độ phim, tỷ lệ khuôn hình 16 : 9)
	• 3840 × 2160 (1080/60i)
	• 1920 × 1080 (1080/30p)
	• 1280 × 720 (720/60p)
	Hình ảnh tĩnh (Chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động, tỷ lệ khuôn hình 16 : 9)
	• 3840 × 2160



Bảo quản	
Định dạng tập tin	• NEF (RAW): 12 bit, nén • JPEG: Tuân thủ chuẩn JPEG-Baseline nét (xấp xỉ 1 : 4), bình thường (xấp xỉ 1 : 8), hoặc cơ bản (xấp xỉ 1 : 16) nén • NEF (RAW) + JPEG: Ảnh đơn được ghi với cả hai định dạng NEF (RAW) và JPEG
Hệ thống Picture Control	Tiêu Chuẩn, Trung Tính, Sắc Sỡ, Đơn Sắc, Chân Dung, Phong Cảnh; có thể chỉnh sửa chức năng Picture Control đã chọn; lưu trữ cho chức năng Picture Control tùy chọn
Phương tiện media	SD (Kỹ Thuật Số Bảo Mật), SDHC, và các thẻ nhớ SDXC
Tập tin hệ thống	DCF (Quy Tắc Thiết Kế cho Hệ Thống Tập Tin Máy Ảnh) 2.0, DPOF (Định Dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số), Exif (Định Dạng Tập Tin Hình Ảnh Có Thể Trao Đổi Cho Máy Ảnh Chụp Kỹ Thuật Số) 2.3, PictBridge
Chế độ chụp	 chụp ảnh tự động (3 : 2);  sáng tạo, có các lựa chọn tùy chọn sau: P, S, A, M (3 : 2),  phong cảnh ban đêm (3 : 2),  chân dung ban đêm (3 : 2),  ngược sáng (3 : 2),  toàn cảnh dễ dàng (ngang bình thường 40 : 7, dọc bình thường 8 : 25, ngang rộng 80 : 7, dọc rộng 4 : 25),  mềm (3 : 2),  hiệu ứng cỡ tí hơn (3 : 2) và  màu chọn lọc (3 : 2);  Chế độ Chọn Ảnh Thông Minh (3 : 2);  phim (HD 16 : 9, chuyển động chậm 8 : 3);  Chụp nhanh Chuyển động (16 : 9)
Nút chụp	
Loại	Cửa trập điện tử
Tốc độ	$\frac{1}{16.000}$ –30 giây trong các bước $\frac{1}{3}$ EV; Bóng đèn; Thời gian (yêu cầu điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn)
Tốc độ đồng bộ đèn nháy	Đồng bộ với cửa trập ở X= $\frac{1}{60}$ giây hoặc chậm hơn
Nhả ra	
Chế độ	• Khuôn hình đơn, liên tục, Điện tử (Hi) • Tự hẹn giờ, chế độ từ xa trễ, chế độ từ xa phản ứng nhanh, chụp hẹn giờ quảng thời gian



Nhả ra	
Tốc độ khuôn hình tốt nhất	• Điện tử (Cao): Xấp xỉ 10, 30 hoặc 60 khuôn hình trên một giây • Các chế độ khác: Lên tới 5 khuôn hình trên một giây (chế độ chụp ảnh tự động hoặc P, S, A, M được chọn trong chế độ sáng tạo với Continuous (Liên tục) được chọn cho Continuous (Liên tục), lấy nét tự động đơn hoặc lấy nét bằng tay, S tự động ưu tiên cửa trập hoặc M chế độ phơi sáng bằng tay, tốc độ cửa trập 1/250 giây hoặc nhanh hơn, và các thiết lập khác ở giá trị mặc định)
Tự hẹn giờ	2 giây, 5 giây, 10 giây
Chế độ điều khiển từ xa	Điều khiển từ xa trễ (2 giây); chế độ từ xa phản ứng nhanh
Phơi sáng	
Đo sáng	Đo sáng TTL bằng cách sử dụng cảm biến hình ảnh
Phương pháp đo sáng	• Ma trận • Cân bằng trung tâm: Đo vòng tròn 4,5 mm ở giữa khuôn hình • Điểm: Đo vòng tròn 2 mm ở vùng lấy nét được chọn
Chế độ	Tự động được lập trình với chương trình linh động; tự động ưu tiên cửa trập; tự động ưu tiên độ mở ống kính; bằng tay; chọn cảnh tự động
Bù sáng	-3+3 EV gia số 1/3 EV; có khi P Programmed auto (Tự động được lập trình) , S Shutter-priority auto (Tự động ưu tiên cửa trập) , hoặc A Aperture-priority auto (Tự động ưu tiên độ mở ống kính) được chọn cho Exposure mode (Chế độ phơi sáng)
Khóa phơi sáng	Độ chiếu bị khóa tại giá trị đo với nút AE-L/AF-L (AE-L/AF-L)
Độ nhạy ISO (Danh Mục Phơi Sáng Khuyến Dùng)	ISO 100–3200 trong bước 1 EV. Người dùng có thể điều chỉnh khi P Programmed auto (Tự động được lập trình) , S Shutter-priority auto (Tự động ưu tiên cửa trập) , A Aperture-priority auto (Tự động ưu tiên độ mở ống kính) , hoặc M Manual (Bằng tay) được chọn cho Exposure mode (Chế độ phơi sáng) ; cũng có thể được đặt sang khoảng 1 EV (tương đương ISO 6400) trên ISO 3200; và điều khiển độ nhạy ISO tự động (ISO 100–3200, 100–800, 100–400) cũng sẵn có
D-Lighting hoạt động	Bật, tắt



Lấy nét	
Lấy nét tự động	Lấy nét tự động nhanh (phát hiện pha/lấy nét tự động dò độ tương phản); đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động
Mô tơ của thấu kính	• Lấy nét tự động (AF): Lấy nét tự động đơn (AF-S); liên tục AF (AF-C); tự động lựa chọn AF-S/AF-C (AF-A); toàn thời gian AF (AF-F) • Lấy nét bằng tay (MF)
Chế độ vùng lấy nét tự động	Điểm đơn, vùng tự động, theo dõi đối tượng
Vùng lấy nét	• Lấy nét tự động phần phụ đơn: Vùng lấy nét 135; khu vực 73 trung tâm hỗ trợ tự động lấy nét phát hiện pha • Lấy nét tự động vùng tự động: 41 vùng lấy nét
Khóa căn nét	Lấy nét có thể bị khóa bằng cách nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng (lấy nét đơn) hoặc bằng cách nhấn nút AE-L (AE-L/AF-L)
Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt	Bật, tắt

Đèn nháy	
Đèn nháy gắn sẵn	Nâng lên bằng cách trượt điều khiển bung đèn nháy lên
Số hướng dẫn (GN)	Xấp xỉ 5 (m, ISO 100, 20°C)
Điều khiển	Điều khiển đèn nháy i-TTL bằng cách sử dụng cảm biến hình ảnh có sẵn
Chế độ	Đèn nháy làm đầy, đồng bộ chậm, giảm mắt đỏ, đồng bộ chậm cùng với giảm mắt đỏ, đồng bộ màn phía sau, màn phía sau cùng với đồng bộ chậm
Bù đèn nháy	-3—+1 EV gia số tăng $\frac{1}{3}$ EV
Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng	Đèn sáng khi đơn vị đèn nháy gắn sẵn được sạc đầy

Cân bằng trắng	Tự động, sáng chói, huỳnh quang, ánh sáng mặt trời trực tiếp, đèn nháy, nhiều mây, bóng râm, thiết lập sẵn bằng tay, tất cả ngoại trừ thiết lập sẵn bằng tay với dò tinh chỉnh
-----------------------	--

Phim	
Đo sáng	Đo sáng TTL bằng cách sử dụng cảm biến hình ảnh
Phương pháp đo sáng	• Ma trận • Cân bằng trung tâm: Đo vòng tròn 4,5 mm ở giữa khuôn hình • Điểm: Đo vòng tròn 2 mm ở vùng lấy nét được chọn



Phim	
Cỡ khuôn hình (điểm ảnh)/ tỉ lệ ghi	Phim HD
	• 1920 × 1080/60i (59,94 trường/giây *) • 1920 × 1080/30p (29,97 khuôn hình trên một giây) • 1280 × 720/60p (59,94 khuôn hình trên một giây)
	Phim chuyển động chậm
	• 640 × 240/400 khuôn hình trên một giây (phát ở 30p/29,97 khuôn hình trên một giây) • 320 × 120/1200 khuôn hình trên một giây (phát ở 30p/29,97 khuôn hình trên một giây)
Định dạng tập tin	Chụp Nhanh Chuyển Động
	1920 × 1080/60p (59,94 khuôn hình trên một giây) (phát ở 24p/23,976 khuôn hình trên một giây)
	MOV
	Mã Hóa Video Nâng Cao H.264/MPEG-4
Nén video	AAC
Định dạng ghi âm thanh	Gắn sẵn micrô stereo; điều chỉnh độ nhạy
* Cảm biến đầu ra khoảng 60 khuôn hình trên một giây.	
Màn hình	7,5 cm (3-inch), xấp xỉ 921k-dot, TFT LCD với điều chỉnh độ sáng
Phát lại	Phát lại toàn khuôn hình và hình thu nhỏ (4, 9 hoặc 72 ảnh hoặc dạng lịch) với chức năng thu phóng khi phát lại, phát lại phim, trình chiếu slide, hiển thị biểu đồ, tự động xoay ảnh, và nhận xét ảnh
Giao diện	
USB	USB tốc độ cao
Đầu ra HDMI	Đầu nối chuẩn nhỏ HDMI loại C
Các ngôn ngữ được hỗ trợ	Tiếng Ả Rập, tiếng Trung Quốc (Giản thể và Phồn thể), tiếng Séc, tiếng Đan Mạch, tiếng Hà Lan, tiếng Anh, tiếng Phần Lan, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Hy Lạp, tiếng Hungary, tiếng In-đô-nê-si-a, tiếng Ý, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Na Uy, tiếng Ba Lan, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Ru-ma-ni, tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thụy Điển, tiếng Thái Lan, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Ukraina
Nguồn điện	
Pin	Một pin sạc Li-ion EN-EL20
Bộ đổi điện AC	Bộ đổi điện AC EH-5b; cần đầu nối nguồn EP-5C (có sẵn riêng)
Hốc giá ba chân	1/4-inch (ISO 1222)



Kích thước/cân nặng	
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 106,0 × 61,0 × 29,8 mm, không kể phần nhô ra
Cân nặng	Xấp xỉ 280 g kèm pin và thẻ nhớ nhưng không gồm vỏ thân máy; xấp xỉ 237 g (chỉ thân máy ảnh)

Môi trường hoạt động

Nhiệt độ	0–40 °C
Độ ẩm	85% hoặc thấp hơn (không ngưng tụ)

- Trừ khi có quy định khác, mọi số liệu được áp dụng cho máy ảnh có pin sạc đầy hoạt động ở nhiệt độ theo quy định của Camera and Imaging Products Association (CIPA): 23 ± 3 °C.
- Nikon bảo lưu quyền được thay đổi chi tiết kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong tài liệu hướng dẫn này vào bất cứ thời điểm nào và không cần báo trước. Nikon sẽ không chịu trách nhiệm với các tổn hại có nguyên nhân từ bất cứ sai sót nào có thể có trong tài liệu hướng dẫn này.

Bộ sạc pin MH-27

Chuẩn đầu vào	AC 100–240 V, 50–60 Hz, 0,2 A
Chuẩn đầu ra	DC 8,4 V/0,6 A
Các loại pin được hỗ trợ	Pin sạc Li-ion EN-EL20 Nikon
Thời gian sạc	Xấp xỉ 2 giờ ở nhiệt độ xung quanh 25 °C khi không còn điện
Nhiệt độ hoạt động	0–40 °C
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 67,0 × 28,0 × 94,0 mm, không kể phích bộ nắm dòng
Cân nặng	Xấp xỉ 83 g, không kể phích bộ nắm dòng

pin sạc Li-on EN-EL20

Loại	Pin sạc lithium-ion
Chuẩn dung lượng pin	7,2 V, 1020 mAh
Nhiệt độ hoạt động	0–40 °C
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 30,7 × 50,0 × 14,0 mm
Cân nặng	Xấp xỉ 41 g, không kể nắp phủ đầu cuối

1 NIKKOR VR 10–30 mm f/3.5–5.6

Loại	Thấu kính móc gắn 1
Tiêu cự	10–30 mm
Độ mở ống kính tối đa	f/3.5–5.6
Xây dựng	12 thành phần trong 9 nhóm (bao gồm 3 thấu kính không hình cầu)
Góc xem	77°–29° 40′
Chống rung	Chuyển thấu kính bằng cách sử dụng các mô-tơ cuộn giọng nói (voice coil motors) (VCMs)
Khoảng cách lấy nét tối thiểu	0,2 m từ mặt phẳng tiêu điểm ở tất cả các vị trí thu phóng
Miếng màn chắn	7 (khẩu độ tròn)
Màn chắn	Tự động hoàn toàn
Phạm vi độ mở ống kính	• 10 mm tiêu cự: f/3.5–16 • 30 mm tiêu cự: f/5.6–16
Kích thước gắn bộ lọc	40,5 mm (P=0,5 mm)
Kích thước	Xấp xỉ đường kính 57,5 mm × 42 mm (khoảng cách từ chốt gắn thấu kính máy ảnh khi thấu kính được rút lại)
Cân nặng	Xấp xỉ 115 g

1 NIKKOR 11–27,5 mm f/3.5–5.6

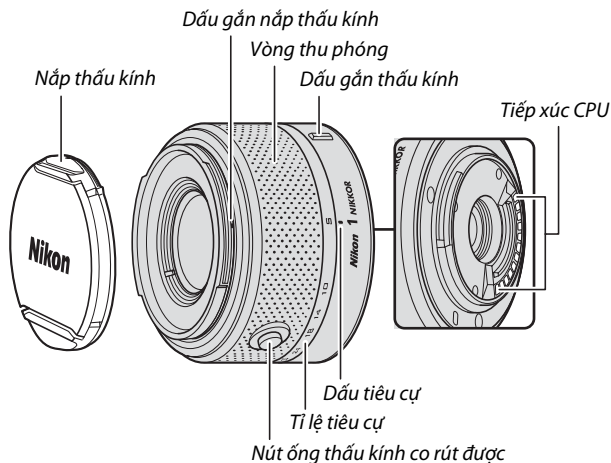
Loại	Thấu kính móc gắn 1
Tiêu cự	11–27,5 mm
Độ mở ống kính tối đa	f/3.5–5.6
Xây dựng	8 thành phần trong 6 nhóm (bao gồm 1 thành phần thấu kính ED và 1 thành phần thấu kính không cầu), 1 thành phần kính bảo vệ
Góc xem	72°–32° 20′
Khoảng cách lấy nét tối thiểu	0,3 m từ mặt phẳng tiêu điểm ở tất cả các vị trí thu phóng
Miếng màn chắn	7 (khẩu độ tròn)
Màn chắn	Tự động hoàn toàn
Phạm vi độ mở ống kính	• 11 mm tiêu cự: f/3.5–16 • 27,5 mm tiêu cự: f/5.6–16
Kích thước gắn bộ lọc	40,5 mm (P=0,5 mm)
Kích thước	Xấp xỉ đường kính 57,5 mm × 31 mm (khoảng cách từ chốt gắn thấu kính máy ảnh khi thấu kính được rút lại)
Cân nặng	Xấp xỉ 83 g

Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không thông báo. Nikon sẽ không chịu trách nhiệm với các tổn hại có nguyên nhân từ bất cứ sai sót nào có thể có trong tài liệu hướng dẫn này.

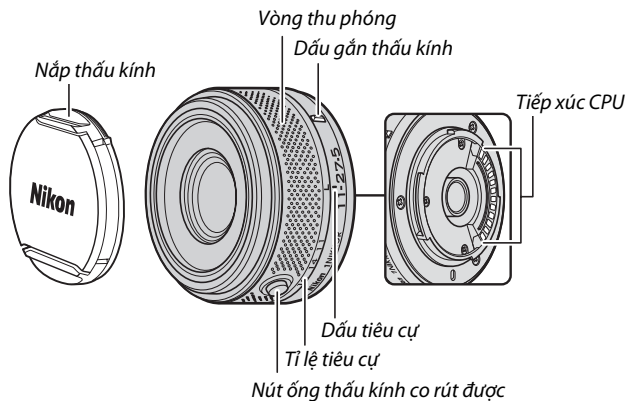


■ Thấu kính 1 NIKKOR

1 NIKKOR VR 10–30mm f/3.5–5.6



1 NIKKOR 11–27,5mm f/3.5–5.6

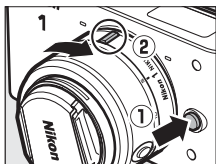


Các thấu kính 1 NIKKOR chỉ dành riêng cho các máy ảnh số định dạng thấu kính có thể hoán đổi Nikon 1. Góc nhìn tương đương với định dạng thấu kính 35 mm với tiêu cự hơn 2,7 lần. 1 NIKKOR VR 10–30mm f/3.5–5.6 hỗ trợ chống rung bình thường và khi hoạt động và khi chống rung tắt (📖 143).

Sử dụng điều khiển vòng thu phóng phóng to và thu nhỏ.

Tháo Thấu Kính

Trước khi tháo bỏ hoặc thay đổi thấu kính, hãy co thấu kính lại và tắt máy ảnh (📖 16). Để tháo thấu kính, nhấn và giữ nút nhả thấu kính (❶) trong khi xoay thấu kính theo chiều kim đồng hồ (❷). Sau tháo thấu kính, thay nắp thấu kính và nắp thân máy.



Chăm Sóc Thấu Kính

- Khi sử dụng nắp thấu kính, không được nhặt hoặc cầm thấu kính hoặc máy ảnh chỉ bằng phần nắp.
- Giữ các điểm tiếp xúc CPU sạch sẽ.
- Sử dụng máy thổi để loại bỏ bụi trên bề mặt thấu kính. Để loại bỏ các vết bẩn và dấu tay, thấm một lượng nhỏ ê-ta-non hoặc nước rửa thấu kính vào một chiếc khăn bông mềm, sạch sẽ hoặc khăn lau thấu kính và làm sạch dần dần từ phần trung tâm ra phía ngoài bằng các đường lau dạng tròn, cẩn thận không để sót vết bẩn hoặc chạm ngón tay vào phần thủy tinh.
- Không bao giờ được sử dụng các dung môi hữu cơ như nước pha màu hoặc ben-zen để làm sạch thấu kính.
- Nắp thấu kính hoặc bộ lọc NC có thể được dùng để bảo vệ phần thấu kính phía trước.
- Gắn nắp phía sau và phía trước khi không sử dụng thấu kính.
- Nếu không sử dụng thấu kính trong thời gian dài, cất giữ nó tại nơi mát mẻ, khô ráo để tránh mốc và rỉ. Không được cất giữ tại nơi có ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc cùng với viên long não hoặc naptalin chống côn trùng.
- Giữ thấu kính luôn khô ráo. Máy mốc bên trong bị han rỉ có thể dẫn đến tổn hại không thể khắc phục được.
- Để thấu kính tại nơi quá nóng có thể làm tổn hại hoặc làm cong vênh các bộ phận được làm bằng nhựa cứng.

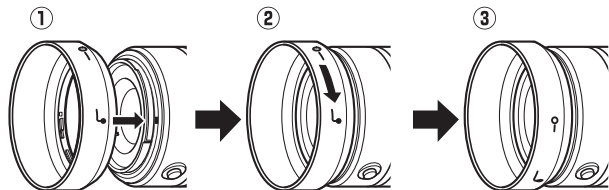


Phụ kiện được cung cấp

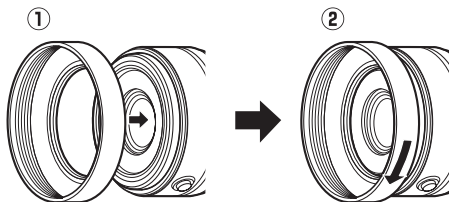
- Nắp thấu kính phía trước loại gắn thẳng 40,5 mm LC-N40.5
- Nắp thấu kính phía sau LF-N1000

Phụ kiện tùy chọn

- Bộ lọc loại vặn vào 40,5 mm
- Bayonet Hood HB-N101 (sử dụng với thấu kính 1 NIKKOR VR 10–30mm f/3.5–5.6; gắn như bên dưới).



- Vít 40,5 mm Hood HN-N102 (sử dụng với thấu kính 1 NIKKOR 11–27,5mm f/3.5–5.6; gắn như bên dưới)



■ Bộ Nối Móc Gắn FT1 Tùy Chọn

Đọc phần này để biết thông tin về cách sử dụng bộ nối móc gắn FT1 tùy chọn. Trước khi tiếp tục, hãy chắc chắn rằng bạn đã đọc và hiểu tài liệu hướng dẫn này và tài liệu về FT1 và thấu kính.

Lấy nét tự động

Tự động lấy nét chỉ có sẵn với thấu kính AF-S, các thấu kính khác chỉ hỗ trợ lấy nét bằng tay. Đặt chế độ lấy nét sang **AF-S** (máy ảnh sẽ không tập lấy nét trong các chế độ tự động lấy nét khác). Chế độ vùng lấy nét tự động duy nhất sẵn có là **Single-point (Lấy nét tự động điểm đơn)** và máy ảnh chỉ lấy nét đối tượng ở giữa điểm lấy nét. Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt không được hỗ trợ. Trong một số trường hợp, máy có thể phát ra tiếng bíp, chỉ báo đã được lấy nét có thể được hiển thị, và hình ảnh có thể được chụp khi máy ảnh không lấy nét; nếu điều này xảy ra, hãy lấy nét bằng tay.

Lấy nét bằng tay

Thực hiện theo các bước dưới đây để lấy nét bằng tay khi sử dụng FT1 với thấu kính móc gắn F NIKKOR.

1 Chọn chế độ lấy nét bằng tay.

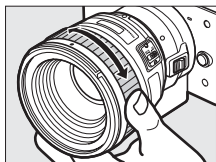
Chọn **Focus mode (Chế độ lấy nét)** trong menu chụp, làm nổi bật **Manual focus (Lấy nét bằng tay)**, và nhấn . Nhấn nút nhả cửa chụp nửa chừng để thoát khỏi các menu khi thiết lập xong.

Nếu thấu kính hỗ trợ lấy nét tự động với ghi đề bằng tay, sau khi lấy nét bằng cách sử dụng lấy nét tự động, bạn có thể nhấn giữ nút nhả cửa trập nửa chừng và xoay vòng lấy nét của thấu kính để tinh chỉnh lấy nét bằng tay. Để lấy nét lại bằng cách sử dụng lấy nét tự động, bấm nút nhả cửa trập một lần nữa.

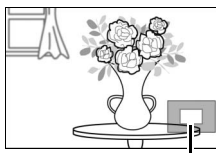


2 Lấy nét.

Xoay vòng lấy nét thấu kính cho đến khi đối tượng được lấy nét.

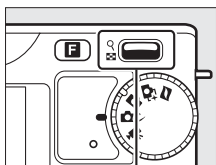


Để phóng to trên màn hình hiển thị để lấy nét chính xác hơn, nhấn  (lưu ý rằng tính năng này không có sẵn trong quá trình quay phim hoặc trong chế độ quay phim chuyển động chậm). Cửa sổ định hướng sẽ xuất hiện trong một khung màu xám ở góc dưới bên phải của màn hình.



Cửa sổ định hướng

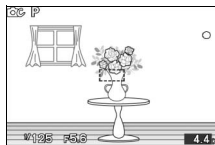
Nhấn  điều khiển lên để phóng to lên tối đa 10 lần, xuống để thu nhỏ. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển đến các khu vực của khung hình không hiển thị trong màn hình hiển thị. Nhấn  để thoát thu phóng.



 điều khiển

Máy Ngắm Điện Tử

Nếu một thấu kính CPU được gắn trong chế độ lấy nét bằng tay, có thể sử dụng chỉ báo lấy nét để kiểm tra xem máy ảnh đã lấy nét vào đối tượng trong vùng lấy nét trọng tâm chưa.



Chỉ báo lấy nét	Trạng thái
●	Đang lấy nét.
▶	Máy ảnh lấy nét ở phía trước đối tượng.
◀	Máy ảnh lấy nét phía sau đối tượng.
▶ ◀ (nháy)	Không thể xác định lấy nét.

Lưu ý rằng với một số đối tượng, chỉ báo đã được lấy nét (●) có thể được hiển thị khi máy ảnh không lấy nét. Kiểm tra lấy nét trong màn hình hiển thị trước khi chụp.

Thông Báo Lỗi và Hiển Thị

Những thông báo sau đây xuất hiện trong màn hình hiển thị độ mở ống kính máy ảnh.

Hiển thị	Vấn đề	Giải pháp
FEE	Vòng mở thấu kính không được khóa ở độ mở ống kính tối thiểu.	Khi sử dụng thấu kính CPU, khóa vòng độ mở ống kính ở độ mở ống kính tối thiểu (số f cao nhất).
F---	Thấu kính không CPU được lắp hoặc không có thấu kính được lắp.	Sử dụng vòng mở thấu kính để điều chỉnh độ mở ống kính.



Hạn chế

- Các chế độ chụp ảnh tự động và chế độ Chọn Ảnh Thông Minh không được hỗ trợ.
- Ảnh Chụp nhanh Chuyển động chỉ được ghi khi thấu kính AF-S được lắp và **AF-S (Single AF (AF đơn))** được chọn cho chế độ lấy nét và chỉ khi máy ảnh đã lấy nét. Không cố gắng điều chỉnh lấy nét bằng cách sử dụng vòng lấy nét.
- Không có tốc độ cửa trập 1 giây hoặc chậm hơn.
- Công tắc điều khiển âm thanh và nút thao tác lấy nét (Khóa lấy nét/L ẦY TỪ BỘ NHỚ/Bắt đầu AF) không có hiệu lực.
- Không có **Vibration reduction (Chống rung)**.

Phòng Ngừa khi Sử Dụng

- Thấu kính lớn hơn 380 g luôn được hỗ trợ. Không cầm hoặc mang máy ảnh bằng dây đeo máy ảnh mà không đỡ các thấu kính. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng phần gắn thấu kính máy ảnh.
- Các đường thẳng có thể xuất hiện trong ảnh chụp với thấu kính không CPU để ở độ mở ống kính tối thiểu.
- Máy ảnh tiếp tục điều chỉnh phơi sáng trong quá trình quay phim. Chọn chế độ phơi sáng **A** hoặc **M** để micro không thu lại các âm thanh của thấu kính.
- Trong khi chụp liên tiếp, lấy nét được cố định ở vị trí cho cảnh chụp đầu tiên trong mỗi lần chụp liên tiếp và tốc độ khuôn hình sẽ chậm lại trong các chế độ không phải là **Electronic (Hi) (Điện tử (Cao))**.
- Màn hình hiển thị có thể thay đổi trong khi chụp khi **Electronic (Hi) (Điện tử (Cao))** được chọn, nhưng nó không có tác dụng trên các bức ảnh.
- Một số thấu kính nhất định sẽ chặn đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động, và tại một số khoảng cách, nó sẽ chặn cả đèn nháy.
- Các phần đỉnh và đáy có thể bị mất ở các hình nhòe dạng tròn được tạo ở độ mở ống kính rộng bằng cách sử dụng thấu kính có độ mở ống kính tối đa $f/1.4$.



■ Các Tiêu Chuẩn Được Hỗ Trợ

- **DCF Phiên Bản 2.0:** Quy Tắc Thiết Kế cho Tập Tin Hệ Thống Máy Ảnh (DCF) là một tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi trong ngành máy ảnh kỹ thuật số nhằm đảm bảo tính tương thích giữa các sản phẩm máy ảnh khác nhau.
- **DPOF: Digital Print Order Format (DPOF)** là tiêu chuẩn toàn ngành cho phép việc in ảnh theo thứ tự được lưu trên thẻ nhớ.
- **Exif phiên bản 2.3:** Máy ảnh hỗ trợ Exif (**Exchangeable Image File Format for Digital Still Cameras**) phiên bản 2.3, một tiêu chuẩn theo đó thông tin lưu cùng ảnh sẽ được sử dụng cho quá trình tái tạo màu tối ưu khi ảnh được xuất tới các máy in theo chuẩn Exif.
- **PictBridge:** Một tiêu chuẩn được phát triển thông qua quá trình hợp tác giữa hai ngành máy ảnh số và máy in, cho phép ảnh được xuất trực tiếp tới máy in mà không cần thông qua chuyển tiếp bằng máy tính.
- **HDMI: High-Definition Multimedia Interface** là một tiêu chuẩn cho các giao diện đa phương tiện được sử dụng trong ngành điện tử tiêu dùng và các thiết bị nghe nhìn có khả năng truyền dữ liệu nghe nhìn và tín hiệu điều khiển tới các thiết bị theo chuẩn HDMI qua một kết nối cáp đơn.

Thông Tin Thương Hiệu

Macintosh, Mac OS, và QuickTime là các thương hiệu đã được đăng ký của Tập Đoàn Apple tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Microsoft, Windows, và Windows Vista là các thương hiệu đã được đăng ký, hoặc các thương hiệu của Tập Đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Lô-gô PictBridge là một thương hiệu. Các lô-gô SD, SDHC và SDXC là các thương hiệu của SD-3C, LLC. HDMI, lô-gô **HDMI** và High-Definition Multimedia Interface là các thương hiệu đã được đăng ký hoặc các thương hiệu của HDMI Licensing LLC. Tất cả các tên thương hiệu khác được đề cập trong tài liệu hướng dẫn này hoặc các tài liệu khác được cung cấp kèm với sản phẩm Nikon là các thương hiệu hoặc các thương hiệu đã được đăng ký của những chủ sở hữu tương ứng của chúng.



Tuổi Thọ Pin

Số lần chụp hoặc cảnh phim có thể thực hiện với pin đã sạc đầy thay đổi tùy theo tình trạng pin, nhiệt độ, khoảng thời gian giữa các lần chụp và thời gian các menu được hiển thị. Các chỉ số mẫu cho pin EN-EL20 (1020 mAh) được nêu phía dưới.

- **Ảnh tĩnh: Xấp xỉ 230 lần chụp**
- **Phim: Khoảng 50 phút cảnh phim HD ở 1080/60i**

Được đo theo tiêu chuẩn CIPA ở 23 ± 3 °C với các thiết lập máy ảnh mặc định, pin sạc đầy, thấu kính 1 NIKKOR VR 10–30mm f/3.5–5.6, và giá trị thẻ 16 GB Toshiba SD-E016GUX UHS-I SDHC cho ảnh tĩnh được chụp trong các điều kiện kiểm tra sau: Chất lượng ảnh chụp BÌNH THƯỜNG ở khoảng thời gian 30 giây với đèn nháy sáng với mỗi lần chụp và máy ảnh tắt và sau đó bật lên sau mỗi mười ảnh. Giá trị cho phim đạt được theo các điều kiện kiểm tra sau đây: ghi được loạt phim 20 phút với dung lượng lên đến 4 GB; việc ghi chỉ bị gián đoạn khi hiển thị cảnh báo nhiệt độ.

Những điều sau đây có thể làm giảm tuổi thọ pin:

- Giữ nút nhả cửa trập nhấn xuống một nửa
- Quy trình lấy nét tự động bị lặp lại
- Chụp ảnh NEF (RAW)
- Tốc độ cửa trập chậm
- Sử dụng thẻ Eye-Fi
- Sử dụng chế độ chống rung với thấu kính VR
- Sử dụng thu phóng với thấu kính thu phóng mạnh

Để đảm bảo rằng bạn tận dụng tốt nhất hiệu suất của pin sạc Nikon EN-EL20:

- Giữ phần tiếp xúc pin sạch sẽ. Tiếp xúc bị bám bẩn có thể làm giảm hiệu suất pin.
- Sử dụng pin ngay sau khi sạc. Pin sẽ bị tiêu hao điện tích nếu không được sử dụng.



Danh mục

Các Biểu Tượng

	(Chế độ chụp ảnh tự động)	 21
	(Chế độ sáng tạo)	 27
	(Chế độ Chọn Ảnh Thông Minh)	.. 35
	(Chế độ phim)	 41
	(Chế độ Chụp nhanh Chuyển động)	 49
P, S, A, M		 28, 30
	(Phong cảnh ban đêm)	 28
	(Chân dung ban đêm)	 28
	(Đèn nền)	 28
	(Toàn cảnh dễ dàng)	 28, 32
	(Mềm)	 29
	(Hiệu ứng cỡ tí hơn)	 29
	(Màu lựa chọn)	 29
	(Chọn cảnh tự động)	 110
P	(Tự động được lập trình)	... 30, 110, 112
S	(Tự động ưu tiên cửa trập)	30, 110, 113
A	(Tự động ưu tiên độ mở ống kính)	. 30, 110, 114
M	(Bằng tay)	 30, 110, 115
	(chương trình linh động)	 112
	Nút MENU (menu)	 8, 97, 107, 155
	Nút (phát lại)	 25, 38, 52
	Nút (xóa)	 26, 39, 48, 52, 73
	Nút DISP (hiển thị)	 5, 51, 67
	Nút (đặc điểm)	... 10, 27, 44, 51, 74
	Nút (OK)	 7, 34, 38, 47, 52
	(AE-L/AF-L)	 125, 151, 160
	(bù phơi sáng)	 60
	(tự hẹn giờ)	 57
	điều khiển (thu phóng phát lại/ hình thu nhỏ)	 25, 47, 70, 72, 148
	PRE (Cài đặt trước bằng tay)	 128
	2s (điều khiển từ xa chụp chậm)	57
	(chế độ từ xa phản ứng nhanh)	. 57
	(ma trận)	 124
	(cân bằng trung tâm)	 124
	(điểm)	 124
	(vùng tự động)	 149

	(điểm đơn)	 149
	(theo dõi đối tượng)	 149
	(giảm mắt đỏ)	 62
	SLOW (đồng bộ chậm)	 62
	REAR (đồng bộ màn phía sau)	 62
	(chỉ báo đèn nháy sẵn sàng)	 62

A

Adobe RGB	 138
AE-L	 125, 151
AF	 144, 149
AF-A	 144
AF-C	 144
AF-F	 144
AF-S	 144
Âm lượng	 47, 77
Ảnh đẹp nhất	 35, 38
Auto power off (Tự động tắt nguồn)	159

B

Bài hát nền	 51, 52, 76, 86
Bản đồ điểm ảnh	 164
Bản in danh mục	 92
Bằng tay	 30, 110, 115
Bảo vệ	 100
Biểu đồ	 69
Bíp	 23, 58, 159
Bộ đổi điện AC	 166, 170
Bộ nhận hồng ngoại	 2, 58
Bộ nối móc gấn	 165, 199
Bóng đèn	 116
Bù đèn nháy	 153
Bù phơi sáng	 60

C

Cài đặt lại số tập tin	 161
Cài đặt phim	 123
Cài đặt trước bằng tay	 126, 128
Cân bằng trắng	 126
Cân bằng trung tâm (Đo sáng)	 124
Cảnh bảo nhiệt độ	 xvi
Cáp USB	 83, 90
Capture NX 2	 120, 137, 166



Cắt xén phim	104
CEC	89
Chân dung	22, 132
Chân dung ban đêm	22, 28
Chất lượng hình ảnh	118
Chế độ Chọn Ảnh Thông Minh	35
Chế độ chọn ảnh thông minh	6
Chế độ chụp ảnh tự động	6, 21
Chế độ Chụp Nhanh Chuyển Động ..	6, 49
Chế độ đèn nháy	63
Chế độ lấy nét	144
Chế độ phim	6, 41
Chế độ phơi sáng	110
Chế độ sáng tạo	6, 27
Chế độ từ xa phản ứng nhanh	57
Chế độ vùng lấy nét tự động	149
Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng	62
Chỉ báo phơi sáng	115
Chỉnh sửa phim	104
Chọn ảnh để in	92
Chọn ảnh theo ngày	92
Chọn cảnh	28
Chọn cảnh tự động	22, 110
Chống rung	143
Chủ đề	51
Chương trình linh động	112
Chụp hẹn giờ quang thời gian	142
Chụp nhanh Chuyển động	6, 49
Chụp từ xa theo thời lượng	160
Chuyển động chậm	45, 123
Cỡ hình ảnh	119
Công tắc điện	17
Công tắc thu phóng dẫn động bằng điện	24

D

Dẫn hướng thu phóng	24
Dấu mặt phẳng tiêu điểm	2, 148
Dấu thời gian	95
Dây đeo	11
DCF phiên bản 2.0	138, 203
D-Lighting	101
D-Lighting Hoạt Động	139
Dò tinh chỉnh cân bằng trắng	127
DPOF	92, 96, 203

Dung lượng thẻ nhớ	178
Đa bộ chọn	7
Đánh giá	74, 100
Đặt lại tùy chọn cài đặt	157
Đặt lại tùy chọn chụp	109
Đầu nối nguồn	166, 170
Đệm hình	36, 37, 50, 51
Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động ..	145, 152
Đèn nháy	62, 153
Đèn nháy gắn sẵn	62
Đèn nháy làm đầy	62
Đèn tiếp cận thẻ nhớ	23
Đĩa lệnh chế độ	6
Điểm (Đo sáng)	124
Điểm đơn	149
Điện tử (Cao)	121
Điều chỉnh nhanh	134
Điều khiển thiết bị HDMI	89
Điều khiển từ xa	57
Điều khiển từ xa chụp chậm	57
Định dạng	14, 157
Định dạng ngày	18, 162
Định dạng thẻ nhớ	14, 157
Định Dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số	203
Độ bão hòa	134
Độ mở ống kính	111, 114, 115
Độ mở ống kính tối đa	195
Độ nét cao	88, 89, 203
Độ nhạy	131
Độ nhạy ISO	131
Đo sáng	124
Độ sáng	134
Độ sáng màn hình	158
Độ tương phản	134, 139
Đơn sắc	132
Đồng bộ chậm	62
Đồng bộ màn phía sau	62
Đồng hồ	18, 19, 162
Đưa cảnh vào dẫn/làm mờ dẫn ..	140

E

Exif phiên bản 2.3	138, 203
Eye-Fi	169



G

Gán nút AE/AF-L	160
Gắn thấu kính	148
Giảm mất độ	62
Giảm nhấp nháy	161
Giảm nhiễu gió	141
Giảm nhiễu ISO cao	140

H

H.264	193
HDMI	88, 89, 203
HDMI-CEC	89
HDR	31
Hẹn giờ	57, 142
Hiển thị chi tiết	4, 5
Hiển thị đơn giản	5
Hiển thị lưới	5, 158
Hiệu ứng bộ lọc	134, 135
Hiệu ứng cỡ tí hơn	29
Hỗ trợ lấy nét tự động tích hợp	145, 152
Hủy bỏ	73

I

In	90
In ngày	96
In thứ tự in DPOF	92

J

JPEG	118
------------	-----

K

Khóa AE nút cửa trập	160
Khóa lấy nét	150
Khóa nhả khe trống	157
Khóa phơi sáng	125, 160
Khoá tự động phơi sáng	160
Khoá tự động phơi sáng	125, 160
Không gian màu	138
Kích cỡ	102, 119, 123, 189, 193

L

Làm sắc nét	134
Lắp thấu kính	16
Lấy nét	144, 149
Lấy nét bằng tay	147

Lấy nét tự động	144, 149
Lấy nét tự động đơn	144
Lấy nét tự động toàn thời gian	144
Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt	24, 152
Lịch	71, 75
Liên tục	121
Loa	2
Loại phim	44
Lựa chọn ảnh	99

M

Ma trận (Đo sáng)	124
Mặc Định	177
Màn hình	4, 5, 158
Màn hình chào mừng	158
Màng chắn bụi	2, 172
Màu chọn lọc	29
Màu sắc	134
Máy tính	79
Mềm	29
Menu cài đặt	155
Menu chụp	107
Menu phát lại	97
Micrô	42, 141
Miếng chắn bảo vệ cảm biến	17
MOV	120
Múi giờ	18, 162
Múi giờ và ngày	162

N

Nắp thân máy	1, 2, 167
Nắp thấu kính	197
NEF	118, 120
NEF (RAW)	118, 120
Ngày và thời gian	18, 162
Ngôn Ngữ	162
Ngôn ngữ	18
Ngược sáng	28
Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ	22, 23
Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng	22, 23, 36, 50
Nhiệt độ màu	130
Nikon Transfer 2	83
Nút AE-L/AF-L	125, 151, 160
Nút đặc điểm	10, 27, 44, 51, 74



Nút ghi phim	42, 46
Nút nhả cửa trập	22, 23, 36, 50, 160
Nút ống thấu kính co rút được	16, 24, 196

P

Phạm vi đèn nháy	65
Phát lại	25, 67
Phát lại hình thu nhỏ	70
Phát lại khuôn hình đầy	25, 67
Phát lại theo lịch	71
Phiên bản vi chương trình	164
Phim	41, 123
Phim HD	41, 123
Phơi sáng	30, 60, 110, 124, 125
Phơi sáng lâu NR	140
Phong cảnh	22, 132
Phong cảnh ban đêm	28
Phụ kiện	165
PictBridge	90, 203
Picture Control	132, 136
Picture Control Tùy Chọn ...	133, 136
Pin	11, 13, 20, 194
Pin đồng hồ	19

S

Sạc pin	11
Short Movie Creator	79, 85, 86
số f	111, 165
Sống động	132
sRGB	138

T

Tải từ/lưu vào thẻ	137
Tạo phim ngắn	85, 86
Thảo thấu kính khỏi máy ảnh	197
Thấu Kính	16
Thấu kính	24, 143, 165, 195
Thấu kính tương thích	165
Thay đổi kích cỡ	102
Thẻ nhớ	13, 15, 157, 168, 178
Thẻ SD	168
Theo dõi đối tượng	149
Thiết lập âm thanh	159
Thiết lập có sẵn	53
Thời gian	18, 57, 116, 162

Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày	18, 162
Thông Tin Ảnh	5
Thông tin ảnh	67
Thông tin ảnh chi tiết	5, 68
Thông tin ảnh đơn giản	5, 67
Thu phóng phát lại	72
Thứ tự in DPOF	92, 96
Tỉ lệ tiêu cự	24, 196
Tiêu chuẩn	132
Tiêu cự	24, 68
Toàn cảnh bình thường	119, 179
Toàn cảnh dễ dàng	28, 32
Toàn cảnh rộng	119, 179
Tốc độ cửa trập	111, 113, 115
Tốc độ khuôn hình	67, 123
Tông màu	134, 135
Trình chiếu slide	75
Trung tính	132
Tự chụp chân dung	57
Tự động chọn AF	144
Tự động được lập trình	30, 110, 112
Tự động lấy nét liên tục	144
Tự động tắt nguồn	17
Tự động ưu tiên cửa trập	30, 110, 113
Tự động ưu tiên độ mở ống kính	30, 110, 114
Tự động xoay hình ảnh	163
Tự hẹn giờ	57
Tùy chọn âm thanh phim	141
TV	88

U

USB	83, 90
-----------	--------

V

Viễn in	95
ViewNX 2	79
Vòng đệm gắn giá ba chân ...	59, 167
Vòng thu phóng	24, 196
VR	143
Vùng lấy nét	23, 149
Vùng tự động (chế độ vùng lấy nét tự động)	149



X

Xén	95, 103
Xóa	26, 39, 48, 52, 73
Xóa ảnh đã chọn	73
Xóa ảnh hiện tại	39, 48, 52, 73
Xóa hình ảnh hiện tại	26
Xóa tất cả ảnh	73
Xoay dọc	100

Y

Yêu cầu hệ thống	81
------------------------	----





Nghiêm cấm sao chép tài liệu này dưới bất kì hình thức nào, toàn bộ hoặc một phần (ngoại trừ trích dẫn ngắn trong các bài phê bình hoặc giới thiệu), mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của NIKON CORPORATION.